***Ngày soạn: 4/9***

***Ngày dạy: 6/9(7C, 7D)***

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**TIẾT 1, 2,3 : TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ VĂN BẢN” BẦY CHIM CHÌA VÔI”**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bạn thân hiểu thêm văn bản.

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.

- Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

**2.** **Phẩm chất:**

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- HS có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước, có tình yêu thương con người, biết chia sẻ và cảm thông.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: ***Hãy chia sẻ với cả lớp về kì nghỉ hè vừa rồi của các em?***

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm đề tài, chi tiết, nhân vật.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: hoàn thành PHT sau các câu hỏi sau:    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **A. Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn**  **I. Đề tài và chi tiết**  **1. Đề tài**  - Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong các tác phẩm văn học. Để xác định đề tài, có thể dựa vào phạm vi hiện thực được miêu tả (đề tài lịch sử, đề tài chiến tranh, đề tài gia đình…) hoặc nhân vật được đặt ở vị trí trung tâm của tác phẩm (đề tài trẻ em, đề tài phụ nữ, đề tài người nông dân, đề tài người lính…). Một tác phẩm có thể đề cập nhiều đề tài, trong đó có một đề tài chính.  **2. Chi tiết**  - Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng (thiên nhiên, con người, sự kiện…) nhưng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc đem lại sự sinh động, lôi cuốn cho tác phẩm văn học.  **II. Tính cách nhân vật**  Tính cách nhân vật là đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ. Tính cách của nhân vật còn được thể hiện qua mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác. |

**B .văn bản BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**Nguyễn Quang Thiều**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS nhận biết được các sự việc chính, nhân vật chính trong văn bản

- HS phân tích được các chi tiết nói về nhân vật cũng như tính cách của nhân vật Mên và Mon trong văn bản “Bầy chim chìa vôi”

- HS nhận xét được nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả trong tác phẩm.

- Nl giao tiếp , quyết vấn dề

**2. Phẩm chất:**

Yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV trình chiếu những bức hình về các loài chim. Yêu cầu HS nêu hiểu biết về những loài chim***-***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, hoàn thành Hồ sơ tác giả*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **2. Tác phẩm**  **- Đề tài:** viết về trẻ em  **- Xuất xứ:** in trong tập “Mùa hoa cải trên sông”  **- Thể loại:** truyện ngắn  **- Nhân vật chính:** Mên và Mon  **- Ngôi kể:** ngôi thứ ba  **- Bố cục:** 3 phần  **+ Phần 1:** Từ đầu ... “sinh nở của chúng”  **-> Cuộc trò chuyện của Mon và Mên ở phần 1**  **+ Phần 2:** Tiếp...lấy đò của ông Hào mà đi  **-> Cuộc trò chuyện của Mon và Mên ở phần 2**  **+ Phần 3: Còn lại**  **->** Hình ảnh bầy chim chìa vôi  **- Tóm tắt:** *Vào một đêm mưa bão, hai anh em Mon và Mên trằn trọc không ngủ được vì lo lắng cho bầy chim chìa vôi, làm tổ ở bãi cát giữa sông. Suy nghĩ lo lắng khiến cả hai anh em không ngủ được, quyết tâm đi đến bờ sông ngay trong đêm để mang những chú chim vào bờ. Khi bình minh lên, dải cát vẫn còn lộ ra trên mặt nước, trong khoảnh khắc cuối cùng, những chú chim non bay lên không trung khiến hai đứa trẻ vui mừng, hạnh phúc.* |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Cuộc trò chuyện với Mon và Mên và hình ảnh bầy chim chìa vôi

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về *Cuộc trò chuyện với Mon và Mên ở đoạn 1***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- HS đọc sgk Hoàn thành Phiếu học tập 01*    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Cuộc trò chuyện với Mon và Mên ở đoạn 1***  **\* Thời gian:** Khoảng hai giờ sáng  **\* Hoàn cảnh:**  - Mưa vẫn to  - Nước sông dâng cao xiên xiết chảy  **\* Cuộc trò chuyện:**   |  |  | | --- | --- | | **MON** | **MÊN** | | - Mưa có to không?  - Nước sông lên có to không?  - Bãi cát giữa sông đã ngập chưa?  - Em sợ chim chìa vôi non bị chết đuối  - Chúng nó có bơi được không?  - Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ? | - Lại chẳng to.  - Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi.  - Sắp ngập đến bãi cát rồi.  - Tao cũng sợ…  - Chim thì bơi làm sao được.  - Tao không biết. | | **-> Mên và Mon lo sợ bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối trước nguy cơ bãi cát giữa sông bị ngập.** | | |   **\* Tâm trạng:** Hai anh em cùng lo lắng, lo sợ bầy chim non sẽ chết đuối  **=> Nhận xét:** Nghệ thuật: ngôn ngữ đối thoại bình dị, gần gũi với đời thường.  ***🡪 Mên và Mon hồn nhiên, ngây thơ, có trái tim trong sáng, giàu tình yêu thương đối với loài vật.*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: Tổ chức hoạt động nhóm**  **Nhóm 1:** Tìm những chi tiết nói về cuộc trò chuyện của Mên và Mon xoay quanh việc giải cứu bầy chim chìa vôi non  **Nhóm 2:** Tìm những chi tiết nói về cuộc trò chuyện của Mên và Mon xoay quanh việc giải cứu cá bống  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Cuộc trò chuyện với Mon và Mên ở đoạn 2***   |  |  | | --- | --- | | **Giải cứu bầy chim chìa vôi** | | | **MON** | **MÊN** | | - Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?  - Tổ chim sẽ bị chìm mất.  - Hay mình mang chúng nó vào bờ.  - Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.  - Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi. | - Chưa  - Thế làm thế nào bây giờ?  - Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được.  - Đi bây giờ à? | | 🡪 ***Nghệ thuật***: sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  🡪 ***Nội dung***: Thể hiện quyết tâm giải cứu bầy chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông của hai đứa trẻ. | |  |  |  | | --- | --- | | **Giải cứu con cá bống** | | | MON | MÊN | | - Cả một con cá bống rất to và đẹp. Em lấy trộm con cá bống  - Em thả xuống cống rồi  - Cái hốc cắm sào đò ngập bủm rồi anh nhỉ? | - Thế để đâu rồi?  - Ngập đến mái nhà con bống cũng chẳng sợ | | ->Mon đã trộm cá bống của bố và đem thả  NT: cuộc đối thoại, những câu hỏi ngây thơ  -> Mon là một cậu bé có trái tim nhân hậu | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: đặt câu hỏi**  - Thời gian và không gian bầy chim chìa vôi xuất hiện?  - Hành trình cất cánh của bầy chim chìa vôi được diễn ra như thế nào?  - Mon và Mên khi chứng kiến cảnh đó có tâm trạng gì?  - Trong đoạn kết của truyện, Mên và Mon không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Em hãy giúp nhân vật lí giải điều đó?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***3. Hình ảnh bầy chim chìa vôi***  **\* Thời gian:** Vào buổi sáng bình minh.  **\* Khung cảnh bãi sông:** Dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát.  **\* Hành trình cất cánh của bầy chim chìa vôi**  **-** Một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra.  **-** Những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ...  **-** Cuối cùng bầy chim đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời của chúng…  **\* Tâm trạng của Mon và Mên khi chứng kiến cảnh đó**  **-** Đứng không nhúc nhích.  - Trên gương mặt tái nhợt của chúng hửng lên ánh ngày.  - Cả hai đã khóc tự lúc nào.  - Chúng cùng nhìn nhau và bật cười.  **\* Nhận xét**  🡪 ***Nghệ thuật***: miêu tả tâm lí nhân vật.  *🡪 Lúc đầu, Mên và Mon căng thẳng, lo lắng. Sau khi bầy chim chìa vôi non cất cánh thì Mên và Mon sung sướng, hạnh phúc.*  **\* Nhận xét chung về MON VÀ MÊN**  - Là hai anh em gắn bó, đoàn kết, chia sẻ, yêu thương nhau.  - Là những đứa trẻ thông minh, hiểu biết.  - Là những đứa trẻ ngây thơ nhưng có trái tim nhân hậu, yêu thương động vật  **\* Nhận xét về Khung cảnh làng quê**  - Một khung cảnh yên bình với thiên nhiên chan hòa.  - Sự gắn bó, gần gũi của con người với thiên nhiên. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khai quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | ***III. Tổng kết***  ***1. Nghệ thuật***  - Tình huống truyện tự nhiên, hấp dẫn.  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại, giản dị, phù hợp với trẻ thơ.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  ***2. Nội dung***  - Kể về cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi non qua điểm nhìn của hai cậu bé Mên và Mon.  - Qua đó ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi Ôn tập bài học LUCKY STAR*

**+ Em hãy sưu tầm các câu nói, câu danh ngôn nổi tiếng viết về tinh thần ý chí của con người**

5. HD về nhà

*Gv HD hs học bài ở nhà*

***Ngày soạn: 6/9***

***Ngày dạy:***  *9/9*

**TIẾT 4**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được thành phần trạng ngữ trong câu; mở rộng được trạng ngữ bằng cụm từ

- Nhận diện được từ láy, phân tích được tác dụng của từ láy trong các ngữ cảnh cụ thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực nhận diện và phân tích thành phần trạng ngữ và từ láy trong câu

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

***Trạng ngữ được phân thành mấy loại, hãy kể tên các loại đó?***

**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trạng ngữ là một thành phần quan trong trong câu. Vậy làm thể nào để xác định và mở rộng được trạng ngữ. Trong tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết**

**a. Mục tiêu:** biết cách mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Xác định thành phần trạng ngữ trong 2 ví dụ sau.  - Ở ví dụ 2 trạng ngữ có sự thay đổi gì so với trạng ngữ ở câu 1, tác dụng của viêc thay đổi đó?  - Qua 2 ví dụ em hãy nêu công dụng của việc mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng | **I. Mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ**  **1. Xét ví dụ**    **VD 1: Đêm, trời mưa như trút nước**  **TN CN VN**  **🡪 *Trạng ngữ là 1 từ “Đêm”***  **VD 2: Đêm hôm qua, trời mưa như**  **TN trút nước**    **🡪 *Trạng ngữ là một cụm từ “Đêm hôm qua”***  **🡪 *Ở ví dụ 2 trạng ngữ được mở rộng và nhờ vậy nên trạng ngữ ở ví dụ 2 cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc trời mưa như trút nước.***  **2. Công dụng**  Mở rộng thành phần trạng ngữ bằng cụm từ có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ chính phụ như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ. |
| **Thao tác 2: Bài tập**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức Hoạt động nhóm yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 17 và trả lời các câu hỏi  **Nhóm 1: câu a**  **Nhóm 2: câu b**  **Nhóm 3: câu c**  **Nhóm 4: câu d**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng  **GV chuẩn kiến thức:**  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa. | **3. Bài tập**  **a. Bài tập 1**  **a)**  ***Hôm qua****,* ***nước******bắt đầu dâng lên***  ***TN CN VN***  ***nhanh hơn.***  ***Suốt từ chiều hôm qua****,* ***nước******bắt đầu***  ***TN CN VN***  ***dâng lên nhanh hơn***   * Trạng ngữ chỉ thời gian. * *Trạng ngữ «suốt từ chiều hôm qua» ở ví dụ sau được mở rộng hơn, rõ ràng và cụ thể hơn, nhấn mạnh được thời gian và quá trình xảy ra sự việc.*   b.   |  | | --- | | ***b.1 Trong gian phòng****,* ***những bức*** | | *TN CN* | | ***tranh******treo kín bốn bức tường*** | | *VN* | |  | | *b.2* ***Trong căn phòng lớn tràn ngập***  *TN* | | ***ánh sáng, những bức tranh của thí*** | | ***CN*** | | ***sin****h,* ***treo kín bốn bức tường*** | | ***VN*** |  * Trạng ngữ chỉ nơi chốn.   🡪 Ở ví dụ **b**, trạng ngữ «Trong văn phòng lớn tràn ngập ánh sáng» được mở rộng hơn so với ví dụ thứ nhất, và nhờ thế mà không gian của căn phòng hiện lên rõ nét và sinh động hơn.  c.   |  | | --- | | ***c.1 Thế mà trong một đêm****,* ***trời****,* ***bỗng***  TN CN | |  | | ***đổi gió bấc, rồi cái lạnh***  ***ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét buốt*** | | TN |  |  | | --- | | ***c.2 Thế mà trong một đêm mưa rào, trời***  TN CN | |  | | ***đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét buốt*** | | TN |   ->Trạng ngữ chỉ thời gian.  -> Ở ví dụ **c**, trạng ngữ «thế mà trong một đêm mưa rào» được mở rộng hơn so với TN ở ví dụ trên: thời gian của sự việc trời trở gió… được nêu lên cụ thể hơn.  d.   |  | | --- | | ***Trên nóc một lô cốt****,* ***người phụ nữ trẻ******đang phơi thóc*** | | TN CN VN |  |  | | --- | | ***Trên nóc một lô cốt cũ kĩ bên một xóm nhỏ****,* ***người phụ nữ trẻ*** | | TN CN | | ***đang phơi thóc***  VN | | *->Trạng ngữ chỉ nơi chốn*  *-> Ở ví dụ* ***d****, trạng ngữ «Trên nóc một lô cốt cũ kĩ bên một xóm nhỏ» được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ trên, nhờ vậy mà không gian – nơi người phụ nữ trẻ đang phơi thóc được hiện lên rất rõ nét và cụ thể.*  **b. Bài tập 2. Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ. Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu.** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV Tổ chức TRÒ CHƠI TIẾP SỨC  **Yêu cầu: ghép những đáp án sau vào bảng để được đáp án đúng**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng | **II. Từ láy**     |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Từ ghép** | **Từ láy** | | Ví dụ cụ thể: | xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp. | vội vàng, hoảng hốt. | | Cơ sở để xác định:  Dựa vào mối quan hệ giữa các tiếng trong từ | các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. | các tiếng có quan hệ về mặt ngữ âm. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng | **Bài tập 3** |

**Hoạt động 4: vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* làm bài tập 4

Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 dòng) kể về một kỷ niệm tuổi thơ của em. Trong đó có sử dụng một trạng ngữ và một từ láy

5. HD HS học bài ở nhà

***Ngày soạn: 7/9***

***Ngày dạy: 9/9(7c,7D)***

**TIẾT 5,6:**

**ĐI LÂY MẬT**

**Trích tiểu thuyết: Đất rừng phương Nam(Đoàn Giỏi)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể loạitiểu thuyết qua đoạn trích. Nhận biết được các sự việc chính, nhân vật chính trong văn bản

- HS phân tích được cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh. Đặc điểm tính cách nhân vật con người Nam bộ được tác giả thể hiện trong văn bản.

- HS nhận xét được một số yếu tố về (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sống sinh hoạt) trong văn bản

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích được ngôn ngữ, sự kiện trong văn bản

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

- HS có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước, có tình yêu thương con người, biết chia sẻ và cảm thông.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: **NHÌN HÌNH ĐOÁN ĐỊA DANH**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà văn Đoàn Giỏi và tiểu thuyết Đất rừng phương Nam?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> Ghi lên bảng.  **GV có thể bổ sung thêm:**  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***GV:*** Tổ chức hoạt động nhóm đôi  Hoàn thành phiếu học tập    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  Tóm tắt đoạn trích:  Đoạn trích “Đi lấy mật” kể về một lần An cùng Cò và cha nuôi cùng nhau vào rừng U Minh đi lấy mật ong. Xuyên suốt đoạn trích là cảnh sắc đất rừng phương Nam được tác giả miêu tả hiện lên vô cùng sinh động, vừa bí ẩn, hùng vĩ, lại vừa thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân nơi đây qua những suy nghĩ của cậu bé An | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **2. Tác phẩm**  **- Năm sáng tác:** 1957  **- Dung lượng:** 20 chương  **- Nội dung chính:** Cuộc đời phiêu bạt của cậu bé tên An.  - Được dịch ra nhiều tiếng, tái bản nhiều lần, dựng thành phim và in trong Tủ Sách Vàng của nhà xuất bản Kim Đồng.  **3. Đoạn trích:** **Đi lấy mật**  **- Vị trí đoạn trích: Chương 9** (Tía nuôi dắt An và Cò đi lấy mật trong rừng U Minh).  **- Ngôi kể**: **Ngôi thứ nhất** (nhân vật AN xưng rôi kể chuyện)  **- Nhân vật chính**: An, thằng Cò....  ***- Thể loại và phương thức biểu đạt***  ***+ Thể loại:*** *tiểu thuyết*  ***+ PTBĐ:*** *tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm*  ***- Bố cục 5 phần***  **+ Phần 1:** Từ đầu ...một lớp thủy tinh  **-> Khung cảnh thiên nhiên sáng sớm qua cái nhìn của nhân vật An**  **+ Phần 2:** Tiếp theo...cây tràm thấp kia  **-> Hình ảnh đi lấy mật của An, Cò, Tía nuôi**  + **Phần 3**: Phần còn lại  **-> Cách thuần hóa ong rừng khác biệt của người dân rừng U Minh** |

**Hoạt động 2: Phân tích văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được khung cảnh thiên nhiên rừng U Minh, qua đó khái quát đươc tính cách người dân Nam bộ qua nhân vật

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Đọc văn bản và tìm những chi tiết miêu tả cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh qua các thời điểm: khi sáng sớm, lúc nghỉ ngơi, khi ăn cơm, khi đi đường, khi ăn trưa.*  *- Em có nhận xét gì về cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh và cách quan sát miêu tả của tác giả?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh***  **a. Sáng sớm**  **- Khung cảnh**: ‘‘đất rừng thật là yên tĩnh’’  **- Không khí**: ‘‘không khí mát lạnh từ hơi nước...thở ra từ bình minh’’  **- Ánh sáng**: ‘‘Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh...qua một lớp thủy tinh.’’  ->Không gian tĩnh lặng, yên bình, dễ chịu  **b. Khi nghỉ ngơi**  **- Âm thanh**: ‘‘rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình’’  **- Hình ảnh**: ruồi xanh bay đứng, chuồn chuồn bay ngang, mối cánh, ong mật....  ->Sự lắng nghe, quan sát tỉ mỉ, am hiểu về thiên nhiên khu rừng  **-NT**: miêu tả tỉ mỉ, liệt kê hình ảnh  **c. Khi ăn cơm**  + Nắng mới bắt đầu lên  + Gió cũng bắt đầu thổi rao rao ...ánh nắng vàng rực rỡ xuống mặt đất.  + Một làn hơi nước nhè nhẹ tỏa lên...hơi ấm mặt trời  + Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến mất  + Chim hót líu lo  + Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất.  + Gió đưa mùi hương ngọt lan ra phảng phất khắp rừng.  + Mấy con kì nhông nằm phơi mình....  -> Không gian thay đổi dần trở nên náo nhiệt, sinh động  **- NT:** quan sát, miêu tả tỉ mỉ  **d. Khi đi đường**  + Có nhiều gai nhọn chắn ngang.  + Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao..  + Chim áo già màu nâu...rất đẹp mắt  + Những con chim nhỏ bay vù vù...  -> Khung cảnh thiên nhiên khi có ánh nắng mặt trời rất sinh động, rực rỡ nhiều màu sắc.  -> Bé An rất thích thú, bất ngờ và phấn khích  **e. Khi ăn trưa**  + Cây tràm thật mát  + Bóng nắng nghiêng nghiêng..  + Mấy con gầm ghì sắc lông màu xanh...  + Vài ba trái vàng rụng lộp bộp...  **-> Cảnh sắc rừng U minh được miêu tả theo trình tự thời gian, với vẻ đẹp tự nhiên, hoang sơ... Khung cảnh với đầu màu sắc, âm thanh và hình ảnh.**  **-> Sự cảm nhận tinh tế của nhân vật An với nhiều giác quan: thị giác, tình giác, khứu giác, xúc giác...** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: Tổ chức hoạt động nhóm**  **Thảo luận hoàn thành phiếu học tập 02**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoàn thành phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Hình tượng con người Nam Bộ***  **a. BÉ AN**  **- Hoạt động:** lần đầu theo tía vào rừng  **- Trạng thái:**  + Thích thú nhưng mệt, thở nặng nề  + Choáng ngợp trước vẻ đẹp của thiên nhiên, bất ngờ, say mê cảnh sắc rừng U Minh  **- Tính cách, phẩm chất:**  + Hồn nhiên vô tư  + Ham học hỏi, quan sát, tìm tòi, khám phá  + Lễ phép, ngoan ngoãn  -> Là một cậu bé yêu và thích khám phá thiên nhiên; ngoan ngoãn, lễ phép và nhận được sự tin yêu của mọi người.  **b. THẰNG CÒ**  **- Ngoại hình**: cặp chân như bộ giò nai  **- Hành động:**  + Đội cái thúng to tướng....  + Đố An về những con vật trên đường đi  + Nói vu vơ về sân chim...  + Chành cái môi ra cười hì hì.  **- Tính cách:** hồn nhiên, vô tư, hiểu biết, thân thiện, tốt bụng.  -> Am hiểu về thiên nhiên, động vật trong rừng, có vẻ đẹp của thân hình khỏe khoắn và tính cách thân thiện  **c. TÍA NUÔI**  **+ Hình dáng bên ngoài**: đeo lủng lẳng chiếc túi bên hông, lưng mang gùi, tay cầm chả gạc  **+ Hành động, cử chỉ**: lâu lâu vung tay đưa con dao phạt ngang một nhánh cây, lôi phăng nhánh gai; gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi  **+ Cách cư xử:** nghe An thở phía sau ông đã biết cậu bé mệt và cần nghỉ ngơi; chú tâm chăm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng…  -> Là một người lao động dày dạn kinh nghiệm, từng trải và can đảm; tính cách mạnh mẽ; giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên.  **d. MÁ NUÔI**  **- Hành động:**  + Bơi xuồng..  + Giảng giải cho An công việc của người ăn ong.  + Giải thích cho An ‘‘Kèo là gì’’  + Chành cái môi ra cười hì hì.  **- Tính cách, phẩm chất:** chu đáo, cẩn thận, yêu thương con, am hiểu về thiên nhiên và công việc  -> Má nuôi chỉ hiện lên qua lời của nhân vật An, nhưng nổi bật lên là một người má giàu tình yêu và nhân hậu  Nhận xét:  **An, Cò -> Nhân vật trẻ thơ hồn nhiên, vô tư, tinh nghịch, ham khám phá, thích tìm tòi, dễ thương, đáng yêu, đáng mến**  **-> Tía và má nuôi là con người đại diện cho người dân Nam Bộ chất phát, thật thà giàu tình yêu thương**. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: đặt câu hỏi**  Đọc văn bản và cho biết nghề ăn ong và thuần hóa ong ở rừng U Minh có gì đặc biệt?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***3. Đặc sắc nghề ăn ong, thuần hóa ong ở rừng U Minh***  - Người ta vẫn tìm theo dấu đường bay của ong,  vất vả để tìm kiếm và thuần hóa nó trở thành ong nhà.  - Người nuôi ong ở rừng U Minh lấy mật bằng cách gác kèo.  - Ong rừng sẽ gửi mật tại rừng tràm.  - Người dân là người định sẵn cho ong một nơi về đóng tổ.  - Tổ ong hình nhánh kèo. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khai quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật giản dị, gần gũi đậm chất miền Tây Nam Bộ  - Cách kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn  - Vận dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp nghệ thuật như liệt kê, so sánh…  ***2. Nội dung***  Đoạn trích “Đi lấy mật” kể về trải nghiệm đi lấy mật ong rừng của An cùng Cò và cha nuôi. Trong hành trình này, phong cảnh rừng núi phương Nam được tác giả tái hiện vô cùng sinh động, huyền bí, hùng vĩ nhưng cũng rất thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân vùng U Minh |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi Ôn tập bài học( Gv chiếu trên máy )5*

*5. HD học sinh học bài ở nhà ( GV Hd trên trên màn chiếu )*

*Ngày soạn:13*

*Ngày dạy: 16/9*

**TIẾT 7:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích được thành phần chính trong câu;

- Vận dụng làm các dạng bài tập về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích thành phần chính trong câu

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

***Đăt câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV giới thiệu vào bài học mới.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Kiến thức cần nhớ**

**a. Mục tiêu:** biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Ngôn ngữ vùng miền**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:  *Thành phần chính của câu gồm những thành phần nào?*  *Có thể mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ không?*  *Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng. | **I. Tri thức tiếng việt**  **1**. Thành phần chính của câu bao gồm chủ ngữ và vị ngữ , đây là thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu.  2. Có thể mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.  3. Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụ từ : có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe |
| **Thao tác 2: Bài tập**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, Ghi lên bảng.  **GV chuẩn kiến thức:**  - GV yêu cầu HS rút ra khái niệm về so sánh, nhân hóa. | **II. Bài tập**  **1. Bài tập 1**  (1) Chim **hót líu lo**. (2) Nắng **bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất**. Gió **đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng**. (3) Mấy con kì nhông **nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục**, (4) sắc da lưng **luôn luôn biến dổi từ xanh hóa vàng, từ vàng hóa đỏ, từ đỏ hóa tím xanh...**  + Câu (1): cụ thể hóa tiếng hót của chim.  + Câu (2): cụ thể hóa cảm giác về mùi thơm của hương hoa tràm.  + Câu (3): cung cấp thêm thông tin về hướng mà hương thơm lan tỏa.  + Câu (4): cung cấp thêm thông tin về vị trí mà tính chất màu da của đối tượng (con kì nhông). |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK và hoàn thành phiếu học tập sau:    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:    **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng | **Bài tập 2** |
| **Thao tác 2: Bài tập**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 SGK và hoàn thành Phiếu học tập    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:    **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng | **Bài tập 3** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 SGK  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng | **Bài tập 4**  **Các câu sau có thành phần chính là một từ. Hãy mở rộng thành phần chính của câu thành cụm từ:**  ***Gió thổi***  + gió ở trên núi thổi rất dữ dội  + gió mùa đông bắc đã thổi về lạnh buốt |

**Hoạt động 4: vận dụng**

*- GV yêu cầu HS:*

**Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em, trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu có thành phần chính là cụm từ**

**Bài viết tham khảo**

Trải nghiệm đáng nhớ nhất của em cho đến thời điểm này là chuyến tham quan suối cá thần ở Cẩm Thủy. Ở dòng suối chỉ sâu khoảng nửa mét, rộng bốn đến năm mét, **hàng ngàn con cá / tung tăng bơi lội**. Mỗi con cá có thể nặng từ 2kg đến 8kg gồm các loài: cá dốc quý hiếm, cá chài, cá mại… với hình dáng lạ mắt, nhiều màu sắc, mỗi khi bơi thân cá lấp lánh ánh bạc rất đẹp. Tuy mật độ cá dày đặc nhưng nước suối không tanh. Đặc biệt, **nước ở suối cá thần/** **lúc nào cũng trong vắt**, chỗ nào không bị đàn cá che khuất thì có thể nhìn rõ những viên sỏi và rong rêu. Em hi vọng sẽ có cơ hội trở lại đây vào một ngày không xa.

5. Hướng dãn HS học bài ở nhà :

*Ngày soạn: 14/9*

*Ngày dạy:17/9*

**Tiết 9 NGÀN SAO LÀM VIỆC**

**- Võ Quảng-**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể loạithơ năm chữ

- HS phân tích được khung cảnh làng quê lúc trời chuyển tối và khung cảnh bầu trời đêm qua cái nhìn của nhân vật tôi.

- HS nhận xét được một số yếu tố về (ngôn ngữ, giọng điệu, hình ảnh thơ) trong văn bản.

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

- Năng lực ngôn ngữ

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

- HS có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước, có tình yêu thương con người, biết chia sẻ và cảm thông.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi. ***GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Các em thân mến! Không gian làng quê là một không gian quen thuộc thường được nhiều nhà thơ nhà văn lấy làm nguồn cảm hứng sang tác cho tác phẩm của mình. Trong vô vàn những thi phẩm đặc sắc viết về đề tài này chúng ta có thể kể đến bài thơ Ngàn sao lấp lánh của nhà thơ Võ Quảng. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà thơ Võ Quảng*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> Ghi lên bảng.  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***GV:*** Tổ chức hoạt động nhóm đôi  Hoàn thành phiếu học tập    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Võ Quảng (1920 - 2007) quê ở Quảng Nam.  - Tài năng: ông sáng tác thơ, văn, kịch bản phim hoạt hình, viết lý luận về văn học thiếu nhi.  - PCST: giản dị, trong sáng; gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo. Ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu hồn nhiên, ngộ nghĩnh, tươi vui.  - Sáng tác nổi bật: Năng sớm (1965), Anh đom đóm (1970), Quê nội (1974),…  **2. Tác phẩm**  **1. Thể loại:** thể thơ năm chữ  **2. Xuất xứ:** Bài thơ được trích trong *Tuyển tập Võ Quảng*, tập II, xuất bản năm 1998.  **3. Phương thức biểu đạt:** biểu cảm  **4. Bố cục**  + Phần 1: Hai khổ thơ đầu: Khung cảnh làng quê lúc trời chuyển tối  + Phần 2: Bốn khổ thơ cuối: Khung cảnh bầu trời đêm |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được khung cảnh làng quê khi trời chuyển tối

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Khung cảnh làng quê khi làng chuyển tối***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV: tổ chức hoạt động nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi sau:   + Nhận xét về **bức tranh cảnh vật** hiện lên trong khổ thơ 1,2  + Theo em nhân vật tôi trong bài thơ là ai? Tâm trạng nhân vật tôi có gì đặc biệt?  + Nhận xét về nghệ thuật được sử dụng trong hai khổ thơ đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Khung cảnh làng quê khi trời chuyển tối***  **a. Bức tranh cảnh vật**  **- Thời gian**: Xế chiều  **- Không gian**: đồng quê, yên tĩnh  **- Cảnh vật:**  + Bóng chiều tỏa ra  + Đồng quê xanh thẫm – tối mò  + Trâu ăn no cỏ, đủng đỉnh đi về  ***-> Cánh đồng quê thanh bình, yên tĩnh***  **b. Tâm trạng nhân vật tôi**  **- Nhân vật tôi:** Cậu bé chăn trâu, sống ở làng quê.  **- Hành động:** dắt trâu đi về  **- Tâm trạng:** Vui vẻ, thư giãn sau một ngày dài.  **-NT**: miêu tả tỉ mỉ, liệt kê hình ảnh  **-> Khung cảnh làng quê êm ả, yên bình trái ngược với sự vận hành của thời gian, trời chuyển tối rất nhanh, mọi sự vật như chìm vào trạng thái nghỉ ngơi.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: Tổ chức hoạt động nhóm**  GV hỏi: Khung cảnh bầu trời đêm được hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật tôi như thế nào?  Khi trời chuyển dần sáng có sự thay đổi gì? Nhận xét về sự thay đổi đó  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chơi trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Khung cảnh bầu trời đêm***  **a. Khung cảnh trời đêm qua trí tưởng tượng của nhân vật tôi**  - Sao Ngân Hà  -> Như một dòng sông  - Sao Thần Nông  -> Như chiếc vó bằng vàng  - Sao Hôm  -> Như đuốc đèn soi cá  - Sao Đại Hùng tinh  -> Như chiếc gàu tát nước  - Sao dọc ngang  -> Như cua tôm bơi lội  - NT liệt kê 🡪 Khung cảnh bao la, rộng lớn, lung linh với muôn ngàn sao 🡪 Trí tưởng tượng phong phú  + So sánh: các ngôi sao đều được so sánh với các vật dụng của người dân 🡪 Gợi lên khung cảnh lao động: nhộn nhip, tươi vui, sống động.  **b. Khung cảnh trời dần chuyển sáng** Ngàn sao vui làm việc Mải đến lúc hừng đông Phe phẩy chiếc quạt hồng Báo ngày lên, về nghỉ  **- Nghệ thuật:**  + Nhân hóa “ngàn sao” biết làm việc  + So sánh: Mặt trời lên giống như “chiếc quạt hồng”  + Sự đối lập: màn đêm > < hừng đông.  -> Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên vẻ đẹp huyền diệu của trời đêm. Lao động và biết đoàn kết, yêu thương đã làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khai quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thơ 5 chữ  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ so sánh, liệt kê, nhân hóa,…  - Ngôn ngữ thơ gần gũi, sinh động  **2. Nội dung**  Bài thơ đã vẽ lên bức tranh khung cảnh làng quê êm đềm, yên bình, của vũ trụ bao la nhưng rất đỗi gần gũi, thân thuộc. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi Ôn tập bài học*

*4. HD HS học bài ở nhà : Viết”* Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài

*Ngày soạn: 17/9*

*Ngày dạy:20/9*

**TIẾT 9,10,11:VIẾT**

**Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS viết được bài văn tóm tắt theo những yêu cầu khác nhau về độ dài

- HS rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn tóm tắt.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

*- GV yêu cầu HS tóm tắt lại một văn bản, một câu chuyện mà em yêu thích*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Tìm hiểu các yêu cầu đối với các văn bản tóm tắt**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu khi viết một văn bản tóm tắt

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi  *+ Theo em khi viết một văn bản tóm tắt cần những yêu cầu gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | ***1. Yêu cầu đối với các văn bản tóm tắt***  - Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.  - Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.  - Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.  -  Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt. |

**2.2 Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc, nhớ lại văn bản Sơn Tinh Thủy Tinh và xác định nội dung, chủ đề, các sự kiện chính của văn bản  Hoàn thành phiếu học tập    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **– Nội dung, chủ đề của văn bản tóm tắt:**  **+ Nội dung** kể về câu chuyện kén rể của vua Hùng và cuộc giao tranh giữa hai vị thần Sơn Tinh, Thủy Tinh để tranh giành công chúa Mị Nương.  **+ Chủ đề:** Giải thích hiện tượng  thiên nhiên (thiên tai lũ lụt hằng năm).  **– Nội dung chính của văn bản được tóm tắt:**  + Vua Hùng kén rể.  + Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn.  + Vua Hùng ra điều kiện kén rể.  + Sơn Tinh mang đầy đủ lễ vật đến trước và rước Mị Nương về núi.  + Thủy Tinh đến sau không cưới được vợ, nổi giận mang quân đi đánh Sơn Tinh.  + Hai bên giao chiến hằng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua đành rút lui.  + Hằng năm, Thủy Tinh lại dâng nước lên đánh Sơn Tinh, gây ra lũ lụt.  **\* Các tiêu chí tóm tắt**  **Văn bản 1**  - Trung thành với văn bản gốc  - Trình bày được ý chính, điểm quan trọng  - Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh- chúa miền non cao, Thủy Tinh- chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận...  Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh- chúa miền non cao, Thủy Tinh- chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận...  - Ngắn hơn, có 4 câu  **Văn bản 2**  - Trung thành với văn bản gốc  - Trình bày được ý chính, điểm quan trọng  - Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh- chúa miền non cao, Thủy Tinh- chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận...  - Dài hơn, có 12 câu |

**2.2. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 8-10 câu) tóm tắt văn bản “Bầy chim chìa vôi”- Nguyễn Quang Thiều*  - GV hướng dẫn học sinh các khâu chuẩn bị  - GV: hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm ý, lập dàn ý cho bài viết  - GV HD học sinh tiến hành viết bài  - Sau khi viết xong tiến hành kiểm tra và chỉnh sửa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **2. Các bước tiến hành**  **Trước khi tóm tắt**  **a. Đọc kĩ văn bản gốc**  **b. Xác định nội dung chính cầm tóm tắt**  - Xác định nội dung cốt lõi của toàn văn bản  VD: chuyện hai anh em Mên và Mon đi đò ra bãi cát giữa sông để cứu tổ chim sắp bị ngập nước và xúc động khi chứng kiến cảnh đàn chim bé bỏng “bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên”.  - Xác định các ý chính của từng phần:  **+ Bối cảnh**   * Ở đâu? * Khi nào?   **+ Nhân vật**  **+ Sự việc: 1,2,3**  **Nội dung chính trong từng phần**  **PHẦN 1:** Khoảng hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không ngủ được. vì “sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối”  **PHẦN 2:** Hai anh em Mên và Mon vẫn lo rằng tổ chim chìa vôi sẽ bị ngập chìm trong dòng nước lớn. Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ.  **PHẦN 3:** Mên và Mon đi đò ra giữa sông và xúc động khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ.  **- Tìm các từ ngữ quan trọng của văn bản**  VD: Hai anh em *Mên và Mon*, *bẫy chim chìa vôi*, *con đò*, *bãi cát giữa sông*,…  **- Ghi ra giấy những ý chính của văn bản**  **c. Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản**  – HS dựa vào yêu cầu của đề bài để xác định độ dài văn bản.  – **Lưu ý**: Căn cứ vào yêu cầu về độ dài của VB để lựa chọn ý lớn, ý nhỏ cho VB tóm tắt. Khi tóm tắt VB tự sự, để có VB tóm tắt ngắn gọn, cần chú ý lựa chọn các sự việc chính; còn để VB tóm tắt có dung lượng lớn hơn, cần mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong VB gốc  **Viết văn bản tóm tắt**  - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí  - Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữu quan trọng trong văn bản gốc để viết bài tóm tắt  - Chú ý đảm bảo về độ dài của văn bản tóm tắt  **Đánh giá bài viết: theo mẫu phiếu** |

**Bài viết tham khảo**

Khoảng hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không ngủ được vì “sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối”. Hai anh em thì thầm nói chuyện về cơn mưa, bãi cát dưới sông sẽ ngập và bầy chim chìa vôi đang làm tổ dưới đó. Hai anh em Mên và Mon vẫn lo rằng tổ chim chìa vôi sẽ bị ngập chìm trong dòng nước lớn. Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ và quyết định lấy đồ của ông Hảo để đi cứu bầy chim. Mên và Mon đi đò ra giữa sông và xúc động khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ. Cho đến khi bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, hai anh em vẫn đứng không nhúc nhích, nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào và ngượng nghịu nhìn nhau cười rồi rướn người chạy thật nhanh về ngôi nhà của mình.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* ***Em hãy viết một bài văn tóm tắt văn bản đi lấy mật – Trích trong Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS;

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:

5. HDHS học bài ở nhà : **NÓI VÀ NGHE”TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM”**

*Ngày soạn: 21/9*

*Ngày dạy:24/9(7c,7d)*

**TIẾT 12 : NÓI VÀ NGHE**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Biết cách trình bày ý kiến, trao đổi về một vấn đề mà mình quan tâm sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

- Năng lực giải quyết vấn đề,

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức hoạt động TÔI LÀ MC liệt kê những tin tức Hót trên mạng xã hội hiện nay*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*- GV dẫn vào bài học:*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Chuẩn bị trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói  - HS thực hiện nhiệm vụ.   * **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - Các nhóm luyện nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***I. TRƯỚC KHI NÓI***  ***1. Chuẩn bị nội dung***  - Lựa chọn một vấn đề mà em quan tâm  - Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày.  Ví dụ đề tài: ***“Trẻ em cần được người lớn lắng nghe và thấu hiểu”***  + Theo em, người lớn đã thực sự lắng nghe, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của em chưa?...  + Chuyện gì xảy ra nếu người lớn không lắng nghe?  - Lựa chọn một vấn đề mà em quan tâm  - Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày.  - Ghi ra giấy những ý quan trọng và sắp xếp theo trật tự phù hợp  - Dự kiến những nội dung mà người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi.  **2. Luyện tập**  - Tập luyện một mình  - Trình bày trước bạn bè, người thân  - Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, rút kinh nghiệm sau những lần tập luyện |

**2.2. Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***“Trẻ em cần được người lớn lắng nghe và thấu hiểu”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  **Chào hỏi, giới thiệu đề tài, vấn đề của bài nói và tầm quan trọng của nó.**  *Ví dụ*  *Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là…………học sinh………trường……… Hôm nay, tôi sẽ cùng các bạn trao đổi về một vấn đề đó là* ***“Trẻ em cần được người lớn lắng nghe và thấu hiểu”*** *để nỏi lên những tâm tư, nguyện vọng, ước mơ của chúng ta gửi đến những bậc làm cha làm mẹ, Mục đích trong bài chia sẻ của tôi là muốn gắn kết tình cảm gia đình, chia sẻ tình yêu giữa các thành viên trong gia đình. Tôi cho rằng, để một gia đình hạnh phúc thì sự lắng nghe và thấu hiểu rất quan trọng. Các bạn cùng lắng nghe nhé!*  **2. Nội dung chính**  ***- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:***  - Trình bày các khía cạnh của vấn đề với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục…  - Chú ý sử dụng từ ngữ liên kết: trước tiên, sau đó, mặt khác, không chỉ vậy….  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói, cử chỉ, cảm xúc sao cho phù hợp…  - Có thể sử dụng tranh ảnh, video hỗ trợ để bài nói hấp dẫn, sinh động, thu hút người nghe.  ***3. Kết thúc***  ***Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn***  *Ví dụ đề tài: “Trẻ em cần được người lớn lắng nghe và thấu hiểu”*  *Tôi rất vinh hạnh vì được đứng đây và chia sẻ cho mọi người về đề tài “Trẻ em cần được người lớn lắng nghe và thấu hiểu”. Sẽ rất vui nếu nhận được sự nhận xét của thầy cô và mọi người. Tôi xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe.*  ***\* Một số lưu ý khi trình bày bài nói***  *1. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thống nhất ngôi kể*  *2. Kể theo dàn ý, đảm bảo thời gian quy định*  *3. Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt…)*  *4. Kết hợp trình bày vấn đề với sử dụng tranh ảnh, bài hát để tăng sức hấp dẫn*  **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thực hành nói và nghe theo các đề sau  *Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ*  *Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe và thấu hiểu*  *Bạo hành trẻ em (trong gia đình, ngoài xã hội)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**  **Bài nói tham khảo**  Ví dụ đề tài: ***“Trẻ em cần được người lớn lắng nghe và thấu hiểu”***  Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là…………học sinh………trường……… Hôm nay, tôi sẽ cùng các bạn trao đổi về một vấn đề đó là ***“Trẻ em cần được người lớn lắng nghe và thấu hiểu”*** để nỏi lên những tâm tư, nguyện vọng, ước mơ của chúng ta gửi đến những bậc làm cha làm mẹ, Mục đích trong bài chia sẻ của tôi là muốn gắn kết tình cảm gia đình, chia sẻ tình yêu giữa các thành viên trong gia đình. Tôi cho rằng, để một gia đình hạnh phúc thì sự lắng nghe và thấu hiểu rất quan trọng. Các bạn cùng lắng nghe nhé!  Người lớn đã từng là trẻ em, nhưng trẻ em thì chưa từng làm người lớn”, dù là trong sinh hoạt hằng ngày, học tập, vui chơi hay đời sống tinh thần, thì con trẻ cũng rất cần nhận được sự lắng nghe và chia sẻ từ bố mẹ. Thực tế cho thấy rất nhiều ông bố, bà mẹ vẫn chưa thực sự lắng nghe con, vẫn chưa thực sự thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của con trẻ.  Bản thân mỗi đứa trẻ khi sinh ra đã là một cá thể riêng biệt, mỗi con sẽ có những tính cách và thói quen, tố chất khác nhau. Bởi vậy, cách dạy dỗ đối vói mỗi đứa trẻ cũng khác nhau. Bố mẹ không thể áp sở thích, đường hướng học tập của trẻ này lên trẻ khác. Bó mẹ cũng không thể để một đứa trẻ thích vận động ngồi một chỗ làm thơ, hay bắt một đứa trẻ có năng khiếu nghệ thuật phải học tốt về các con số. Nếu như không lắng nghe, không trò chuyện với con, thì vô tình cha mẹ đang kìm hãm những ước mơ của con. |

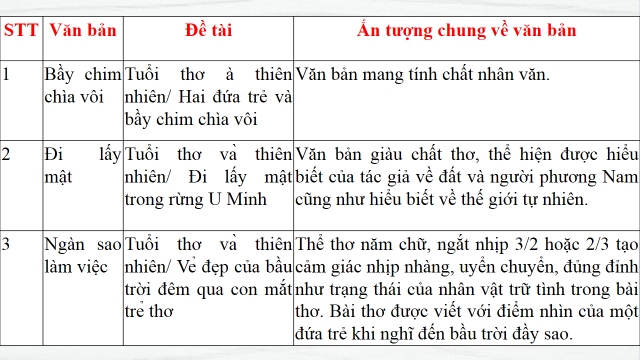
****

**Hoạt động 3: Luyện tập –**

***Bài tập 1:***

*GV yêu cầu HS hoàn thiện PHT cá nhân*

*Gợi ý đáp án*

**

***Bài tập 2***

***Chủ đề chung của ba văn bản đọc là Bầu trời tuổi thơ. Em thích chi tiết hoặc nhân vật nào trong ba văn bản đó? Hãy cho biết trải nghiệm nào của bản thân giúp em hiểu thêm về chi tiết hoặc nhân vật.***

*Gợi ý trả lời:*

***Chủ đề chung của cả ba văn bản là đều viết về và hướng tới những đứa trẻ - mầm xanh tương lai của đất nước***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*- GV HD học bài ở nhà*

*Ngày soạn: 24/9*

*Ngày dạy:27/9(7C,7d)*

**Tiết 13**

Ngày soạn: 28/9/24

Ngày dạy:30/9(7C,7D)

**BÀI 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**TIẾT 14,15**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**ĐỒNG DAO MÙA XUÂN**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết chủ đề của bài học

- Trình bày được các khái niệm, cách ngắt nhịp, cách gieo vần, đặc điểm thơ bốn chữ

- Vận dụng để phân tích một bài thơ bốn, năm chữ

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ 4 chữ và 5 chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biên pháp tu từ.

- Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.

- Bước đầu biết làm một bài thơ 4 chữ hoặc 5 chữ: viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ 4 chữ, năm chữ.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết xác định thể thơ, biết cách phân tích thơ bốn năm chữ

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

- HS có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước, có tình yêu thương con người, biết chia sẻ và cảm thông.

- Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

- GV tổ chức trò chơi:

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *ở chương trình Ngữ văn lớp 6 các em đã được học một số bài thơ hiện đại như: Đêm nay Bác không ngủ, Lượm, qua những bài thơ này các em đã hiểu được phần nào về thể thơ, giọng thơ, cách nhịp thơ. Đến với chương trình lớp 7 hôm nay Thầy chúng ta sẽ đi tìm hiểu sâu hơn về đặc điểm của thơ ca qua bài học: KHÚC NHẠC TÂM HỒN*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học và Khám phá tri thức ngữ văn**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK hoàn thành phiếu học tập sau:    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **IA. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **. Thơ bốn chữ, năm chữ**  **1. Thơ bốn chữ**  **- Thơ bốn chữ:** thể thơ theo đó, mỗi dòng có bốn chữ (tiếng).  **- Cách ngắt nhịp**: dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3.  - Bài thơ thường chia khổ, mỗi khổ 4 câu, nhưng cũng có khi 2 câu hoặc không chia khổ.  **- Cách gieo vần**: vần lưng, vần chân, vần liền, vần cách, vần hỗn hợp…  VD Vần lưng: ngang- mang  Mây lưng chừng hàng  Về **ngang** lưng núi  Ngàn cây nghiêm trang  Mơ **màng** theo bụi  -**Vần cách: sáu-cháu, xa-nhà**  Cháu đi đường **cháu**  Cháu lên đường **xa**  Đến nay tháng **sáu**  Chợt nghe em **nhà**  **- Hình ảnh thơ:** dung dị, gần gũi, gắn liền với các bài đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện. |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS trả lời cá nhân: trả lời các câu hỏi sau:  - Em hãy nêu khái niệm thơ năm chữ?  - Thơ năm chữ có cách ngắt nhịp và cách gieo vần như thế nào?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức.  ***Bài tập nhanh***  ***Hãy cho biết, đoạn thơ sau thuộc thể thơ nào, nêu cách gieo vần và ngắt nhịp trong đoạn thơ?***  *Mỗi năm hoa đào nở*  *Lại thấy ông đồ già*  *Bày mực tàu, giấy đỏ*  *Bên phố đông người qua.*  *(Vũ Đình Liên)*  ***Thơ năm chữ***  ***Ngắt nhịp 2/3, 3/2***  ***Vần giãn cách: “già” – “qua”*** | **2. Thơ năm chữ**  **- Thơ năm chữ:** thể thơ theo đó, mỗi dòng có **năm** chữ (tiếng).  **- Cách ngắt nhịp**: Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1.  - Bài thơ thường chia khổ, mỗi khổ 4 câu, nhưng cũng có khi 2 câu hoặc không chia khổ.  **- Cách gieo vần**: vần lưng, vần chân, vần liền, vần cách, vần hỗn hợp…  **VD**  **Vần chân**  ***Tiếng đàn bầu của ta***  ***Lời đằm thắm thiết tha***  ***Cung thanh là tiếng mẹ***  ***Cung trầm như giọng cha***  ***Vần chân: ta- tha-cha*** |

**B, VB “ ĐỒNG DAO MÙA XUÂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, trình bày những thông tin về tác giả*  *- GV yêu cầu HS: Đọc SGK về tác phẩm, hoàn thành phiếu học tập sau*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-**  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:** thể thơ bốn chữ  **- Xuất xứ:**  **-** Bài thơ được viết năm 1994.  - Tác phẩm *Đồng dao mùa xuân* được trích trong *Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Tuyển tập 40 năm do tác giả chọn*, NXB Văn học, Hà Nội, 2011.  **- Phương thức biểu đạt:** biểu cảm  **- Bố cục:**  **+ Phần 1:** Từ đầu đến “*bạn bè mang theo*”: Hình ảnh người lính trẻ trong những năm máu lửa  **+ Phần 2**: Còn lại: Hình ảnh người lính ở lại chiến trường xưa |

**II. Tìm hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu về đặc điểm thơ bốn chữ trong văn bản “Đồng dao mùa xuân”***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- HS đọc sgk Hoàn thành Phiếu học tập 01*    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu về đặc điểm thơ bốn chữ trong văn bản “Đồng dao mùa xuân”**  - Cách chia khổ thơ: 9 khổ (7 khổ có 4 dòng; 1 khổ có 2 dòng; 1 khổ có 3 dòng)  -> Khổ 1 (3 dòng): kể lại sự kiện người lính lên đường ra chiến trận -> tạo sự lửng lơ, gợi tâm trạng chờ đợi được đọc tiếp câu chuyện…  -> Khổ 2 (2 dòng): kể lại sự hi sinh của người lính -> Thể hiện niềm tiếc thương sâu sắc.  - Số tiếng trong mỗi dòng: 4 tiếng.  -> Ngắn gọn, như một nét chạm khắc dứt khoát hình tượng người lính trẻ đã anh dũng hi sinh vì Tổ quốc.  - Cách gieo vần: vần chân  ->Tạo nhạc điệu cho bài thơ  - Cách ngắt nhịp: chủ yếu là nhịp chẵn (2/2) kết hợp với 1/3  -> Tạo giọng điệu đồng dao tự nhiên, gần gũi. Sự thay đổi nhịp còn góp phần thể hiện tâm trạng, nỗi niềm của tác giả. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi**  Em hãy đọc bài thơ và kể tiếp câu chuyện về cuộc đời người lính qua các ý thơ?  Hình ảnh người lính hiện lên như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Hình ảnh người lính**  \* Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ...  - Chưa có người yêu, cà phê chưa uống, còn mê thả diều...  - Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận chiến đấu...  - Anh đã ‘‘Không về nữa’’, mãi mãi tuổi trẻ, mãi mãi ở lại với ‘‘cội mai vàng’’  **- Độ tuổi: Còn trẻ**  ***-* Hành trang:**  + Ba lô con cóc  + Tấm áo màu xanh  ***- Ngoại hình***  + Làn da xanh xao do sốt rét rừng.  + Hiền lành  + Mắt như suối biếc  + Vai đầy núi non  + Tuổi xuân đang độ...  *-* **Hành động**  + Đi vào núi non  + Anh ngồi lặng lẽ  + Anh ngồi rực rỡ  -> Miêu tả chân thực hình ảnh người lính kết hợp với BPTT so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ  -> Người lính hiện lên với tuổi đời còn rất trẻ, vừa dũng cảm, kiên cường vừa giản dị, khiêm nhường, hiền hậu, yêu nước, sẵn sàng hi sinh vì độc lập dân tộc. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV: tổ chức hoạt động nhóm**  *Tìm những câu thơ thể hiện tình cảm của đồng đội dành cho người lính.*  *Tìm những câu thơ thể hiện tình cảm của tác giả, nhân dân dành cho người lính.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Tình cảm của mọi người đối với người lính.**  - *Anh không về nữa/ Anh thành ngọn lửa/ Bạn bè mang theo*  -> Nói giảm nói tránh.  -> **Tình đồng chí keo sơn, gắn bó, sự hi sinh của người lính trở thành động lực cổ vũ cho đồng đội.**  - *Dài bao thương nhớ/Mùa xuân nhân gian*  -> BPNT: nhân hóa, thể hiện nỗi thương nhớ khôn nguôi những mùa xuân tươi đẹp của người lính.  -> Nỗi nhớ thương của tác giả, nhân dân dành cho người lính.  -> **Bài thơ thể hiện nỗi niềm tiếc thương, tự hào, cảm phục và lòng biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xuân, hi sinh cuộc đời cho độc lập, tự do của dân tộc. CẢM ƠN những người lính đã nằm lại chiến trường để đổi lấy sự hòa bình, đoàn tụ.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi: Qua việc phân tích bài thơ em hãy giải thích ý nghĩa nhan đề?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **4. Ý nghĩa nhan đề**  **- Đồng dao:**  + Là thơ ca dân gian truyền miệng dành cho trẻ em.  + Bao gồm nhiều loại: lời hát trong các trò chơi, bài hát ru em.  + Đồng dao có tính hồn nhiên.  + Thường được làm theo thể bốn chữ, năm chữ  **- Mùa xuân:**  + Là mùa khởi đầu, tươi đẹp nhất trong một năm.  + Tuổi trẻ, lứa tuổi đẹp nhất trong cuộc đời mỗi người, tràn đầy sức sống.  + Vẻ đẹp, sức sống, sức vươn lên của dân tộc, đất nước.  + Sự vĩnh cửu, trường tồn như mùa xuân của vũ trụ.  - Đồng dao mùa xuân:  + Khúc đồng dao về tuổi thanh xuân của người lính, về sự bất tử của hình ảnh người lính trẻ. Hình ảnh các anh còn sống mãi trong trái tim nhân dân như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ.  + Nhà thơ ca ngợi những người anh hùng trẻ tuổi, bày tỏ sự ghi nhớ, biết ơn sự hi sinh của các anh. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khai quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ 4 chữ, cách chia khổ đặc biệt (có khổ thơ chỉ có 2,3 dòng thơ)  - Hình ảnh thơ giản dị.  - Sử dụng kết hợp nhiều BPNT: nhân hóa, so sánh, nói giảm nói tránh, điệp...  **2. Nội dung**  - Bài thơ khắc họa hình ảnh đẹp đẽ của người lính đã tham gia chiến đấu, hi sinh tuổi xuân của mình cho đất nước, dân tộc.  - Thể hiện tình cảm, lòng biết ơn của dân tộc ta.  - Qua đó ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ. |

*- GV yêu cầu học sinh: viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh người lính trong bài thơ.*

*HS HĐ cá nhân*

*HS đọc*

*GV nghe, nhận xét*

***4. GV HD HS học bài ở nhà***

*Ngày soạn: 30/9*

*Ngày dạy:4/10(7c,7d)*

**TIẾT 16:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích giá trị của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh

- Vận dụng giải quyết các bài tập tiếng việt, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong ngữ cảnh cụ thể.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích được giá trị, cách sử dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

***Em hãy quan sát các tình huống sau và cho biết cách nói nào phù hợp hơn***

**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong cuộc sống, khi giao tiếp đôi khi chúng ta sẽ bắt gặp những tình huống, những vấn đề khó nói thẳng cho người nghe biết. Vậy trước những tình huống đó chúng ta sẽ dùng cách nói như thế nào để duy trì cuộc giao tiếp, giữ được phép lịch sự và được mọi người quý mến. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu lý thuyết**

**a. Mục tiêu:** Nhận diện được phép tu từ và biết cách sử dụng trong văn học và cuộc sống

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  ***1. Đọc các ví dụ sau và cho biết nghĩa của các từ in đậm sau và tác dụng của chúng?***  ***Không bước nữa***  ***Bỏ quên đời***  ***Về đất***  ***2. So sánh hai cách nói sau đây, cho biết cách******nói nào nhẹ nhàng, tế nhị hơn đối với người nghe?***  ***(a). Phải cái nhà nó khí thanh bạch***  ***(b). Phải cái nhà nó nghèo lắm.***  ***3. Qua 2 ví dụ trên em hãy nêu khái niệm về phép tu từ nói giảm nói tránh?***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **- Dự kiến đáp án:**  *1. Đều chỉ cái chết*  ***Tác dụng:***  *- Tránh gây cảm giác đau buồn*  *- Giảm sự đau thương, mất mát*  2.  *(a) – cách nói giữ phép lịch sự*  *(b)– cách nói thẳng, nghe có vẻ nặng nề, căng thẳng.*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Biện pháp tu từ**  ***1. Nhận biết biện pháp tu từ nói giảm nói tránh***  **KN:** Là BPTT dùng cách nói làm giảm nhẹ mức độ, quy mô, tính chất … của đối tượng, hoặc tránh trình bày trực tiếp điều muốn nói.  **Phân loại:**  - Các cách nói giảm nói tránh thông dụng:  + Dùng các từ đồng nghĩa, đặc biệt là từ Hán Việt.  + Dùng cách nói vòng.  + Dùng cách nói phủ định. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Đọc tình huống sau và nêu quan điểm?  ***Tình huống 1:***  ***Trong buổi sinh hoạt lớp kiểm điểm bạn An vi phạm quá nhiều lỗi***  ***- Trang nói****: Sao ý thức cậu tồi tệ vậy? Cậu có biết cậu làm ảnh hưởng đến lớp mình nhiều lắm không? Cậu đừng như thế nữa!*  ***- Hoa nói:*** *Bạn An tuần này chưa được ngoan và chưa được nghiêm túc khi vi phạm nhiều lỗi so với quy định. Cậu cố gắng ngoan hơn và nỗ lực hơn trong tuần sau để lớp chúng mình vươn lên dẫn đầu nhé!*  ***Em đồng ý với cách nói nào? Tại sao?***  **Tình huống 2**:  *Tình cờ, em chứng kiến một vụ ăn trộm và được mời ra tòa làm chứng. Trong trường hợp này, em có nói giảm nói tránh không? Vì sao?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **- Dự kiến đáp án:**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **- Lưu ý**  *+ Trường hợp cần thiết phải nói thẳng, nói đúng mức độ sự thật.*  *+ Khi cần thông tin chính xác, trung thực trong văn bản hành chính, văn bản khoa học.* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**  - Nhóm 1: Bài tập 1,2  - Nhóm 2: Bài tập 3,4  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **- Dự kiến đáp án:**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Bài tập**  **a. Bài tập 1**  ***Một ngày hòa bình***  ***Anh không về nữa***  **-> Nói giảm nói tránh**  Từ “không về” = từ “chết” : chỉ cái chết của người chiến sĩ.  - Tác dụng: nhằm mục đích giảm nhẹ, để tránh đi phần nào sự đau buồn.  **b. Bài tập 2**  *- Lượng con ông Độ đây mà.... Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ chẳng còn.*  *(Hồ Phương- Thư nhà)*  *- Bác Dương thôi đã thôi rồi!*  *Nước mây man mác, ngậm ngùi lòng ta.*  *(Nguyễn Khuyến- Khóc Dương Khuê)*  **c. Bài tập 3**  a. là biệp pháp nói giảm nói tránh: Từ biểu thị *Nhắm mắt*  => Nhắm mắt = chết: Tác dụng: thể hiện cách nói chuyện tế nhị, làm giảm cảm giác đau thương  **b.** là biệp pháp nói giảm nói tránh: Từ biểu thị *Nghèo sức*  => Nghèo sức = sức khỏe kém, cơ thể yếu ớt. Tác dụng: giảm suy nghĩ tiêu cực.  **Bài tập 4:**  - Điệp ngữ: “Có một người lính”.  - Điệp từ: “anh”, “người lính”, “xuân”.  Tác dụng:  - Giúp làm tăng nhịp điệu cho tác phẩm trên.  - Nhấn mạnh và khẳng định vẻ đẹp của người lính trẻ cùng với sự trân trọng mà tác giả dành chonhân vật. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ**  **+ Nhóm 1: bài tập 5**  **+ Nhóm 2: bài tập 6**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến đáp án:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức** | **II. NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**  **Bài 5:**  *Có một người lính*  *Đi vào núi xanh*  *Những năm máu lửa*.  + *Núi xanh*: Chiến trường, nơi diễn ra những trận chiến ác liệt  + *Máu lửa*: Chỉ những năm tháng chiến tranh ác liệt  **Bài tập 6:**  - *ngày xuân*: mùa bắt đầu của một năm, thời tiết thường ấm áp, cây cối phát triển tươi tốt.  - *tuổi xuân*: tuổi trẻ đầy tươi đẹp, sức sống.  - *đồng dao mùa xuân*: vừa chỉ mùa xuân, nhưng còn mang ý tuổi trẻ của người lính.  ). |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*- GV yêu cầu HS:* làm bài tập 4

***Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu chia sẻ trải nghiệm của em về đại dịch Covid- 19, trong đó có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh.***

**Bài viết tham khảo**

*Đại dịch Covid- 19 đã để lại quá nhiều mất mát cho đất nước ta. Có những bác sĩ ngày đêm tận tụy vì bệnh nhân nhưng cuối cùng đã ngã xuống ở tuyến đầu chống dịch. Đau thương hơn, hàng chục nghìn người dân mãi ra đi vì đại dịch quái ác này. Dẫu biết rằng cơn bão nào rồi cũng sẽ qua, bầu trời rồi sẽ tươi sáng, nhưng sao trong tim cứ nhói đau. Là những người may mắn sống sót sau đại dịch, tôi mong rằng chúng ta hãy trân quý những ngày tháng yên bình và hãy yêu thương nhau nhiều hơn.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*Ngày soạn:3/10 /24*

*Ngày dạy:5/10(7C.7D)*

**TIẾT 17,18:**

**GẶP LÁ CƠM NẾP - Thanh Thảo-**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể loạithơ bốn chữ qua văn bản

- HS phân tích hình ảnh người mẹ qua kí ức của con và tình cảm của người con dành cho mẹ qua bài thơ

- HS nhận xét được một số yếu tố về (ngôn ngữ, giọng điệu, hình ảnh thơ) trong văn bản

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích được ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu trong văn bản

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

- Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS nghe bài hát QUÊ TÔI, yêu cầu HS cảm nhận về ngôn từ giai điệu trong bài hát. GV dẫn bài

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà thơ Thanh Thảo*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> Ghi lên bảng.  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***GV:*** Tổ chức hoạt động nhóm đôi  Hoàn thành phiếu học tập    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **2. Tác phẩm**  **1. Thể loại:** thể thơ năm chữ  **2. Xuất xứ:** *In trong tập thơ “Dấu chân qua tràng cỏ” -2015*  **3. Phương thức biểu đạt:** biểu cảm  **4. Bố cục**  Phần 1: (2 khổ đầu)  🡪 Hình ảnh người mẹ qua kí ức của con  Phần 2: (2 khổ cuối)  🡪 Tình cảm của người con dành cho mẹ và quê hương. |

**Hoạt động 2: Phân tích văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được đặc điểm thể thơ năm chữ, hình ảnh người mẹ qua kí ức của con và tình cảm của người con dành cho người mẹ, quê hương

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu về đặc điểm thơ năm chữ trong văn bản “Gặp lá cơm nếp”***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành PHT cá nhân    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Tìm hiểu về đặc điểm thơ năm chữ trong văn bản “Gặp lá cơm nếp”***    ***-> Thơ năm chữ góp phần thể hiện cảm xúc của bài thơ:***  *+ Tấm lòng của người con đối với quê hương, đất nước và người mẹ của mình.*  *+ Tình cảm được thực hiện hóa bằng hành động thực tiễn: người con trực tiếp cầm súng vào chiến trường để đấu tranh, để bảo vệ quê hương, đất nước…* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hỏi: Đọc đoạn thơ đầu và cho biết người con đang trong hoàn cảnh như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hỏi:  - Tìm những câu thơ miêu tả hình ảnh người mẹ trong khổ 2  - Những câu thơ đó cho em cảm nhận đó là người mẹ như thế nào?  - Tác giả đã sử dụng BPNT nào trong khổ thơ?  - Nhận xét về cảm xúc, tình cảm của người con.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Hình ảnh người mẹ qua kí ức của con***  **a. Hoàn cảnh của người con**  *Xa nhà đã mấy năm*  *Thèm bát xôi mùa gặt*  *Khói bay ngang tầm mắt*  *Mùi xôi sao lạ lùng.*  - Người con xa nhà, trên đường hành quân, gặp lá cơm nếp - hương vị lá cơm nếp  - Nhớ làn khói xôi mùa gặt  - Nhớ hình ảnh mẹ nấu xôi bên bếp lửa.  **-> Hoàn cảnh đặc biệt mà người lính trải qua trong chiến tranh**  **-> Tâm hồn tinh tế, ý thức trách nhiệm với quê hương, đất nước.**  **b. Hình ảnh của người mẹ**  Mẹ ở đâu, chiều nay  Nhặt lá về đun bếp  Phải mẹ thổi cơm nếp  Mà thơm suốt đường con.  - Câu hỏi -> nỗi băn khoăn, day dứt của người con khi không được ở bên chăm sóc mẹ.  - Hành động của me:  + Nhặt lá  + Đun bếp  + Thổi cơm  - Động từ + Liệt kê  ***-> Gợi hình ảnh người mẹ nghèo tần tảo, lam lũ, dành cho con tất cả yêu thương***  Mà thơm suốt đường con.  - Tình mẹ khắc sâu trong tim đã nối liền khoảng cách.  *-> Khổ 2: nỗi nhớ mẹ, xót xa trước sự vất vả của mẹ, trân trọng những tình cảm mà mẹ dành cho mình…* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HOẠT ĐỘNG NHÓM**   * **Tìm hiểu khổ 3:**   - Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc trực tiếp của người con? Nhận xét về cảm xúc đó.  - Em hiểu “mùi vị quê hương” được nhắc đến trong khổ thơ thứ 3.  - Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người con dành cho gia đình, quê hương và đất nước?  **- Tìm hiểu khổ 4:**  **Hoàn thành PHT số 02**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **Cảm xúc của bài thơ phát triển như thế nào qua bốn khổ?** | ***3. Tình cảm của con dành cho mẹ và quê hương***  **a. Khổ 3**  - “Ôi”  -> Thán từ thể hiện sự xúc động trào dâng  - “quên làm sao được”  -> Tình cảm trân trọng của người con  - “Mùi vị quê hương” : hương vị lá cơm nếp -> gắn liền với hình ảnh của mẹ, của kỉ niệm, của quê hương. Trở thành biểu tượng của quê hương.  - Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương: hình ảnh sóng đôi -> thái độ trân trọng dành cho cả hai người mẹ: người mẹ nơi quê nhà và bà mẹ Tổ quốc.  ***-> Thể hiện tình yêu gia đình, yêu quê hương tha thiết hòa quyện với tình yêu đất nước.***  ***-> Hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên chân thật, gần gũi, gắn với hình bóng lam lũ, tảo tần của người mẹ.***  ***-> Vẻ đẹp tâm hồn của người con.***  ***b. Khổ 4:***  - Biện pháp nhân hóa: Cỏ cây cũng thấu hiểu nỗi nhớ của người lính.  - Tình cảm của nhà thơ dường như chưa bộc lộ hết, chưa cất lên hết thành lời, để lại dư âm sâu lắng trong lòng người đọc.  -> Tình cảm cao đẹp của người con dành cho người mẹ và quê hương  ***-> Bốn khổ thơ cũng mang lại cho người đọc bức chân dung tâm hồn của người lính: tinh tế, nhạy cảm, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước mình tha thiết.*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - GV hỏi thêm: Theo em, các yếu tố cần chú ý khi đọc bài thơ năm chữ (tiếng)?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ (tiếng) ngắn gọn, vần chân, nhịp linh hoạt.  - Từ ngữ, hình ảnh dung dị.  - Biện pháp tu từ: nhân hóa, liệt kê…  ***2. Nội dung***  - Tình cảm gia đình hòa quyện không thể tách rời với tình yêu quê hương.  - Vẻ đẹp tâm hồn người lính thời chống Mĩ.  **3. Yếu tố cần có khi đọc thơ năm chữ**  **- Thể thơ**  + Mỗi dòng gồm năm chữ (tiếng). Số lượng dòng không hạn chế. Có thể chia khổ hoặc không.  + Vần chân: nhiều kiểu gieo vần (vần liền, vần cách, vần hỗn hợp…).  + Nhịp: thường ngắt 2/3 hoặc 3/2 đồng thời ngắt linh hoạt phù hợp với cảm xúc.  **- Bố cục**  **- Nhan đề bài thơ**  **- Trạng thái cảm xúc**  **- Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ…** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi Ôn tập bài học*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*Ngày soạn: 5/10/24*

*Ngày dạy:7/10(7C) 8/10(7D)*

**TIẾT 19:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết và phân tích giá trị của biện pháp tu từ: điệp từ, điệp ngữ, nhân hóa, so sánh

- Vận dụng giải quyết các bài tập tiếng việt, làm văn và phân tích giá trị biện pháp tu từ trong một văn cụ thể.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích được giá trị, cách sử dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức hoạt động*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới: Như vậy, với một trò chơi nho nhỏ, cô và các bạn đã cùng nhau kiểm chứng sự thông minh, nhanh nhẹn và giỏi giang của lớp mình. Cô rất vui khi các em nắm chắc kiến thức mà cô truyền đạt. Nhưng để chắc chắn về điều đó, cô và các bạn sẽ cùng nhau vào bài học ngày hôm nay.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  HS hoàn thành PHT sau    - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **- Dự kiến đáp án:**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Kiến thức cần nhớ**  ***1. Điệp từ, điệp ngữ***  **- Khái niệm**: Là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ  - **Tác dụng**: Làm tăng cường hiệu quả diễn đạt như nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc, vần điệu cho câu thơ, câu văn.  **- Dấu hiệu nhận biết**: Các từ ngữ được lặp lại nhiều lần  Lưu ý: Phân biệt với lỗi lặp từ  **2. Nhân hóa**  **- KN**: Là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, vốn dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật,  **- Tác dụng**: Làm cho sự vật, đồ vật, cây cối trở nên gần gũi, sinh động, thân thiết với con người hơn  **- Dấu hiệu nhận biết:** Các từ chỉ hoạt động, tên gọi của con người: ngửi, chơi, sà, anh, chị,  **3. So sánh**  **- KN:** Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng  **- Tác dụng**: Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự vật được nhắc tới, khiến cho câu văn thêm phần sinh động, gây hứng thú với người đọc  **- Dấu hiệu nhận biết:** Có các từ ngữ so sánh: là, như, bao nhiêubấy nhiêu.  Lưu ý một số trường hợp, từ ngữ so sánh bị ẩn đi. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  **HOẠT ĐỘNG NHÓM THEO BÀN**  Bàn số lẻ làm bài 1,3  Bàn số chẳn làm bài 2,4  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **- Dự kiến đáp án:**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**  **Thấy:** Nhận biết bằng mắt nhìn  **Gặp**: Giáp mặt, tiếp xúc với nhau  -> Tác giả đã dung từ “gặp” để thể hiện thái độ, tình cảm của người lính. Lá cơm nếp không đơn thuần là vật vô tri vô giác mà được coi như một con người- người bạn cũ. Vì thế chứa đựng cả cảm xúc vui mừng, trìu mến  **Bài tập 2**  Mẹ ở đâu, chiều nay  Nhặt lá về đun bếp  Phải mẹ thổi cơm nếp  Mà thơm suốt đường con  **Nghĩa phổ biến của từ “thơm”**  -> Có mùi như hương của hoa, dễ chịu, làm cho thích ngửi  **Nghĩa trong câu thơ**  **“Mà thơm suốt đường con.”**  -> Không chỉ đơn thuần là mùi hương dễ chịu – được cảm nhận bằng khứu giác mà còn trở thành một biểu tượng cho hương vị quê nhà, tình cảm gia đình trìu mến, thân thương theo mỗi bước chân của người lính  **Bài tập 3:**  **- Từ Mùi vị trong mùi vị thức ăn, mùi vị trái chín, mùi vị của nước giải khát**  -> Danh từ chỉ hơi tỏa từ sự vật, có thể nhận biết bằng lưỡi  **- Mùi vị trong cụm từ “mùi vị quê hương”**  -> Mùi vị vừa mang nghĩa chỉ hương vị cụ thể của quê nhà, vừa mang nghĩa trừu tượng, chỉ một sắc thái đặc trưng của quê hương, vùng miền  **Bài tập 4:**  \* Cách kết hợp từ giữa các từ trong hai dòng thơ  *Mẹ già và đất nước*  *Chia đều nỗi nhớ thương*  ***- Chia đều:*** vốn được kết hợp giữa các từ chỉ sự vật cụ thể  ***- “Chia đều nỗi nhớ thương***” không còn là khái niệm trìu tượng nữa mà trở nên cụ thể, có thể cân- đo- đong- đếm được.  \* Cách kết hợp từ giữa các từ trong hai dòng thơ  *Mẹ già và đất nước*  *Chia đều nỗi nhớ thương*  ***-> Cách kết hợp từ ngữ đặc biệt giúp nhà thơ diễn tả được chiều sâu tâm lí, tâm tư, tình cảm của người chiến sĩ khi đang chiến đấu nơi chiến trường. Họ ra đi vì một mục đích lớn lao nhưng trong họ luôn có một tình yêu dành cho người mẹ nơi quê nhà.***  **Bài tập 5:**  **a.**  **- Không rõ ràng, không giải thích…**  -> Điệp từ  -> Nhấn mạnh cảm xúc buồn, nuối tiếc vì mất mát một cái gì đó – một thứ rất mơ hồ, khó gọi thành tên  **a.**  **Gấp rãi ăn,**  **gấp rãi nói,**  **gấp rãi cười…**  **-> Điệp từ**  -> Nhấn mạnh hành động khẩn trương, gấp gáp của nhân vật tôi khi phải chứng kiến bước đi vội vã của thời gian  **b.**  **- Như ai đó đứng đằng xa**  **- Như đang ngần ngại**  **-> So sánh**  **->** Giúp cho sự vật hiện lên sinh động, cụ thể, gợi hình, gợi cảm, làm nổi bật tính chất nhẹ nhàng, dịu êm, trong trẻo của âm thanh  **- Thoảng và e dè, ngần ngại, nhớ**  **-> Nhân hóa**  **->** Biến gió chướng thành một con người có tâm lí, tính cách có phần nhút nhát, rụt rè. Qua đó người đọc cảm nhận được tình yêu của nhà văn đối với gió chướng  **Bài tập 6:**  **- Hai câu văn đều sử dụng biện pháp nhân hóa: trời, nắng, gió, mây là thuộc về tự nhiên nhưng lại mang những đặc điểm, đặc tính của con người -> những sự vật trong tự nhiên trở nên gần gũi sinh động và có hồn** |

**Hoạt động 3,4: Luyện tập,vận dụng**

*- GV yêu cầu HS:*

***Đề bài: Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về một món ăn quê hương, gắn liền với những kỉ niệm ấu thơ của em. Trong đoạn văn có sử dụng phù hợp các biện pháp tu từ đã học. Gạch chân dưới phép tu từ được sử dụng trong đoạn.***

|  |  |
| --- | --- |
| *Mở đoạn*  *(1 câu)* | *Giới thiệu về món ăn quê hương và nêu cảm nhận chung về món ăn đó* |
| *Thân đoạn*  *(3-5 câu)* | *- Miêu tả nét đặc trưng, hương vị của món ăn.*  *- Nêu tình cảm, sự gắn bó, kỉ niệm của mình với món ăn.* |
| *Kết đoạn*  *(1 câu)* | *Ý nghĩa của món ăn đối với em cũng như đối với con người ở quê hương em.* |

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: 5/10/24

Ngày 8/10( 7C, 7D)

**Tiết 20**

**Văn bản 3: TRỞ GIÓ - Nguyễn Ngọc Tư-**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể loại tạp văn

- HS phân tích hình ảnh gió chướng và tình cảm, cảm xúc của nhân vật tôi khi gió chướng về

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích được ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu trong văn bản

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**2. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào để hiểu và phân tích các VB được học.

- Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mĩ trước thiên nhiên, con người.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

- GV đăt câu hỏi gợi mở vấn đề: Thời tiết lúc giao mùa thường gợi cho chúng ta rất nhiều cảm xúc, hãy lựa chọn một khoảnh khắc lúc giao mùa và ghi lại cảm xúc của em nhé!

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Miền Tây sông nước, nổi tiếng với những cánh đồng lúa chín thẳng cánh cò bay, những miệt vườn trái cây thơm nức lòng du khách thập phương. Nhắc đến mảnh đất ấy, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư – người con của đất phương Nam đã thể hiện những tình cảm, cảm xúc của mình với một một nét đặc trưng đã đi sâu vào tiềm thức của người dân Nam Bộ mỗi mua gió chướng về. Chúng ta cùng tìm hiểu trong văn bản hôm nay.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà văn Nguyễn Ngọc Tư*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức -> Ghi lên bảng.  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***GV:*** Tổ chức hoạt động nhóm đôi  Hoàn thành phiếu học tập    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Ngọc Tư (1976)  **- Quê quán:** Cà Mau  **- Sáng tác thành công ở nhiều thể loại:** truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết  - Văn trong sáng, mộc mạc, thể hiện tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu yêu thương….  **- Sáng tác tiêu biểu:** Hành lý hư vô; Không ai qua sông…  **2. Tác phẩm**  **- Xuất xứ**: Bài thơ được in trong tập Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư năm 2015  **- Thể loại**: thể loại tạp văn  - Phương thức biểu đạt: tự sự  **- Bố cục:** 2 phần  - **Tóm tắt**: Đoạn trích là cuộc hẹn của nhân vật “tôi” cùng với những cơn gió chướng. Đối với tác giả, mỗi lần mùa gió về, tâm trạng của “tôi” lại lộn xộn, ngổn ngang vừa bực vừa không rõ ràng. Mặc dù nuối tiếc vì thời gian trôi gấp gáp với nhiều chuyện chưa thể thực hiện, nhưng nhân vật “tôi” vẫn mong gió chướng về, bởi những cơn gió này đã trở thành một phần của cuộc sống, của những kí ức tươi đẹp nơi quê nhà. |

**Hoạt động 2: Phân tích văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Hình ảnh gió chướng***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành PHT cá nhân    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Hình ảnh gió chướng***  **a. Hình ảnh gió chướng**  - Mỗi năm gió đến vào một ngày khác nhau.  - hơi thở gió rất gần, sẽ sàng từng giọt tinh tang.  - thoảng và e dè như ai đó đứng đằng xa…, như đang ngại ngần…  - mừng húm; hừng hực, dạt dào  - cồn cào; nồng nhiệt; dịu dàng…  BPNT: so sánh nhân hóa + các từ láy miêu tả tính cách, tâm trạng, cảm xúc  -> Gió chướng hiện lên sống động, giống như một con người có đời sống nội tâm phong phú, giàu suy tư, cảm xúc dạt dào, nồng nhiệt…  **-> Tình yêu của tác giả đối với gió chướng**  **b. Ý nghĩa của gió chướng**  Mùa gió chướng là mùa thu hoạch  - lúa vừa chín tới  - liếp mía đợi gió mới chịu già, nước ngọt và trĩu  - Còn dưa hấu nữa…  - vú sữa chín cây lúc lỉu, căng bóng…  **-> Mùa màng bội thu, Gió chướng về mang theo rất nhiều niềm vui đến cho con người – niềm vui của sự no ấm, đủ đầy (lí do mọi người mong chờ gió chướng)** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hỏi:  *- Đọc văn bản và cho biết nhân vật tôi đã có tâm trạng như thế nào khi gió chướng về?*  *- Em hãy tìm những câu văn miêu tả tâm trạng (lộn xộn, ngổn ngang; mong ngóng, chờ đợi; nhớ da diết) khi gió chướng về của nhân vật tôi?*  *- Tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện như thế nào? Để thể hiện nổi bật được cảm xúc của mình, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Tình cảm, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi gió chướng về***  **a. Tâm trạng khi gió chướng về**  **- Lộn xộn, ngổn ngang**  + Mừng đó rồi bực đó  + Đứng trong gió đầm đìa, tôi cũng buồn, buồn muốn chết  + Gió về là sắp hết năm, sắp già thêm tuổi đây..  + Sắp mất một cái gì đó không rõ ràng….  **- Mong ngóng, chờ đợi**  + Tôi vẫn mong ngóng gió chướng về…  + Gió chướng với tôi là gió Tết…  + Gió chướng cũng là gió mùa thu hoạch….  + Đáng chờ lắm, đáng đợi lắm…  **- Nhớ da diết**  + Ở đó siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu, dưa hành, bánh chưng, bánh tét, có ai bán một mùa gió cho tôi.  **NT: những câu văn miêu tả, liệt kê**  ***->* Mùa gió chướng về không chỉ là sự thay đổi thời tiết, báo hiệu một năm cũ sắp qua, mà còn gợi trong tâm trạng của con người những cảm xúc ngóng chờ, vội vã ngổn ngang. Dẫu vậy, hai từ “gió chướng” vẫn gắn liền với nỗi nhớ và những kỉ niệm về gia đình và quê hương vô cùng đẹp đẽ, không thể nào quên.**  **b. Tình cảm, cảm xúc của tác giả**  **\* Khi còn nhỏ**  - Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy.  - Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ dại.  **\* Khi lớn lên**  - nó “gợi” khủng khiếp  **\* Khi xa quê**  Ai đó nhắc tới 2 từ gió chướng:  ngay lập tức tôi sẽ chết giấc trong nỗi nhớ quê nhà… có ai bán một gió mùa cho tôi…  **NT: điệp, liệt kê -> Cảm xúc đợi chờ, nhớ nhung da diết. Đó là tình yêu, sự gắn bó tha thiết với con người, cảnh sắc quê hương.** |
| - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm  - Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa  - Nhiều từ ngữ địa phương, mang đậm phong cách Nam Bộ.  ***2. Nội dung***  - Miêu tả ngọn gió chướng  - Thể hiện tình yêu, sự gắn bó với quê hương |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi Ôn tập bài học*

**Luật chơi:** Có 5 câu hỏi, mỗi câu hỏi khi trả lời đúng được 1 điểm, trả lời đúng đến câu nào thì được điểm tương ứng với câu hỏi đó. Trong quá trình trả lời, học sinh được sử dụng 2 quyền trợ giúp trong bất kì thời điểm nào:

- Quyền hỏi ý kiến Tổ tư vấn

- Quyền trợ giúp 50/50 (giáo viên chỉ ra 2 phương án sai).

**Câu hỏi số 1: Câu văn “Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trễ, tầm tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái lơi lơi...” sử dụng biện pháp tu từ nào?**

* **A. Nhân hóa**
* B. So sánh
* C. Ẩn dụ
* D. Cả A, B, C đều sai

**Câu hỏi số 2: Ở câu thơ cuối bài, Nhân vật tôi tìm mua thứ gì?**

* A. Dưa hấu
* **B. Cơn gió**
* C. Bánh chưng
* D. Dưa hành

**Câu hỏi số 3 : Nhân vật tôi thường đón gió chướng với tâm trạng thế nào?**

* A.  Háo hức
* B. Buồn buồn
* C. phấn khởi
* **D. Lộn xộn, ngổn ngang**

**Câu hỏi số 4: Mỗi lần gió chướng về, người mẹ có tâm trạng như thế nào?**

* A. Buồn man mác
* B. Thích thú
* **C. Sợ không lo nổi một cái Tế tử tế cho cả nhà**
* D. Xao xuyến, bang khuâng

**Câu hỏi số 5: Với nhân vật tôi, gió chướng là:**

* **A. gió Tết**
* B. gió ngày mùa
* C. gió bão
* D. gió heo may

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*Ngày soạn: 8/10*

*Ngày dạy:11,14/10(7C) 11,15(10) 7D*

**TIẾT 21,22,23**

**VIẾT**

**TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ**

**VÀ VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS biết làm một bài thơ bốn chữ, năm chữ theo đúng đặc trưng thể của thể thơ.

- HS rèn luyện và phát triển kỹ năng viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ.;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi khởi động bài học*

*- HS tham gia trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm ôn tập kiến thức*

***1. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC NÀO GIÚP EM NHẬN BIẾT ĐÓ LÀ THƠ BỐN CHỮ***

***A: mỗi dòng có 4 tiếng***

*B: mỗi dòng có 5 tiếng*

*C: mỗi dòng có 4,5 tiếng*

*D: mỗi dòng có 5,6 tiếng*

***2. EM HÃY KỂ TÊN MỘT SỐ CÁCH GIEO VẦN Ở THỂ THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ***

*A: Không cần thiết phải gieo vần*

*B: có thể gieo nhiều vần*

***C: vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách, vần hỗn hợp***

*D: vần cuối dòng và vần đầu dòng*

***3. THƠ NĂM CHỮ THƯỜNG NGẮT NHỊP NHƯ THẾ NÀO?***

*A: 2/2; 1/4; 4/1*

***B: 2/3;3/2;1/4; 4/1***

*C: 1/3; 3/1; 2/2*

*D: 3/1; 3/2; 2/3*

***4. BÀI THƠ “ĐỒNG DAO MÙA XUÂN”- NGUYỄN KHOA ĐIỀM, ĐƯỢC SÁNG TÁC THEO THỂ THƠ GÌ?***

*A: Năm chữ*

*B: Bảy chữ*

*C: Tự do*

***D: Bốn chữ***

***5. TÁC GIẢ ĐÃ SỬ DỤNG CÁCH GIEO VẦN GÌ Ở TRONG KHỔ THƠ?***

*Cháu đi đường cháu  
Chú lên đường ra  
Đến nay tháng sáu  
Chợt nghe tin nhà*

*A: vần chân*

***B: vần cách***

*C: vần lưng*

*D: vần hỗn hợp*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong bài học số 1 các em đã được tìm hiểu chung về thơ bốn chữ, năm chữ (khái niệm, đặc điểm, nhịp điệu...) Trong tiết thực hành tiếng việt hôm nay thầy trò chúng ta sẽ cùng thực hành làm thơ bốn chữ, năm chữ đồng thời sẽ rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Thực hành làm thơ bốn chữ, năm chữ**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết sáng tác một bài thơ bốn chữ, năm chữ theo đúng yêu cầu

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức lý thuyết đã học ở bài 1 để thực hành.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hỏi: Theo em khi thực hành làm một bài thơ bốn chữ, năm chữ cần những yêu cầu gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức: Ghi lên bảng. | **I. TẬP LÀM BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ**  **1. Yêu cầu**  - Đảm bảo số tiếng trong mỗi dòng thơ  - Các dòng thơ bắt vần với nhau  - Nhịp thơ phù hợp với cảm xúc.  - Sử dụng hệ thống hình ảnh để biểu đạt cảm xúc.  - Sử dụng biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm.  - Bộc lộ được cảm xúc của bản thân.  - Gửi gắm thông điệp qua bài thơ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS các bước chuẩn bị sáng tác thơ, tiến hành viết, chỉnh sửa sau khi viết  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **2. Thực hành**  **a. Trước khi viết**  **\* Xác định đề tài và cảm xúc.**  - Xác định đề tài là trả lời cho câu hỏi (viết về cái gì)  + Chọn đề tài mà em yêu thích và phù hợp với lứa tuổi  + Ví dụ: thiên nhiên, gia đình, bạn bè…  + Ghi lại cảm xúc: yêu mến, trân trọng, thích thú, biết ơn…  **\* Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc**  - Tìm hình ảnh và thể hiện cảm xúc  + Viết về vẻ đẹp thiên nhiên: bông hoa, chiếc lá, giọt sương, áng mây…  + Viết về con người: khi về nghỉ hè (hoa phượng, trống trường…)  - Liên tưởng, tưởng tượng, kết nối sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ với nhau và với con người 🡪 cảm xúc tự nhiên.  + Ví dụ: miêu tả hình ảnh áng mây có thể liên tưởng: hình ảnh mây bay, hành trình «du lịch» của mây  - Thể hiện cảm xúc của mình về sự vật, hiện tượng đó...  ***\* Tập gieo vần***  ***- Vần liền:***  *Ai là bạn gió*  *Mà gió đi tìm*  *Bay theo cánh .....(chim)*  *Lùa trong tán lá*    *Gió nhớ bạn ......(quá)*  *Nên gõ cửa hoài.*  (*Theo* Ngân Hà, *Bạn của gió*)  **Lắm/quá/nhiều**  **im/ gió/ hoa**  ***- Vần hỗn hợp:***  *Mặt trời thổi lửa*  *Sông biển bốc hơi*  *Hơi bay cao vút*  *Thành mây lưng ......(đồi)*  *Mây hồng nhẹ trôi*  *Mây xanh đằm thắm*  *Dịu dàng mây .......(trắng)*  *Thẩn thơ mây vàng*  *Mây đen lang ......(thang)*  *Thân hình nặng trĩu*  *Gió lên tí xíu*  *Đã vội khóc oà.*  ***b. Viết bài***  - Suy nghĩ về đề tài mà em đã chọn  - Những dòng tiếp theo có thể triển khai cụ thể hơn  - Sử dụng những từ ngữ biểu đạt cảm xúc; sử dụng từ láy và những biện pháp tu từ  - Có thể kết thúc bài thơ theo nhiều cách khác nhau  ***c. Chỉnh sửa***  ***Chỉnh sửa theo phiếu đánh giá sau:*** |

**2.2 Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hỏi khi viết một bài văn nêu cảm xúc về một bài thờ cần những yêu cầu gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức -> Ghi lên bảng. | **II. VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**  ***1. Yêu cầu***  - Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.  - Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.  - Khái quát được cảm xúc về bài thơ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo, HS hoàn thành PHT    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức -> Ghi lên bảng. | ***2. Phân tích bài viết tham khảo***  - Đọan văn có bố cục 3 phần (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn)  - Giới thiệu tên bài thơ và tác giả: Đồng dao mùa xuân của Nguyễn khoa Điềm là bài thơ viết về người lính hi sinh nơi chiến trường Trường Sơn trong “Những năm máu lửa”.  - Nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ: Tác phẩm thể hiện tình cảm tiếc thương, sự trân trọng, lòng biết ơn, … với những con người đã hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước***.***  - Diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ:  + Có nhiều dòng thơ thấm thía nỗi đau mất mát: “Anh không về nữa”, …  - Khái quá cảm xúc về bài thơ: Bài thơ không chỉ ngợi ca sự hi sinh thầm lặng, lớn lao, cao cả của những người lính mà còn khẳng định sự tiếp nối thiêng liêng giữa các thế hệ làm nên đất nước muôn đời. |

**2.2. Thực hành viết theo các bước**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm ý, lập dàn ý cho bài viết  - GV HD học sinh tiến hành viết bài  - Sau khi viết xong tiến hành kiểm tra và chỉnh sửa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức -> Ghi lên bảng. | **III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn bài thơ**  - Có thể chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ viết về đề tài như tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước, …  - Điều quan trọng là bài thơ ấy để lại trong em nhiều ấn tượng, cảm xúc.  **- Ví dụ**: văn bản «Gặp lá cơm nếp» nói về tình cảm gia đình hòa chung vào tình yêu quê hương, đất nước...Đó là tình yêu thương, tình cảm của nhân vật tôi dành cho người mẹ khi đang hành quân chiến đấu...  **b. Tìm ý**  Thực hiện những thao tác sau đây để tìm ý:  - Đọc bài thơ nhiều lần đề có được cảm nhận chung về bài thơ.  - Nêu cảm xúc về nét đặc sắc của bài thơ trên các phương diện: chủ đề, cảm xúc của nhà thơ, thể thơ, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, …  - Ghi lại cảm xúc của em về bài thơ  **c. Lập dàn ý**  \* Mở đoạn  - Giới thiệu bài thơ, tác giả  - Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về nét độc đáo, có ý nghĩa nhất của bài thơ.  \* Thân đoạn  Nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ (số tiếng trong mỗi dòng, vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, tình cảm, cảm xúc, thông điệp của tác giả)  \* Kết đoạn  Khái quát lại cảm xúc, ấn tượng về bài thơ  **2. Viết bài**  **Dựa vào dàn ý, em viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:**  - Đoạn văn có đầy đủ ba phần Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.  - Các câu trong đoạn tập trung thể hiện nội dung chính của đoạn, sử dụng các từ ngữ liên kết.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ, …).  - Trình bày đúng hình thức đoạn văn: viết lùi đầu dòng chữ đầu tiên của đoạn văn, chữ cái đầu phải được viết hoa, kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm câu.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Chỉnh sửa theo phiếu 01 |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau: Viết bài văn ghi lại cảm xúc của ems au khi học xong văn bản “Gặp lá cơm nếp”*

***Bài viết tham khảo:***

Bài thơ “Gặp lá cơm nếp” của tác giả Thanh Thảo khắc hoạ hình ảnh người mẹ tần tảo trong kí ức của người con xa quê. Tác phẩm thể hiện nỗi nhớ thương với người mẹ già và quê hương đất nước. Với thể thơ năm chữ khá ngắn gọn, tác giả như kể lại câu chuyện của người con “xa nhà đã mấy năm”. Khi gặp lại lá cơm nếp, người con lại thèm bát xôi của mùa gặt, thấy như khói đang bay ngang tầm mắt và cảm nhận được mùi xôi lạ lùng. Cảm giác lạ lùng đó nhưng thật ra lại rất đỗi thân quen. Sau đó, trong suy nghĩ của người con hiện lên hình ảnh mẹ già bên bếp củi, người thổi cơm nếp không phải ai khác mà “phải” là mẹ. Mẹ chính là người đã đi nhặt từng chiếc lá về để đun lên nồi cơm nếp thơm lừng, con đường con đi lúc này luôn thoang thoảng mùi hương đó. Mùi hương này không phải là mùi hương bình thường của hoa thơm, trái ngọt mà được tác giả nâng lên thành “mùi vị quê hương”. Từ “Ôi” đã cho thấy sự xúc động và trân trọng của tác giả dành cho mẹ, cũng như thức quà mẹ làm. Có thể nói, tình yêu mẹ được tác giả hoà quyện vào

tình yêu quê hương đất nước qua hai dòng thơ: “Mẹ già và đất nước/Chia đều nỗi nhớ thương.” Bên cạnh nội dung, nghệ thuật của bài thơ cũng khá đặc sắc: vần liền, nhịp thơ 2/3, 3/2 tạo nên sự nhịp nhàng, uyển chuyển cho câu chuyện, cũng như cảm xúc mà tác gỉa muốn gửi gắm. Ngoài ra, ở hai câu thơ cuối, biện pháp nhân hoá “Cây nhỏ rừng Trường Sơn/ Hiểu lòng nên thơm mãi …”, có tác dụng tạo điểm nhấn, làm nổi bật lên cảm xúc nhớ thương của người con. Bài thơ đã thể hiện được dòng cảm xúc nhớ thương của người con xa quê thông qua sự gặp gỡ với lá cơm nếp, từ đó tác giả gửi gắm tình yêu gia đình, yêu quê hương đất nước sâu nặng.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

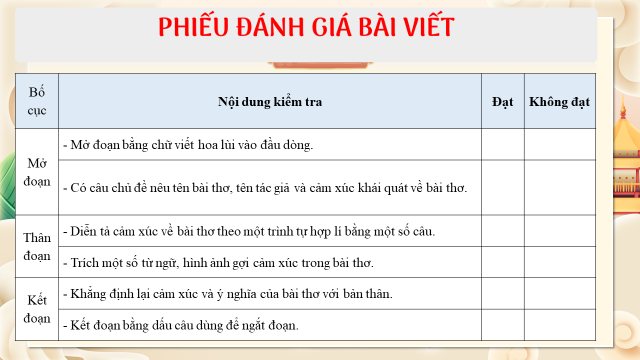
**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS;

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:



Ngày soạn: 14/10

Ngày dạy: 16/10(7C,7D)

**TIẾT 24:**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**(Được gợi ra từ một tác phẩm văn học)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Biết cách trình bày ý kiến, suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ một tác phẩm văn học sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*- GV dẫn vào bài học*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Chuẩn bị trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Ghi lên bảng | ***I. TRƯỚC KHI NÓI***  ***1. Chuẩn bị nội dung***  - Dựa vào các tác phẩm đã học để chọn nội dung phù hợp:  + Đề tài người lính  + Đề tài tình yêu đất nước  + Đề tài tình yêu quê hương  - Sưu tầm tranh ảnh, video, bài hát, bài thơ có có nội dung liên quan để minh họa cho bài nói  - Lập dàn ý cho bài nói:  Ví dụ vấn đề ***«suy nghĩ về hình ảnh người lính»***  + Giới thiệu về người lính  + Vẻ đẹp của người lính  + Biểu hiện cụ thể của vẻ đẹp ấy mà gợi cho em nhiều ấn tượng  + Nêu những suy nghĩ của em về việc làm của người lính  **2. Luyện tập**  - Tập luyện một mình  - Trình bày trước bạn bè, người thân  - Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, rút kinh nghiệm sau những lần tập luyện |

**2.2. Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***«Hình ảnh người lính»***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  **Chào hỏi, giới thiệu đề tài, vấn đề của bài nói và tầm quan trọng của nó.**  *Ví dụ*  **Ví dụ đề tài: *«Hình ảnh người lính»***  Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường.........*Đề tài người lính* là đề tài tốn nhiều giấy mực của các nhà văn nhà thơ thời kì kháng chiến chống giặc cứu nước. Có người vẽ lên cuộc sống vất vả, sự hi sinh anh dũng nơi chiến trường của các chiến sĩ, có người vẽ lên vẻ đẹp oai hùng, uy nghi cùng với tinh thần lạc quan… Nhưng tất cả đều thể hiện tình yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước sâu sắc. Vậy hình ảnh người lính được thể hiện như thế nào trong thơ văn kháng chiến, xin mời thầy cô và các bạn cùng lắng nghe và trao đổi.  **2. Nội dung chính**  - Trình bày các khía cạnh của vấn đề với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục…  - Chú ý sử dụng từ ngữ liên kết: trước tiên, sau đó, mặt khác, không chỉ vậy….  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói, cử chỉ, cảm xúc sao cho phù hợp…  - Có thể sử dụng tranh ảnh, video hỗ trợ để bài nói hấp dẫn, sinh động, thu hút người nghe.  ***3. Kết thúc***  ***Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn***  *Ví dụ đề tài: «Hình ảnh người lính»*  *Cuối cùng, thông qua bài trao đổi này tôi cũng mong muốn: tôi và các bạn cũng nhau phát huy những nét đẹp của các anh lính bộ đội cụ Hồ thông qua các hành động cụ thể như: cố gắng học tập thật tốt, tham gia vào các công việc chung của nhà trường, giúp đỡ bố mẹ việc nhà….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.*  ***\* Một số lưu ý khi trình bày bài nói***  *1. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thống nhất ngôi kể*  *2. Kể theo dàn ý, đảm bảo thời gian quy định*  *3. Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt…)*  *4. Kết hợp trình bày vấn đề với sử dụng tranh ảnh, bài hát để tăng sức hấp dẫn*  **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS thực hành nói và nghe theo các đề sau  ***Hình ảnh người lính***  **Tình yêu gia đình**  **Tình yêu quê hương**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**  **Bài nói tham khảo**  Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường.........Đề tài người lính là đề tài tốn nhiều giấy mực của các nhà văn nhà thơ thời kì kháng chiến chống giặc cứu nước. Có người vẽ lên cuộc sống vất vả, sự hi sinh anh dũng nơi chiến trường của các chiến sĩ, có người vẽ lên vẻ đẹp oai hùng, uy nghi cùng với tinh thần lạc quan… Nhưng tất cả đều thể hiện tình yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước sâu sắc. Vậy hình ảnh người lính được thể hiện như thế nào trong thơ văn kháng chiến, xin mời thầy cô và các bạn cùng lắng nghe và trao đổi.  ***Hình ảnh người lính trước hết được thể hiện ở xuất thân và lí tưởng sống cao đẹp.*** Người lính cụ Hồ xuất thân từ nhiều hoàn cảnh khác nhau, có thể là những người lao động nghèo khổ “Quê hương anh đất mặn đồng chua/ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá” *(Đồng Chí – Chính Hữu), hoặc là những chàng thanh niên trẻ tuổi vô tư “chưa một lần yêu/ còn mê thả diều” (Đồng dao mùa xuân- Nguyễn Khoa Điềm)… Dù xuất thân ở hoàn cảnh nào thì ở họ đều có chung một lí tưởng cao đẹp* sẵn sàng hy sinh tuổi xuân, dũng cảm chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.   Người nông dân mặc áo lính gan dạ dũng cảm “tỳ tay trên mũi súng” *(Cá nước – Tố Hữu)*, các anh dẻo dai bền bỉ hành quân vượt qua “*trăm suối ngàn khe”,* vượt suốt, trèo đèo trong cảnh *“ngày nắng đốt”*chói chang, những “*đêm mưa dầm dề, gió buốt chân tay”* quanh năm suốt tháng. Không một khó khăn, trở lực ngăn được bước tiến của anh:  “Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều  Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo  Núi không đè nổi vai vươn tới”.  ***Bên cạnh đó, hình ảnh người lính còn được thể hiện ở hoàn cảnh sống và chiến đấu thiếu thốn, khắc nghiệt.***  Người lính chiến đấu ở những nơi rừng núi âm u rậm rạp “đêm nay rừng hoan sương muối” (Chính Hữu), “bụi phun tóc trắng”, “mưa xối xả”… Cuộc chiến đấu diễn ra trong mọi hoàn cảnh: trong đêm đông lạnh buốt, hay nắng lửa mưa ngàn, nơi chiến trường ác liệt. Người lính phải gắng vượt lên tất cả để hoàn thành nhiệm vụ. Không chỉ thời tiết, thiên nhiên khắc nghiệt mà cuộc sống chiến đấu ở chiến trường đầy gian khổ, thiếu thốn và cả sự khốc liệt của chiến tranh:  những cơn sốt rét rừng hành hạ, ốm đau thiếu thuốc men, bom đạn rình rập đe doạ sự sống, cuộc chiến tranh khốc liệt, hiểm nguy mà những người lính phải đối mặt “áo rách, quần có vài mảnh vá, chân không giày” (Phạm Tiến Duật). Bằng những hình ảnh chân thực, sống động, những nét vẽ không màu. Thơ ca đã gieo vào lòng người đọc những xúc động lắng sâu về hoàn cảnh sống, chiến đấu vô cùng gian khổ, thiếu thốn, hy sinh, thử thách, của những người lính cách mạng- những anh bộ đội cụ Hồ. Đất nước gian lao, cuộc đời người lính cách mạng cũng đầy khó khăn thử thách. Người lính đã vượt lên, chiến thắng mọi hoàn cảnh để chiến thắng được kẻ thù .  ***Và cuối cùng, hình ảnh người lính hiện lên là những con người yêu nước với những phẩm chất tốt đẹp: giàu lòng yêu nước, kiên cường, lạc quan yêu đời.*** Những người lính ra đi từ mọi miền quê của đất nước, họ gác lại những tình cảm, ước mơ riêng, những khát khao tuổi trẻ băng qua bom đạn, vượt qua mọi khó khăn, để tiến về phía trước. Quyết tâm ra đi chiến đấu để bảo vệ độc lập cho quê hương cho Tổ quốc. Tất cả đều bắt nguồn từ lòng yêu nước sâu sắc và vô cùng vĩ đại của những người lính mang tên gọi vô cùng giản dị mà thân thương: Bộ đội cụ Hồ.   Những người lính dũng cảm, kiên cường trong chiến đấu. Mọi khó khăn gian khổ, bom đạn của kẻ thù lùi lại phía sau bởi ở họ có một lòng yêu nước sâu sắc, một lý tưởng cao đẹp “*Đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao*”. Với tinh thần “Tất cả vì Tổ quốc thân yêu”. Trong gian nan thử thách, tình đồng đội càng toả sáng, trong chiến đấu gian khổ, đồng đội là nguồn động viên là cánh tay dìu đỡ, là người chia lửa khi giáp mặt quân thù “*thương nhau tay nắm lấy bàn tay*”.  Đồng thời đó cũng là động lực giúp người lính vượt qua tất cả để hoàn thành lý tưởng cao cả của mình. Dù hoàn cảnh chiến đấu còn đầy những cam go, thử thách, vẻ đẹp phẩm chất cách mạng của người lính vẫn rạng ngời toả sáng. Họ chính là những bài ca đi cùng năm tháng, bất tử với thời gian.  Cuối cùng, thông qua bài trao đổi này tôi cũng mong muốn tôi và các bạn cũng nhau phát huy những nét đẹp của các anh lính bộ đội cụ Hồ thông qua các hành động cụ thể như: cố gắng học tập thật tốt, tham gia vào các công việc chung của nhà trường, giúp đỡ bố mẹ việc nhà… Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm. |

**Hoạt động 3: Luyện tập- Củng cố mở rộng**

**Bài tập Nhà thơ Thế Lữ từng viết: “Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu”. Qua những văn bản thơ được học trong bài này, theo em, người đọc có thể nghe được những điệu đàn nào của tâm hồn con người?**

- Nhận định của Thế Lữ có thể hiểu: thơ có nhiều cung bậc, trạng thái khác nhau, không lặp lại, không giống nhau và cảm xúc thì bao la theo cách thể hiện của nhà thơ và cũng theo cách hiểu của độc giả. Chính vì vậy, mỗi bài thơ sẽ có những nội dung, nghệ thuật đặc sắc khác nhau

*-* GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*Ngày soạn: 14/10*

*Ngày dạy: 17,18/10(7C,7D)*

**TIẾT 25: TRẢ BÀI VIẾT GHI LẠI CẢM XÚC 4 HOẶC 5 CHỮ**

**TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT**

1. **MỤC TIÊU**
   1. **Kiến thức:**

- Đánh giá khả năng tiếp thu và kiến thức của học sinh qua kiểm tra văn theo yêu cầu.  
- Củng cố lại những kiến thức đã học về thơ 4 ,5 chữ

***2. Năng lực***:

- Học sinh biết so sánh, đối chiếu bài làm của mình với yêu cầu của đề bài, dàn ý để nhận ra hạn chế trong bài viết của mình. Từ đó sửa chữa và khắc phục.

***-*** Rèn kĩ năng sửa lỗi sai.

- Năng lực chung: - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

***2. Phẩm chất***:

- Trách nhiệm: có ý thức tự giác học hỏi phát hiện và sửa lỗi sai của mình, học hỏi cách viết ngắn gọn khoa học sáng tạo của bạn.

**II. CHUẨN BỊ**

***1. Thầy***: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ư­u và như­ợc điểm trong bài viết của học sinh.

***2. Trò:*** **-** Nhớ đề và nhận ra ưu khuyết điểm trong bài làm của mình.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

***1.Hoạt động khởi động***

A. **Hoạt động KHỞI ĐỘNG**

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

**I. Đề và đáp án:**

- Đề bài (theo đề bài soạn tiết 23)

- Đáp án(theo đáp án và hướng dẫn chấm soạn tiết 23

**II. Trả bài**

**III. Nhận xét, đánh giá chung:**1. Ưu điểm  
- Đại đa số hs nắm được yêu cầu của đề, biết cách làm bài, kiến thức chính xác.

- Đại đa số hS hiểu bài

- Một số bài làm sạch sẽ, diễn đạt lưu loát.  
- 2. Nhược điểm  
- Một số hs chưa đọc kĩ yêu cầu của đề: Xác định nhầm ý nghĩa

- Một số bài làm chưa đủ ý, chưa nắm chắc kiến thức.  
- Trình bày cẩu thả, không khoa học, chữ xấu, sai chính tả nhiều.  
- Diễn đạt: lủng củng, lặp từ, dùng từ không chuẩn, câu thiếu CN, không rõ nghĩa, dấu chấm câu sai.  
**IV. Chữa lỗi**

- GV cho hs hoạt nhóm cặp: trên cơ sở bài đã chấm của GV tự mình sửa lỗi rồi hs trao đổi bài cho nhau theo nhóm bàn và soát lỗi cho nhau.

- GV yêu cầu hs phát hiện ưu, nhược trong bài của bạn cùng nhóm.

- GV nhắc các lỗi HS gặp phải trong quá trình viết văn:  
- Yêu cầu HS lên bảng sửa các lỗi chính tả, lỗi diễn đạt tiêu biểu trên phông chiếu  
- HS thực hiện

**V. Đọc bài khá, theo dõi hs yếu**

**1. Đọc bài khá: Nhật**

**2. Theo dõi hs yếu:**

**HƯỚNG DẪN HỌC BÀI:**

*Ngày soạn: 14/10*

*Ngày dạy: 17,18,21/10(7C,7D)*

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**TIẾT 26, 27,28**

**TRI THỨC NGỮ VĂN VÀ VĂN BẢN “ VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ”**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết chủ đề của bài học

- Nhận biết được tính cách nhân vật. Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

- Nhận biết đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

**-** Bước đầu viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết được tính cách nhân vật. Nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

- Năng lực ngôn ngữ: nhận biết đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

**2. Phẩm chất:**

- Bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

- GV cho học sinh xem video: ***TRAO YÊU THƯƠNG ĐỂ NHẬN NIỀM VUI VÀ HẠNH PHÚC***, yêu cầu học sinh chia sẻ cảm nhận

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *“Tình yêu là câu trả lời cho mọi thứ”, Tình yêu thương sẽ luôn là điểm tựa, con người có tình yêu thương sẽ luôn vững vàng trên hành trình trưởng thành. Trong bài học “CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG” chúng ta, với những văn bản, tác phẩm truyện, chúng ta sẽ có thêm cơ hội và khám phá một các sâu sắc hơn về những nguồn mạch yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+* Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:  Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **B.. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Cội nguồn yêu thương  -> Yêu thương là điểm tựa hạnh phúc và giúp con người vững vàng trên mọi hành trình tưởng thành  - **Thể loại chính**: truyện, thơ  + Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  + Người thầy đầu tiên  + Quê hương |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu: :** HS bước đầu nắm được thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện và tác dụng của nó.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm theo bàn để hoàn thành phiếu học tập, thời gian 3 phút.   |  |  | | --- | --- | | 1. Thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện? |  | | 2. Tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện? |  | | 3. Em đã từng đọc văn bản nào sử dụng việc thay đổi kiểu người kể chuyện chưa? Hãy chia sẻ một vài ví dụ? |  |   ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn để hoàn thành phiếu học tập  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.*** | **C.. TRI THỨC NGỮ VĂN**  - Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau.  + Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất  + Có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  **-** Tác dụng:  + Sự thay đổi kiểu người kể chuyện luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả.  + Mỗi ngôi kể thường mang đến một cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. |

**C..VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ**

**- Nguyễn Ngọc Thuần-**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

**-** Nhận biết được tính cách nhân vật. Biết cách nhận xét đánh giá nhân vật trong tác phẩm truyện

- Nhận biết được chủ đề của văn bản.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Phân tích được hình tượng nhân vật tôi và nhân vật người bố

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh.

- Trung thực: Biết lên án thói xấu trong xã hội.

- Trách nhiệm: Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi GIẢI CÂU ĐỐ

Hoa gì dõi hướng mặt trời

Trông như tô nắng ngời ngời sắc hương ?

- HOA HƯỚNG DƯƠNG

Hoa gì cưỡi sóng chơi rông

Mơ màng sắc tím đời không bến bờ ?

- HOA LỤC BÌNH

Hoa gì t hường đỏ màu cờ

Gợi ta nhớ mẹ những giờ đơn côi ?

- HOA MẪU ĐƠN

Hoa gì còn ngủ còn đông

Khi bừng sắc thắm mênh mông xuân về ?

- HOA ĐÀO/MAI

Hoa gì nhuộm đỏ tiếng ve

Sân trường náo nức gọi về hè vui ?

- HOA PHƯỢNG

Hoa gì vạn tuổi lừng danh?

- HOA VẠN THỌ

Đầm sâu hoa trắng hoa hồng

Ai khép tạc lại cho ông phật ngồi

- HOA SEN

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *đọc phân vai truyện*  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại tôi và bố cùng các nhân vật khác  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***GV:*** Tổ chức hoạt động nhóm đôi  Hoàn thành phiếu học tập    ***GV hỏi thêm:*** *Theo em nhan đề: Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ có ý nghĩa gì?*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  Tóm tắt  Nhà của tôi có một khu vườn rộng. Bố trồng rất nhiều hoa. Buổi chiều ra đồng về, hai bố con ra vườn thi nhau tưới. Bố thường bảo tôi nhắm mắt lại, sau đó dẫn tôi đi chạm từng bông hoa một rồi đoán xem đó là hoa gì. Tôi đã thuộc làu làu, chạm loài nào đều đoán tên được loài đó. Khi Tý đem tặng bố những trái ổi to mềm, bố rất trân trọng dù bố ít khi ăn ổi. Tôi nhận ra đó là vẻ đẹp của món quà mình cho đi hay mình được nhận. Tôi nhận ra khu vườn, người bố là món quà to lớn, quý giá của cuộc đời cậu. Sau đó, bố lại nghĩ ra một trò chơi khác, thay vì chạm thì bây giờ nhân vật tôi chỉ được ngửi rồi gọi tên. Khi đã thuần thục, bố khen cậu là người có chiếc mũi tuyệt nhất thế giới. Lúc đó, cậu nhận ra rằng chính những bông hoa là người đưa đường, dẫn lối cho cậu trong khu vườn. | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  *- Đọc phân vai*  *- Giọng đọc: nhanh, tinh nghịch, nhí nhảnh, vui vẻ*  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - **Nguyễn Ngọc Thuần (1972)**  **- Quê:** Hàm Tân- Bình Thuận  - Là một **nhà văn trẻ** đầy triển vọng trên địa hạt văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam  - Chuyên sáng tác cho **trẻ em**  - Có **cái nhìn tinh tế** về thế giới trẻ thơ với thế giới trong trẻo, tươi mới và đầy chất thơ  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Rút từ chương 5 của tập truyện: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*  - Thể loại: truyện ngắn  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất  - Người kể chuyện: nhân vật “tôi”  - Nhân vật chính: “tôi”, “bố tôi”  - Bố cục:  **+ Phần 1:** *Từ đầu đến “ Cháu có con mắt thần” :* Bố dạy “ tôi” cách nhắm mắt đoán các loài hoa trong vườn  **+ Phần 2:** *Còn lại*: Bố dạy “ tôi” cách đón nhận, trân trọng tình cảm của mọi người xung quanh  **- Nhan đề:** Cảm nhận cuộc sống theo cách thức mới lạ**.** Nhan đề độc đáo, thu hút người đọc, gợi sự hứng thú, tò mò của người đọc |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được hình tượng nhân vật tôi và nhân vật người bố

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu về nhân vật tôi***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức **hoạt động nhóm**  **Nhóm 1**: Tìm những chi tiết thể hiện khả năng đặc biệt của nhân vật “ tôi”. Nhờ đâu mà Tí có năng lực đó?  **Nhóm 2**: Tìm các chi tiết thể hiện cảm xúc suy nghĩ của nhân vật tôi về bố và Tí?  **Nhóm 3**: Những điều thú vị tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Tìm hiểu về nhân vật tôi***  **a. Những khả năng đặc biệt của “tôi”**  **\* Có cách nhìn đặc biệt**  **- Nhận ra những bông hoa trong vườn không phải bằng mắt mà bằng cách ngửi mùi hương của hoa và cảm nhận từ đôi bàn tay**  **- “**Tôi có thể chạm bất cứ loại cây nào và nói đúng tên của nó”  - “Tôi có thể vừa nhắm vừa đi mà không chạm vào vật gì”  **- “**tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa”  - “Tôi còn phân biệt đồng một lúc những hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!”  - “Chú hùng nói: Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”  **\* Lắng nghe âm thanh tài tình**  - “Bây giờ, khi đang còn vùi đầu trong mền, tôi vẫn biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân”  - Biết chính xác tiến kêu cứu của bạn Tí vang lên từ bờ sông: “Mọi người nhìn quanh, không biết tiếng hét xuất phát từ hướng nào. Nhưng tôi đã nói ngay:  - Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!”  **\* Khả năng đặc biệt của tôi được hình thành nhờ những trải nghiệm tuổi thơ thú vị cùng người cha bên khu vườn quen thuộc của mình và nhờ luyện tập**  **b. Cảm xúc suy nghĩ về Bố và Tí**  Nhân vật người bố được kể qua cảm nhận cua nhân vật “ tôi”. Việc lựa chọn người kể chuyện trong đoạn trích vừa có tác dụng miêu tả tính cách của nhân vật người bô vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi”.  **\* Về bố:**  Đón nhận những cử chỉ chăm sóc của bó với lòng biết ơn  Tôi tin bố. Tôi hay gọi tên bố chỉ để nghe âm thanh.  Bố là món quà bự nhất của tôi  **\*Về Tí:**  - Coi Tí là người bạn thân nhất, sẵn sàng chia sẻ với bạn bí mật ngọt ngào, hạnh phúc của hai bố con;  - Thấy tên bạn Tí đẹp và hay hơn mọi ầm thanh, thích gọi bạn để được nghe cái tên ấy vang lên.  **c. Những “bí mật” tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ**  - Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ.  - Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” không chỉ thấy những bông hoa thơm hơn mà còn “nhìn” thấy nguyên cả khu vuờn, cả bông hồng ngay trong đêm tối,...- Những “bí mật” ấy đã mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống hằng ngày và làm giàu có tâm hồn của nhân vật “tôi”.  **- Nghệ thuật:**  +Ngôn ngữ giản dị, phù hợp  + Cách kể chuyện gần gũi  + Câu cảm thán, câu nghi vấn bộc lộ tình cảm.  + Miêu tả tinh tế tâm lí nhân vật |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hỏi:  + Nhân vật người bố trong câu chuyện có sở thích gì?  + Tình cảm của Bố dành cho nhân vật Tôi như thế nào?  GV tổ chức trò chơi nhanh: sắp xếp tranh    + Người bố đã nghĩ ra những trò chơi gì cho nhân vật Tôi? Cách chơi ra sao? Em có nhận xét gì về những trò chơi đó?  - HS trả lời bằng PHT    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu HS hoàn thành PHT cá nhân**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP** | | | Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm mà bố dành cho Tí |  | | Qua những chi tiết đó đã giúp thể hiện điều gì về bố |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **2. Nhân vật người Bố**  **a. Sở thích**  - Thích trồng hoa  - Luôn biết chăm sóc và lắng nghe “tiếng nói” của khu vườn và “nhịp sống” của thiên nhiên  **b. Tình cảm của bố với “tôi”**  - “Bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay. Bố lại lấy hộp lon gò thành cái vòi sen nữa”  - Bố nghĩ ra những trò chơi thú vị   |  |  | | --- | --- | | **Trò chơi** | **Cách chơi** | | **Trò chơi đoán tên các loài hoa** | Con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa | | **Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật** | Nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa. | | **Trò chơi ngửi rồi gọi tên các loài hoa** | Con nhắm mắt cảm nhận được mùi của các loài hoa | | **Nhận xét:**  - Các trò chơi ngày càng khó hơn, tạo ra được sự hấp dẫn với đứa con.  - Người bố luôn theo dõi, động viên, khích lệ dể đứa con tiến bộ hơn.  + Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.  + Những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình | |   **- Nói về ý nghĩa những cái tên**  **- Nói về ý nghĩa những món quà:**  **-> Biết cho và nhận những món quà cũng là cách thể hiện nét đẹp phẩm chất của mình**  **->** Một người cha rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần gũi với con  **c. Tình cảm của bố với “Tí”**  - Yêu thương Tí: Bố không ngần ngại cứu Tí dưới sông, bố cõng tôi và Tí trên vai, bố làm xuồng để cả hai cưỡi trên lưng  - Trân trọng nâng niu món quà của Tí  Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.  => Bố có trái tim giàu yêu thương và nhân hậu  **- Nghệ thuật:**  + Ngôn ngữ giản dị, phù hợp  + Cách kể chuyện gần gũi  + Câu cảm thán, câu nghi vấn bộc lộ tình cảm.  + Miêu tả tinh tế tâm lí nhân vật |
| - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  GV HD Hd làm bài tập  GV hướng dãn hs chuẩn bị tiết sau: THTV” | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  .   * 1. **Nội dung**   **IV. Luyện tập** |

*Ngày soạn: 21/10*

*Ngày dạy: 25/10(7C,7D)*

**TIẾT 29**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS nhận biết được đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của số từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và sử dụng hợp lí từ ngữ tiếng Việt.

**2. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

*-* GV tổ chức trò chơi ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ

+ Bảy nổi ba chìm

+ Đi một ngày đàng học một sàng khôn

+ Ba đầu sáu tay

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- GV dẫn dắt vào bài học mới:

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của số từ để sử dụng đúng và hiệu quả.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi dẫn  + Em hãy xác định số từ trong hai ví dụ trên. Nhận xét về vị trí của chúng trong câu.  + Nêu khái niệm số từ.  + Có mấy loại số từ? Kể tên và nêu đậc điểm của các loại số từ đó?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  **(1)** Tôi đoán được hai loại hoa: hoa mồng gà và hoa hướng dương.  - Số từ đứng trước danh từ -> ***Chỉ số lượng***  **(2)** Tôi ngồi bàn thứ nhất: Số từ đứng sau danh từ  -> ***Chỉ số thứ tự của sự vật***  **2. Ghi nhớ**  **- Khái niệm**: số từ là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.  **- Về vị** **trí:**  + Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ đứng trước danh từ: *ba tầng, năm canh...*  + Khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ: *tầng ba, canh bốn…*  **\* Lưu ý**  Cần phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng như: đôi, chục, tá,… Các từ này tuy cũng có ý nghĩa số lượng, nhưng có đặc điểm ngữ pháp của danh từ: có thể kết hợp với số từ ở trước và từ chỉ định ở sau. Ví dụ: *hai chục (trứng) này, ba đôi (tất) ấy,…* |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Bài tập 1,2,3,4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức Hoạt động nhóm  Nhóm 1,2: bài tập 1,2,3  Nhóm 3,4: bài tập 4,5  Thời gian: 10 phút  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Bài tập 5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức trò chơi AI NHANH HƠN  GV chia lớp thành 2 đội, thực hiện nhiệm vụ: tìm các thành ngữ có sử dụng số từ mang nghĩa biểu trưng, ước lệ.  Thời gian: 5 phút.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thay phiên nhau lên ghi kết quả trên bảng.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**  Số từ (từ in đậm) trong các câu là:  *a.* ***hai*** *bố con*  *b.* ***một*** *bình tưới*  *c.* ***ba*** *chục**mét*  **Bài tập 2**  \* Số từ chỉ số lượng ước chừng trong các câu là:  *a.* ***mấy*** *phút*  *b.* ***vài*** *ngày*  *c.* ***một hai*** *hôm*  \* Ba số từ chỉ số lượng ước chừng và đặt câu:  *-* ***“Những”:*** *Những ngày tới, tôi rất bận*  *-* ***“Nắm”*** *: Mẹ mang nắm thóc ra sân để cho gà ăn*  *-* ***“Ít”*** *: Ít nữa thôi là tôi phải sang Anh du học rồi*  **Bài tập 3**  - Từ «Sáu» : không phải số từ  - Từ «Sáu» được viết hoa : vì đây là danh từ, tên riêng chỉ người.  **Bài tập 4**  ***\* Trường hợp tương tự:***  *Hai mắt - đôi mắt, hai tay - đôi tay, hai tai - đôi tai, hai cái sừng - đôi sừng, hai chiếc đũa - đôi đũa.*  *- hai* là số từ chỉ số lượng, dùng để đếm các sự vật.  *- đôi* là danh từ chỉ một tập hợp sự vật có hai yếu tố cùng loại, tương ứng với nhau và làm thành một đơn vị thống nhất về mặt chức năng, công dụng. Có thể tính đếm tập hợp đó bằng số từ và đặt số từ đứng trước danh từ *đôi: một đôi, hai đôi, ba đôi,...*  **Bài tập 5**  - Thành ngữ ***ba chìm bảy nổi*** có ý nghĩa chỉ nỗi gian truân, vất vả, long đong, liên tiếp gặp khó khăn, trắc trở.  - ***Ăn một bát cháo, chạy ba quãng đồng***. Chỉ việc không đáng làm, để đạt được việc nhỏ bỏ công sức quá to.  - ***Chín người mười ý****.* Mỗi người mỗi ý, khó mà chiều theo cho đặng, cho đều.  - ***Gươm hai lưỡi, miệng trăm hình****.* Ý nói gươm đao sắc bén cũng không bằng miệng lưỡi nhân gian.  *-* ***No ba ngày tết, đói ba tháng hè****.* Hãy biết điều tiết chi tiêu để không phải túng thiếu.  *-* ***Một nghề thì sống, đống nghề thì chết****.* Ý nói thà giỏi một lĩnh vực gì đó cho chuyên sâu còn hơn cái gì cũng biết mà chẳng biết tới đâu. |

*- GV tổ chức hoạt động:* ***NHÌN HÌNH ĐẶT CÂU***

***Yêu cầu****:* Hãy đặt câu có chứa số từ với nội dung liên quan đến bức hình

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 21/10

Ngày dạy: 25/10, 26/10( 7C, 7D)

**TIẾT 30, 31:**

**NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

(Trích, Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp)

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Cảm nhận được tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên. Từ đó, biết trân trọng những tình cảm tốt đẹp mà mình được đón nhận.

- Nhận biết đuợc sự thay đổi người kể chuyện trong đoạn trích và bước đầu cảm nhận được tác dụng của sự thay đổi đó; biết khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Đuy-sen qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, qua lời kể và cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật An- tư-nai, của nhân vật người hoạ sĩ.

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích được ngôn ngữ, tính cách nhân vật

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh.

- Trách nhiệm: Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

GV nêu câu hỏi: ***Em hãy kể ngắn gọn về một thầy/cô giáo mà em yêu quý.***

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *đọc phân vai truyện*  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi kể thứ nhất xưng “tôi” trong 4 phần.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà văn* Ai-ma-tốp  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***GV hỏi***  *- Văn bản thuộc thể loại nào?*  ***-*** *Văn bản ra đời trong hoàn cảnh nào?*  *- Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là ai?*  *- Nêu phương thức biểu đạt chính của tác phẩm?*  *- Văn bản sử dụng những ngôi kể nào? Nêu tác dụng của từng ngôi kể?*  *- Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **Tóm tắt**  Đoạn trích Người thầy đầu tiên là lời kể lại của người họa sĩ và An-tư-nai về một người thầy đầu tiên của họ và của cả ngôi làng. Đuy-sen là một người thầy tuyệt vời, không chỉ vận động các học sinh tới trường, thầy còn tự tay cõng các em nhỏ qua suối, không quản thời tiết lạnh buốt hay bị những kẻ cưỡi ngựa châm chọc. Thầy Đuy-sen quan tâm đến các học sinh và đặc biệt là An-tư-nai, mong cô bé có thể lên thành phố lớn học tập. Câu chuyện kể lại từ An-tư-nai khiến người họa sĩ đồng hương cảm thấy day dứt và muốn vẽ bức tranh thật đẹp về hai thầy trò | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  *- Đọc nối tiếp nhau*  ***- Giọng đọc****: chậm, nhẹ nhàng, tình cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Ai-ma-tốp (1929-2008) là nhà văn nước Cư-rơ-gư-xtan, thuộc Liên- xô trước đây  - Tác phẩm đầu tiên khiến Ai-ma-tốp nổi tiếng là tập truyện Núi đồi và thảo nguyên (được tặng giải thưởng Lê-nin về văn học năm 1963).  - 2004: Ông được nhận danh hiệu “Giáo sư danh dự” của trường Đại học tổng hợp quốc gia Mat-xcơ-va.  **b. Tác phẩm**  - **Hoàn cảnh sáng tác:**  + ST năm 1962  + Cuộc sống một vùng quê miền núi lạc hậu ở Cư-rơ-gư-đơ-xtan vào những năm đầu thế kỉ XX.  *-* **Phương thức biểu đạt**: Tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm  - Thể loại: Truyện ngắn  - Nhân vật: An-tư-nai, một cô bé mồ côi.  - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất xưng “tôi” (có sự thay đổi nhân vật).  **\* Bố cục:** 4 phần  - Phần 1: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể người họa sĩ đồng hương với An-tư-nai.  - Phần 2: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể của An-tư-nai.  - Phần 3: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể của An-tư-nai.  - Phần 4: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể người họa sĩ đồng hương với An-tư-nai. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được người kể chuyện, phân tích được tác dụng của ngôi kể

- Phân tích được nhân vật Thầy Đuy Sen và nhân vật An -tư -nai

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu về người kể chuyện và ngôi kể***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hỏi  Xác định người kể chuyện và chỉ ra mối quan hệ giữa các nhân vật?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Tìm hiểu về người kể chuyện và ngôi kể***  - Người kể phần (1)(4): người họa sĩ  - Người kể phần (2)(3): An-tư-nai  - Các nhân vật người kể chuyện trong đoạn trích có mối quan hệ đồng hương với nhau. Họ đều sinh ra và lớn lên ở làng Ku-ku-rêu; hiện cùng sống ở Mát-xcơ-va và có quen biết nhau. Họ cùng được mời về dự lễ khánh thành ngôi trường mới của quê hương  => Là dụng ý, xuất phát từ ý đồ nghẹ thuật của tác giả. Khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn; giúp nhà văn biểu đạt nhiều điểm nhìn, nhiều khía cạnh khác của sự việc, con người. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV tổ chức hoạt động nhóm đôi hoàn thành PHT sau    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Nhân vật thầy Đuy-sen***  **a. Hình ảnh thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai**  **- Ngôn ngữ đối thoại:**  + Trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học.  + Động viên, khích lệ An-tư-nai,...  **- Hành động:**  + Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học.  + Bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá.  + Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, khắc nghiệt, sự đơn độc; mơ ước về một tương lai tươi sáng cho học trò  - **Tính cách thầy Đuy-sen:**  Thầy có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha…  **\* Cảm xúc, suy nghĩ của An-tư-nai về thầy**: cảm nhận về lòng nhân hậu, tình yêu thương của thầy.  -> An-tư-nai đã dành cho thầy Đuy-sen tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ và biết ơn vì tấm lòng nhân từ, những ý nghĩ tốt lành và những ước mơ của thầy về tương lai cô và những đứa trẻ.  ***-> Tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.***  **Nghệ thuật**  **-** Lối kể chuyện hấp dẫn, kết hợp miêu tả, tự sự, biểu cảm  - Khắc họa nhân vật sinh động, rõ nét qua: ngôn ngữ, hành động, lời nói, cử chỉ... |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức **thảo luận nhóm**  NHÓM 1. Tìm hiểu về hoàn cảnh của em bé An-tư-nai  NHÓM 2. Tìm hiểu về diễn biến tâm trạng của An-tư-nai khi gặp thầy Đuy-sen  NHÓM 3: Tìm hiểu tình cảm nà An-tư-nai dành cho thầy Đuy-sen  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Nhân vật An-tư-nai**  **\* Hoàn cảnh:**  - Là một đứa trẻ mồ côi  - Sống với gia đình chú thím khắc nghiệt: «Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi»...  **-> Cuộc sống thiếu thốn cả vật chất và tình cảm; không được chăm sóc và yêu thương.**  **\* Diễn biến tâm trạng khi gặp thầy Đuy-sen:**  - Ban đầu thấy xấu hổ, rụt rè.  - Sau thấy lòng ấm hẳn.  - Cuối cùng căm uất với những người đã nhạo báng thầy Đuy-sen.  **\* Tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:**  **-** An-tư-nai đã dành cho thầy Đuy-sen tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ và biết ơn vì tấm lòng nhân từ, những ý nghĩ tốt lành và những ước mơ của thầy về tương lai cô và những đứa trẻ.  - Cô ước thầy làanh ruột của mình, tình cảm thân thương như ruột thịt.  **-> Vì vậy, khi trở về thành phố An-tư-nai đã khẩn khoản người họa sĩ kể về thầy Đuy-sen.**  **Nghệ thuật**  **-** Ngôn ngữ giản dị, phù hợp.  - Sự thay đổi ngôi kể |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hỏi: Người họa sĩ có những băn khoăn trăn trở gì? Người họa sĩ có những ý tưởng gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **4. Những băn khoăn, trăn trở và ý tưởng của người nghệ sĩ**  **\* Những băn khoăn, trăn trở**  - Có khi tôi tưởng chừng rồi sẽ chẳng ra gì hết. Và những lúc ấy tôi lại nghĩ: Tại sao số phận lại trớ trêu...? Thật là một cuộc sống khổ ải.  - Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh... Và những khi ấy tôi nghĩ: Hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc  **\* Những ý tưởng**  - Vẽ hai cây phong thầy Đuy-sen và An-tư-nai trồng.  - Vẽ cảnh tượng thầy Đuy-sen bế trẻ em qua con suối mùa đông.  - Vẽ khoảnh khắc thầy Đuy-sen tiễn An-tư-nai lên tỉnh  **-> Những ý tưởng đẹp của người nghệ sĩ có trách nhiệm với nghề** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. Có sự thay đổi người kể giữa các phần, để nổi bật hình ảnh thầy Đuy-sen và tình cảm An-tư-nai.  - Lối kể hấp dẫn, thú vị.  - Khắc họa nhân vật giản dị, gần gũi. Được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, tính cách.  **2. Nội dung**  - Truyện kể về tình yêu thương của thầy Duy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai về người thầy đầu tiên.  - Trân trọng về những tình cảm tốt đẹp mà mình được nhận |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi Ôn tập bài học*

**CÂU HỎI 1: Văn bản *“Người thầy đầu tiên”* là của tác giả nào?**

*A. Xéc-van-téc*

*B. An- đéc- xen*

*C. Ai- tơ- ma- tốp*

*D. O-hen-ri*

***CÂU HỎI******2. Nhà văn Ai – tơ - ma – tốp là người nước nào?***

*A. Nga*

*B. Bồ Đào Nha*

*C. Phần Lan*

*D. Cư – rơ – gư - xtan*

***CÂU HỎI******3. Trong văn bản “ Người thầy đầu tiên”, thầy Đuy-sen có những hành động nào qua lời kể của An-tư-nai:***

*A. Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học.*

*B. Bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá.*

*C. Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, khắc nghiệt, sự đơn độc; mơ ước về một tương lai tươi sáng cho học trò.*

*D. Cả ba đáp án trên.*

***CÂU HỎI 4: Nội dung chính văn bản “ Người thầy đầu tiên” là:***

*A. Nói về tình thầy trò.*

*B. Nói về tình bạn*

*C. Nói về tình cảm gia đình.*

*D. Nói về tình mẫu tử*

***CÂU HỎI 5: Cô bé An-tư-nai sinh sống trong hoàn cảnh như thế nào?***

*A. Cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc*

*B. Là một đứa trẻ mồ côi*

*C. Sống với gia đình chú thím*

*D. Cả B,C đều đúng*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* ***Em hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể lại nội dung của phần (1) hoặc phần (4) văn bản Người thầy đầu tiên bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.***

**Bài viết tham khảo**

- Kể lại nội dung phần (4)

Tôi đã nghĩ rất nhiều về câu chuyện của bà An-tư-nai. Tôi muốn vẽ một bức tranh về câu chuyện của bà với thầy Đuy-sen. Chắc chắn tôi sẽ phải vẽ, dù số phận thật trớ trêu khi đặt cây bút vẽ vào tay tôi. Có thể tôi sẽ vẽ hình ảnh hai cây phong, cũng có thể tôi sẽ vẽ bà An-tư-nai khi còn nhỏ đã trèo lên cây phong và mơ mộng thế nào. Hoặc, tôi sẽ đặt tên bức tranh là "Người thầy đầu tiên", trong đó có cảnh thầy Đuy-sen bế các bạn nhỏ qua suối mà bên cạnh là đám nhà giàu đang chế giễu ông hay cảnh thầy tiễn An-tư-nai lên tỉnh học. Bức tranh như thế giống như tiếng gọi của thầy Đuy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 29/10

Ngày dạy: 1/11, 2/11( 7D)

**Tiết : 35 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**PHÓ TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Số từ

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được đặc điểm của phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

**2. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Em hãy đặt 3 câu văn thể hiện một sự việc xảy ra trong quá khứ, xảy ra ở hiện tại và xảy ra ở tương lai*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV nhận xét, Gv dẫn dắt: | **Gợi ý:**  Em **đã** ăn cơm  Em **đang** ăn cơm  Em **sẽ** ăn cơm  => các từ in đậm chính là phó từ từ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Phó từ là gì? Em hãy lấy ví dụ về phó từ.*  *+ Phó từ được phân ra thành những loại nào? Lấy ví dụ cho từng loại*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Khái niệm:**  Phó từ là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.  **2. Phân loại**  Phó từ được phân chia thành hai nhóm:  - Phó từ đi kèm danh từ: Phó từ làm thành tố phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật đó. Đó là các từ: những, các, mọi, mỗi, từng.....  VD: **những** bức tranh ấy đẹp lắm. - Phó từ đi kèm động từ, tính từ. Phó từ làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ (quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến, mức độ, kết quả,...)  VD:   1. : **Hãy** nhìn tôi đây!   Phó từ ‘’hãy’’ trước động từ ‘’nhìn’’ chỉ sự cầu khiến, mệnh lệnh.   1. : Em thông minh **lắm.**   Phó từ’’lắm’’ sau tính từ ‘’thông minh’’ chỉ mức độ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Phần Tự luận  *GV chia lớp thành 6 nhóm*  *+ Nhóm 1-4: Bài 1*  *+Nhóm 2-5: Bài 2*  *+Nhóm 3-6: Bài 3*  Phần trắc nghiệm  Câu 1: Tìm phó từ trong câu: “Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.”  **A. Đã**  B. Chung  C. Là  D. Không có phó từ  Câu 2: Phó từ là gì?  **A. Là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ**  B. Là những từ chuyên đi kèm phụ sau danh từ, bổ sung ý nghĩa cho danh từ  C. Là những từ có chức năng như thành phần trung tâm của cụm từ danh từ  D. Không xác định  Câu 3: Phó từ gồm mấy nhóm  **A. 2 nhóm**  B. 3 nhóm  C. 4 nhóm  D. 5 nhóm  Câu 4: Phó từ thường bổ sung ý nghĩa liên quan đến hành động, trạng thái, đặc điểm, tính chất nêu ở động từ hoặc tính từ trên phương diện?  A. Quan hệ thời gian, mức độ  B. Sự tiếp diễn tương tự  C. Sự phủ định  **D. Cả 3 đáp án trên**  Câu 5: Phó từ trong câu: Nó đang lầm lũi bước qua đống tro tàn trong trận cháy hôm qua nhạnh nhạnh chút gì đó còn sót lại cho bữa tối là gì?  **A. Đang**  B. Bữa tối  C. Tro tàn  D. Đó  Câu 6: Câu nào dưới đây có sử dụng phó từ?  **A. Mùa hè sắp đến gần.**  B. Mặt em bé tròn như trăng rằm.  C. Da chị ấy mịn như nhung  D. Chân anh ta dài lêu nghêu.  Câu 7: Phó từ đứng sau động từ thường bổ sung ý nghĩa về?  A. Mức độ  B. Khả năng  C. Kết quả và hướng  **D. Cả 3 đáp án trên**  Câu 8: Phó từ đứng trước động từ, tính từ không bổ sung cho động từ, tính từ nghĩa gì?  A. Quan hệ, thời gian, mức độ  B. Sự tiếp diễn tương tự  C. Sự phủ định, cầu khiến  **D. Quan hệ trật tự**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1:** Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ trong các câu sau:  a. Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này.  b. Những lúc ấy, thầy Đuy-sen đã bế các em qua suối  c. Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy.  Trả lời:  a. mọi  b. những, các  c. những  **Bài 2:** Tìm phó từ bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì?  a. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.  b. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì?  c. Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao ki-giắc lên lưng và rảo bước về làng.  d. An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?  Trả lời  a.  Phó từ: không bổ sung ý nghĩa phủ định cho động từ nghĩ  Phó từ: ra, được bổ sung ý nghĩa chỉ kết quả hành động nghĩ  b.  Phó từ: lắm bổ sung ý nghĩa mức độ cho tính từ hay  Phó từ: chả bổ sung ý nghĩa phủ định cho động từ chẳng  Phó từ: sẽ bổ sung ý nghĩa thời gian tương lai cho động từ học tập  c. Phó từ: cũng bổ sung ý nghĩa tiếp diễn cho động từ đứng dậy  d.  Phó từ: quá bổ sung ý nghĩa mức độ cho tính từ hay  Phó từ: lắm bổ sung ý nghĩa mức độ cho tính từ ngoan  **Bài 3**: Trong phần (4) của văn bản Người thầy đầu tiên, phó từ hãy được lặp lại nhiều lần. Cho biết tác dụng của việc lặp lại phó từ này.  Trả lời: Phó từ hãy xuất hiện nhiều lần (6 lần) trong phần kết của văn bản Người thầy đầu tiên, việc lặp lại phó từ này đứng trước động từ có tác dụng bổ sung ý nghĩa cầu khiến, thuyết phục, động viên làm việc gì đó.  Đoạn văn nói đến những suy tư, trăn trở của người kể chuyện. Câu chuyện xúc động về người thầy đầu tiên - thầy Đuy-sen đã thôi thúc người kể chuyện muốn sáng tác, muốn được vẽ lại một chi tiết trong câu chuyện hay vẽ chân dung người thầy đặc biệt này để tỏ lòng biết ơn, yêu mến, kính trọng. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật thầy Đuy-sen hoặc An-tư-nai, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 3 phó từ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | *Gợi ý*  Đuy-sen đúng là một người thầy vĩ đại, cử chỉ của thầy rất hồn nhiên. Thầy hiền hậu nói lên những lời ấm áp lay động tâm hồn tuổi thơ. Mới gặp **các** em nhỏ xa lạ lần đầu mà thầy **đã**nhìn thấy, **đã** thấu rõ cái khát khao muốn được học hành của **các** em: “các em **chả sẽ** học tập ở đây là gì?”. Thầy Đuy-sen quả là có tài và  là người **rất** giàu kinh nghiệm sư phạm. Chỉ sau một vài phút gặp gỡ, vài câu nói nhẹ nhàng, thầy **đã**khơi dậy trong lòng các em nhỏ người miền núi sự ham học.  Chú thích: phó từ được in đậm |

**IV. Phụ lục**

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 5/11/24

Ngày dạy: 8/11(7C,7D)

**TIẾT 36:**

**Văn bản 3: QUÊ HƯƠNG**

**(Tế Hanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Thấy được vẻ đẹp của con người, cuộc sống nơi làng chài ven biển và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết của tác giả

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ và nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Cội nguồn yêu thương là gia đình, thầy cô, bạn bè, quê hương xứ sở…

**2. Phẩm chất:**

- Bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Cho học sinh nghe bài hát được phổ nhạc từ bài thơ "Quê hương" của nhà thơ Đỗ Trung Quân và cho biết cảm xúc của em khi nghe bài hát này*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS suy nghĩ, trả lời  - HS trình bày câu trả lời  - Gv tổ chức trò chơi  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: | Hs: lắng nghe/đọc và bày tỏ suy nghĩ của mình |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, giới thiệu về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***NV1: Hướng dẫn học sinh đọc***  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *+ Hướng dẫn cách đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  *+ Báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức* | **II. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc diễn cảm  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **b. Tác phẩm Quê hương**  - Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương  - Bố cục: 4 phần |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Thấy được vẻ đẹp của con người, cuộc sống nơi làng chài ven biển và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết của tác giả

- Nhận biết được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ và nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản

- Kết nối với các VB1 và VB2 để làm rõ chủ đề: Cội nguồn yêu thương là gia đình, thầy cô, bạn bè, quê hương xứ sở…

- Bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết tiêu biểu**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 1. Tìm trong bài thơ những chi tiết có thể giúp em nhận biết quê hương của tác giả là một làng chài ven biển.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở (thế nào là thần thoại suy nguyên)  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. tìm hiểu văn bản**  **1. Chi tiết tiêu biểu**  Chi tiết nhận biết quê hương tác giả là một làng chài:  - Không gian  + Nước bao vây cách biển nửa ngày sông  - Nghề nghiệp: Làng tôi ở làm nghề chài lưới  - Cuộc sống lao động, sinh hoạt  + Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá  + Ồn ào trên bến đỗ/ dân làng đón ghe về…  - Hình ảnh con người, thiên nhiên  + Làn da rám nắng  + Nước xanh, cá bạc, buồm vôi, thuyền ra khơi  => Đặc trưng của làng chài |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu biện pháp tu từ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Chỉ ra hiệu quả của một số biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả hình ảnh con thuyền lúc ra khơi.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Biện pháp tu từ**  *Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã*  *Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang*  + So sánh: chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã kết hợp với các từ ngữ mang sắc thái mạnh (băng, phăng, mạnh mẽ, vượt) để tái hiện vẻ đẹp của con thuyền lúc ra khơi. Con thuyền được hình dung như một sinh thể sống động, đẹp đẽ, tràn đầy sức mạnh, lướt băng băng hướng về biển lớn. Hình ảnh so sánh còn gợi lên vẻ đẹp của con người lao động- hiên ngang, hào hùng như những kị sĩ, tráng sĩ.  *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*  *Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*  + Nhân hóa (rướn thân trắng, thâu góp gió) kết hợp với so sánh cánh buồm với mảnh hồn làng  + Hình ảnh cánh buồm giương to, căng tràn nắng gió của biển cả giúp chúng ta hình dung rõ hơn một điều tưởng vô hình là cái hồn, cái chất riêng của làng chài và những con người nơi đây. Cánh buồm là sự hiện hữu sinh động của phần hồn ấy: tràn trề sức sống, như hăm hở thâu góp, ôm cả nắng gió của đất trời, mạnh mẽ và phóng khoáng…  + Bằng lối so sánh và nhân hóa này,tác giả còn gợi được vẻ đẹp của người dân làng chài với tình yêu lao động, tâm hồn phóng khoáng, lãng mạn, tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh đặc sắc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 3. Em hãy chọn phân tích một số từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong đoạn thơ sau:*  *Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,*  *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*  *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*  *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc**  - Câu thơ đầu tiên người đọc ấn tượng với hình ảnh *“làn da ngăm rám nắng”.* Đó là bút pháp tả thực, những người dân phơi nắng phơi gió ngoài biển khơi nên có một làn da khỏe mạnh, không lẫn vào đâu được.  -  Hình ảnh *“thân hình nồng thở vị xa xăm”* được tả theo bút pháp lãng mạn. Thân hình vạm vỡ của người dân chài thấm đẫm hơi thở của biển cả nồng mặn vị muối của đại dương bao la. Cái độc đáo của câu thơ là gợi cả linh hồn và tầm vóc của con người biển cả. Tác giả sử dụng biện pháp ẩn dụ thể hiện cảm nhận bằng xúc giác (vị), cái vốn chỉ được cảm nhận bằng thị giác (thân hình).  - Hình ảnh miêu tả về “chiếc thuyền nằm im trên bến đỗ” cũng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, toát lên vẻ mặn mòi của biển, thấm đượm xúc cảm bâng khuâng thương nhớ của người con xa quê hương. Cũng như dân chài, con thuyền có vị mặn của nước biển, con thuyền như đang lắng nghe chất muối của đại dương đang thấm trong từng thớ vỏ của nó. Thuyền trở nên có hồn hơn, nó không còn là một vật vô tri vô giác nữa mà đã trở thành người bạn của ngư dân. |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vẻ đẹp của con người và cuộc sống làng chài**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Đọc bài thơ, em cảm nhận được những vẻ đẹp nào của con người và cuộc sống nơi làng chài?*  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **4. Vẻ đẹp của con người và cuộc sống làng chài**  - Vẻ đẹp của con người: khỏe khoắn, cường tráng, yêu lao động, tâm hồn phóng khoáng, lạc quan  - Vẻ đẹp của cuộc sống làng chài: vừa giản dị, bình yên, vừa sôi động tràn trề sức sống, gắn bó với thiên nhiên |
| **NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Gv sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn*  CHUYN Cy c u n c da i  *Tình cảm của tác giả với quê hương được thể hiện như thế nào trong bài thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **5. Tình cảm, cảm xúc của tác giả**  Bài thơ đã thể hiện được niềm yêu thương, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống nơi làng chài; nỗi nhớ nhung da diết khi phải xa cách quê hương... |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển. Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và cảnh sinh hoạt lao động chài lưới. Qua đó cho thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.  **2. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ bình dị mà gợi cảm, giọng thơ khỏe khoắn hào hùng  - Hình ảnh thơ phong phú, giàu ý nghĩa  - Nhiều phép tu từ được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật như so sánh, nhân hóa |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

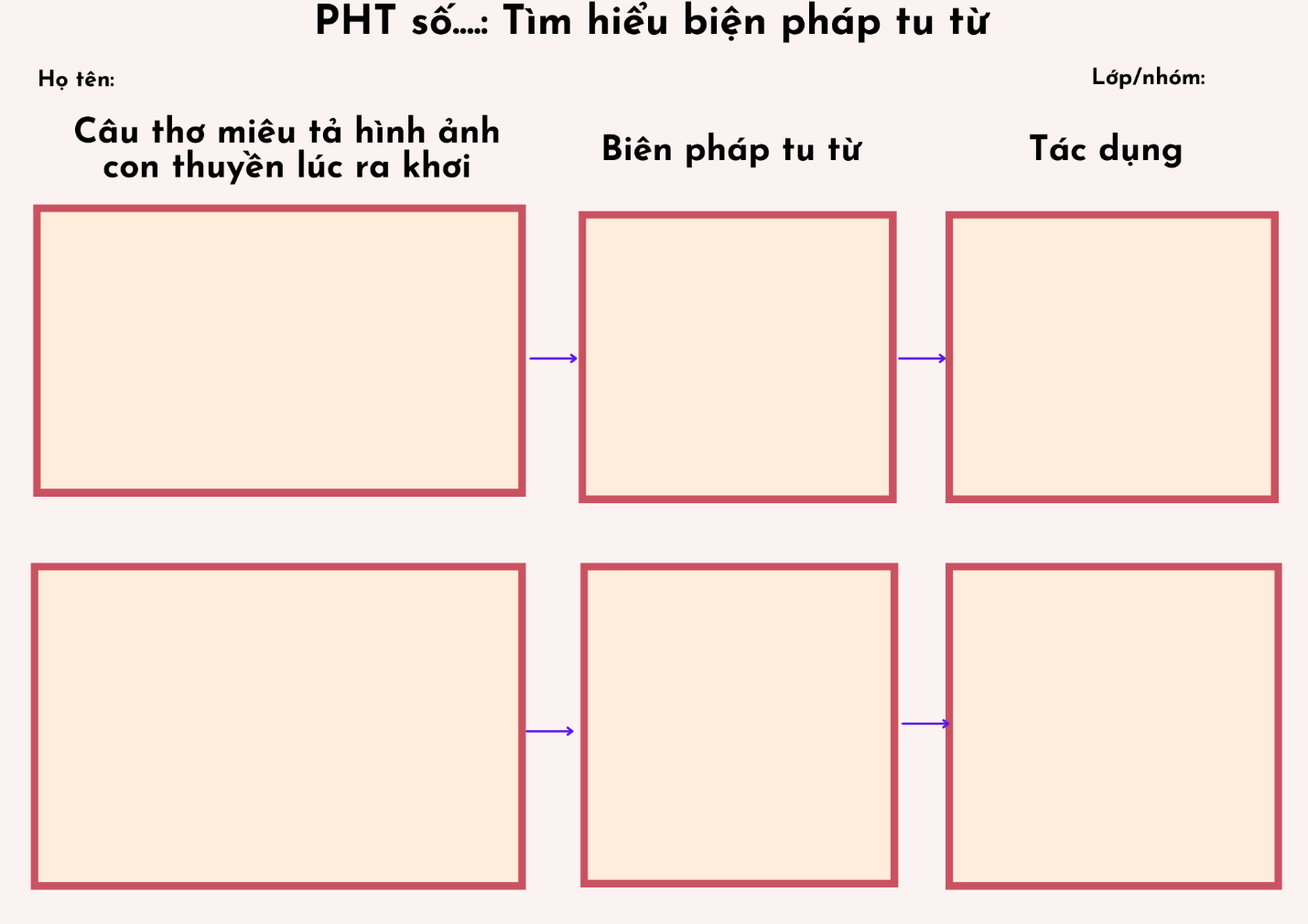
**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*...” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

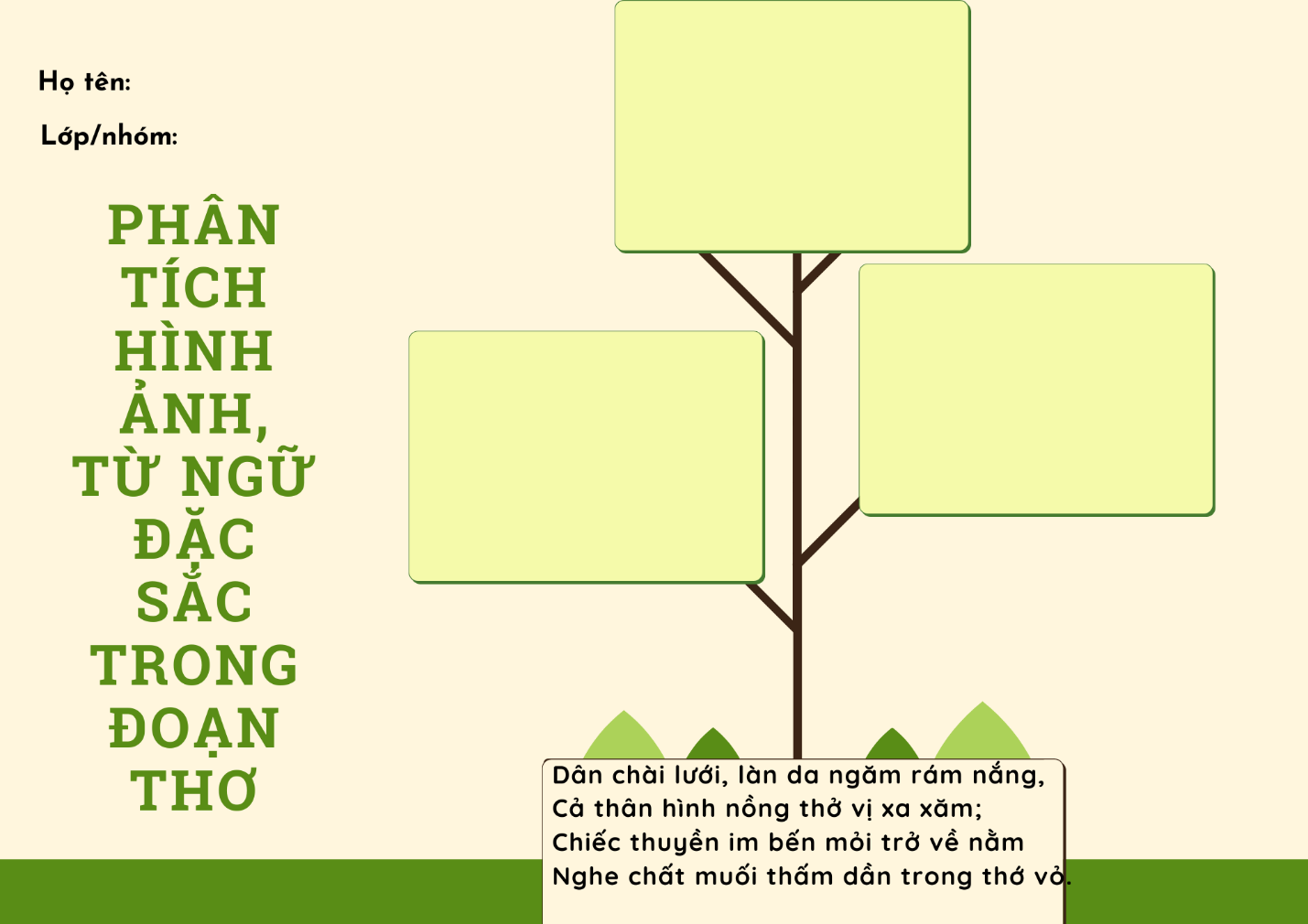
**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  1.Tập thơ *Hoa niên* của Tế Hanh được sáng tác năm nào?  **A. Năm 1945.**  B. Năm 1956.  C. Năm 1960.  D. Năm 1965.  2. Phương án nào chưa chính xác khi nói về đặc điểm của thơ Tế Hanh?  A. Dễ đi vào lòng người nhờ cảm xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha.  B. Lời thơ giản dị, giàu hình ảnh.  C. Giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng.  **D. Thường có những liên tưởng độc đáo thể hiện những suy tư giàu chất nhân văn và cái nhìn mang màu sắc triết lý về cuộc sống.**  3. Bài thơ *Quê hương* được viết theo thể thơ nào?  A. Thơ lục bát.  B. Thơ song thất lục bát.  **C. Thể thơ tám chữ.**  D. Thơ tự do.  4. Bài thơ *Quê hương* được ngắt nhịp như thế nào?  A. Nhịp 6/2.  **B. Nhịp 3/2/3; nhịp 3/5.**  C. Nhịp 4/4.  D. Nhịp 2/2/2/2.  5.Bài thơ *Quê hương* chủ yếu được gieo theo vần nào?  A. Vần cách.  B. Vần lưng.  C. Vần tự do.  **D. Vần liền.**  6. Hai câu thơ đầu trong bài thơ *Quê hương* giới thiệu điều gì?  A. Giới thiệu quê hương của nhà thơ.  B. Giới thiệu những cảnh đẹp của quê hương.  **C. Giới thiệu nghề nghiệp và vị trí của làng quê của nhà thơ.**  D. Giới thiệu dân làng và những người than trong gia đình của nhà thơ.  7. Cảnh ra khơi đánh cá trong bài thơ Quê hương diễn ra trong thời gian nào?  **A. Sớm mai hồng.**  B. Mặt trời vừa mọc.  C. Hoàng hôn buông.  D. Khi trời tối.  8. Các từ *bằng, phăng, vượt,….*trong bài thơ *Quê hương* thể hiện điều gì?  A. Sức mạnh và khí thế của các ngư dân.  **B. Sức mạnh và khí thế của con thuyền.**  C. Sức mạnh và khí thế của các ngư dân và của con thuyền.  D. Sức mạnh và ý chí quyết tâm ra khơi của các ngư dân.  9. Câu thơ *Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã* sử dụng biện pháp tu từ gì?  A. Nhân hóa.  B. Hoán dụ.  C. Ẩn dụ.  **D. So sánh.**  10. Nhà thơ Tế Hanh đã so sánh *cánh buồm* với hình ảnh nào?  A. Con tuấn mã.  B. Dân làng.  **C. Mảnh hồn làng.**  D. Mái nhà.  11. Câu thơ nào miêu tả cụ thể nét đặc trưng của ngư dân?  *A. Làng tôi vốn làm nghề chài lưới/ Nước bao quanh cách biển nửa ngày sông.*  *B. Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng/ Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*  *C. Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.*  ***D. Dân chài lưới làn da ngâm rám nắng/ Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.***  12. Hai câu thơ: *Chiếc thuyền im bến mỏi về nằm/ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ* vì sử dụng biện pháp tu từ gì?  A. So sánh.  **B. Nhân hóa.**  C. Ẩn dụ.  D. Hoán dụ.  13. Các từ : *trong, nhẹ, hồng* trong bài thơ *Quê hương* thuộc từ loại nào?  A. Danh từ.  B. Động từ.  **C. Tính từ.**  D. Phó từ.  14. Trong các nhóm từ sau, nhóm từ nào là động từ?  A. Băng, nhẹ, vượt, bơi, thở.  B. Băng, phăng, vượt, hồng.  C. Băng, phăng, vượt, trẳng.  **D. Băng, phăng, vượt, bơi, thở.**  15. Từ *ghe* trong câu thơ *Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe* có nghĩa gì?  **A. Là loại thuyền nhỏ và hẹp, lớn hơn xuồng.**  B. Là loại thuyền dài, lớn hơn xuồng.  C. Là loại thuyền nhỏ làm bằng tre.  D. Là loại thuyền nhỏ làm bằng gỗ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý:  **1.A**  **2.D**  **3.C**  **4.B**  **6.C**  **5.D**  **7.A**  **8.B**  **9.D**  **10.C**  **11.D**  **12.B**  **13.C**  **14.D**  **15.A** |

****

**PHT số 2**

****

Ngày soạn: 5/11/24

Ngày dạy: 8,9/11(7C) 11,12/11(7D)

**Tiết 37,38,39: VIẾT**

**VIẾT BÀI PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT**

**TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. HS nhận biết được các yêu cầu của bài văn . Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

*- GV tổ chức trò chơi AI NHANH NHẤT*

***- Yêu cầu:*** kể tên các nhân vật xuất hiện trong các văn bản mà chúng ta đã học từ đầu năm. Trong các nhân vật đó, em ấn tượng với nhân vật nào, vì sao?

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Nhân vật văn học là linh hồn của tác phẩm. Tác giả thông qua nhân vật – đứa con tinh thần của mình mà truyền tải mọi thông điệp mong muốn đến với người đọc, người nghe. Với dạng bài yêu cầu phân tích nhân vật thì nhiệm vụ của chúng ta là làm sáng tỏ những đặc điểm của nhân vật đó đồng thời thể hiện được “ý đồ” mà tác giả muốn gửi gắm khi xây dựng nhân vật ấy. Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm được các kĩ năng phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.**

**a. Mục tiêu:** nắm được các yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập***  GV đặt câu hỏi: *Theo em, một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học phải đáp ứng được yêu cấu gì?*  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập***  *- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.*  *- HS dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận***  *- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.* | **I. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.**  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm theo bàn và thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập.   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Nội dung** | | Đoạn đầu tiên của văn bản nói về nội dung gì? |  | | Hãy chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phâm? |  | | Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn? |  | | Nêu ý nghĩa hình tượng nhân vật? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **- Giới thiệu nhân vật**: Đoạn đầu: con mèo tên là Gióc-ba, một nhân vật trong truyện Con mèo dạy hải âu bay của nhà văn Lu-I Xe-pun-ve-a…  **- Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:**  + Con mèo xuất hiện: Con mèo mun to đùng, mập ú,… đen từ đầu đến chân trừ túm lông trắng dưới cằm  + Khi tấn công: nhanh như cắt, bộ lông đen tuyền xù lên, đôi mắt màu vàng sáng quắc…  **- Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:** Nghệ thuật nhân hóa tài tình, tác giả đã sang tạo nhiều chi tiết có giá trị biểu đạt đặc sắc. Lối kể chuyện vừa giàu cảm xúc vừa hài hước, tươi vui.  **- Ý nghĩa của hình tượng nhân vật**: qua hình tượng nhân vật Gióc-ba, Tác giả muốn gửi gắm nhiều bài học quý giá: sự trân trọng lời hứa, sức mạnh kì diệu của tình yêu thương, tinh thần bảo vệ kẻ yếu, sống can đảm và giàu khát vọng. |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước, cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, đâu là những nội dung quan trọng của bước: Trước khi viết. Trong những nội dung đó, em sẽ trình bày những gì? Hãy lấy ví dụ minh họa cụ thể.  + GV tổ chức chia nhóm theo cặp đôi để hoàn thành Phiếu học tập về Hồ sơ nhân vật.  + Theo em, khi viết bài cần chú ý những điều gì? Vì sao?  + Em hay mắc lỗi gì khi viết bài văn, để khắc phục, chỉnh sửa lỗi đó, em sẽ làm gì?  + Hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết theo mẫu Phiếu đánh giá bài viết.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm văn học**  VD: Nhân vật Mên, Mon (Bầy chim chìa vôi); An, Cò (Đi lấy mật); Người cha, người con (Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ); Thầy Đuy-sen, An-tư-nai (Người thầy đầu tiên)…..  **b. Tìm ý**  - Khi tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết lien quan đến nhân vật, em cần chú ý:  + Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật  + Đặc điểm nhân vật được nhà văn thể hiện gián tiếp qua:            ● Các chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật            ● Ngôn ngữ của nhân vật            ● Thế giới nội tâm            ● Mối quan hệ với các nhân vậtkhác.  - Để xác định được đặc điểm của nhân vật hãy kết nối thong tin về nhân vật trong tác phẩm với hiểu biết và trải nghiệm của em bằng cách đặt ra các câu hỏi:  + Nhà văn đã miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ của các nhân vật như thế nào? Trong cuộc sống, những người có đặc điểm như vậy sẽ có tính cách như thế nào?  + Nhà văn miêu tả thế giới nội tâm nhân vật như thế nào? Những người có cảm xúc, suy nghĩa như vậy thường có đặc điểm gì?  + Nhà văn đã viết gì về mối quan hệ của các nhân vật khác trong tác phẩm? Trong cuộc sống, những người có các mối quan hệ như vậy thường có tính cách như thế nào?  **- Hồ sơ nhân vật:…………..**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Cách MT NV** | **Chi tiết trong TP** | **Suy luận của em** | | Ngoại hình |  |  | | Hành động |  |  | | Ngôn ngữ |  |  | | Nội tâm |  |  | | MQH với nv khác |  |  | | Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật |  |  |   **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **- Thân bài:** phân tích đặc điểm của nhân vật  + Nhân vật đó xuất hiện như thế nào?  + Các chi tiết miêu tả hành động của nhân vật đó.  + Ngôn ngữ của nhân vật  + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật như thế nào?  + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác  **- Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật  **2. Viết bài**  **Khi viết bài cần lưu ý:**  - Để những nhận xét về nhân vật thuyết phục và có giá trị, cần dựa trên những sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.  - Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.  -  Phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết. Không nên nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách chung chung. Cần đưa ra các bằng chứng trong tác phẩm để làm căn cứ cho những nhận xét, suy luận về đặc điểm nhân vật.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Chỉnh sửa bài viết theo mẫu phiếu |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* ***Phân tích một nhân vật văn học mà em yêu thích.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

Người thầy đầu tiên là một truyện ngắn xuất sắc của Ai-tơ-ma-tốp kể về thầy giáo Đuy-sen qua hồi ức bà viện sĩ An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va, vốn là học trò trước đây của thầy Đuy-sen. Hình ảnh một người thầy tuyệt đẹp và đáng kính là cảm nhận sâu sắc nhất của mỗi chúng ta khi đọc truyện ngắn này. Khi đến vùng núi quê hương của cô bé An-tư-nai. Thầy Đuy-sen còn trẻ lắm. Học vấn của thầy lúc đó chưa cao, nhưng trái tim thầy dạt dào tình nhân ái và sôi sục nhiệt tình cách mạng. Một mình thầy lao động hằng tháng trời, phạt cỏ, trát lại vách, sửa cánh cửa, quét dọn cái sân..., biến cái chuồng ngựa của phú nông hoang phế đã lâu ngày thành một cái trường khiêm tốn nằm bên hẻm núi, cạnh con đường vào cái làng nhỏ của người Kir-ghi-di, vùng Trung Á nghèo nàn lạc hậu

Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến thăm trường với bao tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì, ở đấy cũng hay” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bê bết đất”. Thầy Đuy-sen “mỉm cười, niềm nở” quệt mồ hôi trên mặt, rồi ôn tồn hỏi: “Đi đâu về thế, các em gái”. Trước các “vị khách” nhỏ tuổi, thầy hiền hậu nói: “Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi...?”

Đuy-sen đúng là một người thầy vĩ đại, cử chỉ của thầy rất hồn nhiên. Thầy hiền hậu nói lên những lời ấm áp lay động tâm hồn tuổi thơ. Mới gặp các em nhỏ xa lạ lần đầu mà thầy đã nhìn thấy, đã thấu rõ cái khao khát muốn được học hành của các em: “các em chả sẽ học tập ở đây là gì?” Thầy “khoe” với các em về chuyện đắp lò sưởi trong mùa đông..., thầy báo tin vui trường học đã làm xong “có thể bắt đầu học được rồi”. Thầy mời chào hay khích lệ? Thầy nói với các em nhỏ người dân tộc miền núi chưa từng biết mái trường là gì bằng tất cả tình thương mênh mông: “Thế nào, các em có thích học không? Các em sẽ đi học chứ?”

Thầy Đuy-sen quả là có tài, giàu kinh nghiệm sư phạm. Chỉ sau một vài phút gặp gỡ, vài câu nói nhẹ nhàng, thầy đã chiếm lĩnh tâm hồn tuổi thơ. Thầy đã khơi dậy trong lòng các em nhỏ người miền núi niềm khao khát được đi học.

Với An-tư-nai, thầy nhìn thấu tâm can em, cảm thông cảnh ngộ mồ côi của em, thầy an ủi và khen em một cách chân tình: “An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?”. Câu nói ấy cùng với nụ cười hiền hậu của Đuy-sen đã khiến cho cô gái dân tộc thiểu số bé nhỏ, bất hạnh “thấy lòng ấm hẳn lại”.

Đuy-sen là người thầy đầu tiên, người thầy khai tâm khai sáng cho An-tư- nai. Thầy hiền hậu, thầy yêu thương tuổi thơ. Thầy đã đốt cháy lên trong lòng các em ngọn lửa nhiệt tình khát vọng và khát vọng đi học. Đuy-sen là hình ảnh tuyệt đẹp của một ông thầy tuổi thơ. Con đường tuổi trẻ là con đường học hành. Trên con đường đầy nắng đẹp ấy, anh chị và mỗi chúng ta sẽ được dìu dắt qua nhiều thầy, cô giáo. Cũng như An-tư-nai, trong tâm hồn mỗi chúng ta luôn luôn chói ngời những người thầy, những Đuy-sen cao đẹp.

Ai-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy-sen – người thầy đầu tiên và hình ảnh An-tư-nai, cô bé mồ côi khát khao được đi học, được tác giả nói đến với tất cả sự ca ngợi, với niềm thương mến bao la. Người thầy trong truyện ngắn là người thầy của tình thương đến với tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời. Ngọn lửa tình thương như toả sáng trang văn Ai-ma-tốp, mãi mãi làm ấm áp lòng người. Thầy Đuy-sen càng trở nên gần gũi trong niềm thương mến của tuổi thơ chúng ta.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

Ngày soạn: 12/11/24

Ngày dạy: 15/11(7C,D)

**TIẾT 40**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

1. **MỤC TIÊU**
   1. **Kiến thức:**

- Đánh giá khả năng tiếp thu và kiến thức của học sinh qua kiểm tra văn theo yêu cầu.  
- Củng cố lại những kiến thức đã học về

+ Đọc: truyện ngắn

+ THTV: biện pháp tu từ, từ láy, từ ghép...

+ Viết: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ 4 chữ

***2. Năng lực***:

- Học sinh biết so sánh, đối chiếu bài làm của mình với yêu cầu của đề bài, dàn ý để nhận ra hạn chế trong bài viết của mình. Từ đó sửa chữa và khắc phục.

***-*** Rèn kĩ năng sửa lỗi sai.

- Năng lực chung: - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

***2. Phẩm chất***:

- Trách nhiệm: có ý thức tự giác học hỏi phát hiện và sửa lỗi sai của mình, học hỏi cách viết ngắn gọn khoa học sáng tạo của bạn.

**II. CHUẨN BỊ**

***1. Thầy***: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ư­u và như­ợc điểm trong bài viết của học sinh.

***2. Trò:*** **-** Nhớ đề và nhận ra ưu khuyết điểm trong bài làm của mình.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

***1.****Gv* chiếu đề và đáp án

**I. Đề và đáp án:**

- Đề bài (theo đề bài soạn tiết 33,34)

- Đáp án(theo đáp án và hướng dẫn chấm soạn tiết 33,34)

**II. Trả bài**

**III. Nhận xét, đánh giá chung:**1. Ưu điểm  
- Đại đa số hs nắm được yêu cầu của đề, biết cách làm bài, kiến thức chính xác.

- Đại đa số liên hệ từ câu chuyện với bài học thực tế mình thu được rất tốt: đảm bảo tốt yêu cầu thông qua mỗi văn bản hs được trang bị thêm kiến thức và kĩ năng sống để tự hoàn thiện mình .

- Một số bài làm sạch sẽ, diễn đạt lưu loát.  
- Một số hs đã biết kết hợp tốt PTBĐ miêu tả và trong bài văn tự sự  
2. Nhược điểm  
- Một số hs chưa đọc kĩ yêu cầu của đề: Xác định nhầm ý nghĩa câu chuyện(câu 9) với phần liên hệ thực tiễn(câu 10).

- Một số bài làm chưa đủ ý, chưa nắm chắc kiến thức.  
- Trình bày cẩu thả, không khoa học, chữ xấu, sai chính tả nhiều.  
- Diễn đạt: lủng củng, lặp từ, dùng từ không chuẩn, câu thiếu CN, không rõ nghĩa, dấu chấm câu sai.  
**IV. Chữa lỗi**

- GV cho hs hoạt nhóm cặp: trên cơ sở bài đã chấm của GV tự mình sửa lỗi rồi hs trao đổi bài cho nhau theo nhóm bàn và soát lỗi cho nhau.

- GV yêu cầu hs phát hiện ưu, nhược trong bài của bạn cùng nhóm.

- GV nhắc các lỗi HS gặp phải trong quá trình viết văn:  
- Yêu cầu HS lên bảng sửa các lỗi chính tả, lỗi diễn đạt tiêu biểu trên phông chiếu  
- HS thực hiện

**V. Đọc bài khá, theo dõi hs yếu**

**1. Đọc bài khá: Nhật**

**2. Theo dõi hs yếu:**

**HƯỚNG DẪN HỌC BÀI:**

Ngày soạn: 12/11/24

Ngày dạy: 15/11(7C) 16/11(7D)

**TIẾT 41: NÓI VÀ NGHE**

**Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống**

**(được gợi ra từ một nhân vật văn học)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Quy trình thực hiện bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

- Kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đưa ra câu hỏi:*

+ Kể tên các tác phẩm văn học em đã đọc trong bài 3: *Cội nguồn yêu thương*

+ Nhân vật nào trong các tác phẩm đó để lại ấn tượng nhất đối với em?

+ Bày tỏ ý kiến của em về nhân vật đó? (HS trình bày bằng 2, 3 ý kiến)

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***I. TRƯỚC KHI NÓI***  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Lựa chọn một vấn đề đời sống có ý nghĩa được gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm:  Ví dụ:  + Mèo Gióc-ba: sự trân trọng lời hứa, niềm tin vào cuộc sống…..  + Mên, Mon, An, Cò: tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống…  - Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:  + Tìm ý tưởng cho bài trình bày  + Tìm thêm thông tin liên quan  - Lập đề cương bài nóiVí dụ:  + Nhân vật mèo Gióc-ba đã gợi ra vấn đề về sự trân trọng lời hứa như thế nào?  + Trân trọng lời hứa là gì? Tại sao cần phải trân trọng lời hứa?...  + Bài học rút ra từ câu chuyện trân trọng lời hứa của mèo là gì?  **2. Luyện tập**  - Tập luyện một mình  - Trình bày trước bạn bè, người thân  - Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, rút kinh nghiệm sau những lần tập luyện  - Quản lí thời gian nói để đảm bảo thời gian phù hợp  - Cần nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: “BÀI HỌC VỀ TÌNH YÊU THƯƠNG qua nhân vật mèo Gióc-ba  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  Chào hỏi, giới thiệu đề tài, vấn đề của bài nói và chia sẻ cảm nhận của em.  Ví dụ vấn đề: “BÀI HỌC VỀ TÌNH YÊU THƯƠNG qua nhân vật mèo Gióc-ba  Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một cuốn sách mà tôi yêu thích, tại sao ư? Các bạn cùng lắng nghe nhé! Một trong những cuốn sách mà tôi rất yêu thích là “Chuyện con mèo dạy hải âu bay” của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da. Trong tác phẩm này, tôi cảm thấy ấn tượng nhất với nhân vật Gióc-ba, một con mèo mùn được nhà văn xây dựng để gửi gắm bài học về tình yêu thương.  **2. Nội dung chính**  - Trình bày mạch lạc, đầy đủ những vấn đề đã chuẩn bị với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục…  - Chú ý sử dụng từ ngữ liên kết: trước tiên, sau đó, mặt khác, không chỉ vậy….  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói, cử chỉ, cảm xúc sao cho phù hợp…  - Có thể sử dụng tranh ảnh, video hỗ trợ để bài nói hấp dẫn, sinh động, thu hút người nghe.  **3. Kết luận**  - Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn  Ví dụ vấn đề: “BÀI HỌC VỀ TÌNH YÊU THƯƠNG qua nhân vật mèo Gióc-ba  ***“Chuyện con mèo dạy hải âu bay”*** *đã để lại cho người đọc cảm xúc đẹp đẽ. Chúng ta cũng nhận ra được bài học về tình yêu thương trong cuộc sống, để rồi chúng ta sống có ích hơn, yêu thương hơn và chia sẻ nhiều hơn. ….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.*  ***\* Lưu ý khi trình bày bài nói***  1. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thống nhất ngôi kể  2. Kể theo dàn ý, đảm bảo thời gian quy định  3. Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt…)  4. Mở đầu và kết thúc bài nói hợp lí. Có thể tạo sự chú ý của người nghe bằng nhiều cách khác nhau (câu chuyện, tranh ảnh, video…) |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trảo đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách:  - Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận  - Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của người nói  - Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  - Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ  - Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng  - Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu:** “BÀI HỌC VỀ TÌNH YÊU THƯƠNG qua nhân vật mèo Gióc-ba

**Bài nói tham khảo**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một cuốn sách mà tôi yêu thích, tại sao ư? Các bạn cùng lắng nghe nhé! Một trong những cuốn sách mà tôi rất yêu thích là “Chuyện con mèo dạy hải âu bay” của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da. Trong tác phẩm này, tôi cảm thấy ấn tượng nhất với nhân vật Gióc-ba, một con mèo mùn được nhà văn xây dựng để gửi gắm bài học về tình yêu thương.

Truyện kể về việc chú mèo mun Gióc-ba nuôi dưỡng Lắc-ki, một con hải âu mồ côi. Mẹ Lắc-ki bị ngộ độc váng dầu nên đã chết ngay sau khi để trứng. Tình cờ chứng kiến cái chết của hải âu mẹ, Gióc-ba đã hứa ba điều: ấp quả trứng, bảo vệ, nuôi lớn hải âu con và dạy nó bay. Bằng tình yêu thương Lắc-ki và được sự hỗ trợ trợ giúp của các bạn mèo, Gióc-ba đã hoàn thành ba lời hứa của mình.

Câu chuyện được bắt đầu từ một lời hứa, nhưng chính trái tim nhân hậu của chú mèo Gióc-ba lại làm lay động trái tim của biết bao độc giả. Từng trang sách được lật mở là từng cảm xúc khác nhau mà chúng ta đã trải qua: vui vẻ, buồn bã, tức giận đến hồi hộp, hạnh phúc của những nhân vật trong truyện. Một thế giới của loài vật hiện lên thật sự sinh động, thú vị khiến cho người đọc không thể rời mắt khỏi trang sách.

Gióc-ba và họ nhà mèo đã nuôi lớn và dạy dỗ Lắc-ki bằng tình yêu thương chân thành, tha thiết. Một lần nọ, Lắc-ki đi tới của tiệm tạp hóa và đụng độ với con đười ươi Mát-thiu. Nó chê Lăc-ki bẩn thỉu, còn gieo vào đầu cậu ý nghĩ bầy mèo muốn nuôi lớn cậu để ăn thịt. Lắc-ki trở về nhà, cảm thấy buồn rầu và không thiết tha ăn uống. Cả bầy mèo lo lắng hết sức. Gióc-ba phải đến bên hỏi han Lắc-ki. Sau khi biết được lí do, Gióc-ba đã giải thích cho Lắc-ki hiểu được sự khác biệt của hải âu và mèo, cùng với tình yêu thương mà họ nhà mèo dành cho Lắc-ki.

Ở cuối truyện, Lắc-ki học được cách bay, giọt nước mắt mãn nguyện của chú mèo Gióc-ba đã cho thấy tình yêu thương thật lớn lao. Gióc-ba cảm thấy rất hạnh phúc vì mình đã giữ đúng lời hứa nhưng trong sâu thẳm lại buồn vời vợi vì từ đây sẽ xa đứa con nhỏ bé mà bấy lâu nay mình đã dành hết tình yêu thương cho nó một cách trọn vẹn nhất. Qua câu chuyện, nhà văn cũng truyền tải đến người đọc một thông điệp: “Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương ai đó khác mình thật sự rất khó khăn”. Đây là một thông điệp vô cùng giá trị trong cuộc sống hiện đại hôm nay.

**“Chuyện con mèo dạy hải âu bay”** đã để lại cho người đọc cảm xúc đẹp đẽ. Chúng ta cũng nhận ra được bài học về tình yêu thương trong cuộc sống, để rồi chúng ta sống có ích hơn, yêu thương hơn và chia sẻ nhiều hơn. ….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

***Hoạt động 4: Vận dụng***

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Thực hành luyện nói và quay lại video, thời gian không quá 5 phút

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: 15/11/24

Ngày dạy: 18/11(7C) 19/11(7D)

**TIẾT 42: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Chủ điểm 3: Cội nguồn yêu thương.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Phẩm chất:**

…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **G** | **I** | **A** | **Đ** | **Ì** | **N** | **H** |  |  | **7** |
| **2** |  | **T** | **H** | **Ứ** | **T** | **Ự** |  |  |  | **5** |
| **3** |  | **M** | **Ồ** | **C** | **Ô** | **I** |  |  |  | **5** |
| **4** |  |  | **B** | **Ạ** | **N** | **B** | **È** |  |  | **5** |
| **5** | **P** | **H** | **Ó** | **T** | **Ừ** |  |  |  |  | **5** |
| **6** |  | **Q** | **U** | **Ê** | **H** | **Ư** | **Ơ** | **N** | **G** | **8** |
| **7** |  |  | **T** | **H** | **Ầ** | **Y** | **C** | **Ô** |  | **6** |
| **8** |  |  |  | **T** | **Ự** | **S** | **Ự** |  |  | **4** |
| **9** |  | **D** | **A** | **N** | **H** | **T** | **Ừ** |  |  | **6** |

**ĐIỂM TỰA TINH THẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv tổ chức trò chơi “Ô chữ bí mật”*  *Hàng ngang 1: Đây là yếu tố được coi là cái nôi hình thành và nuôi dưỡng nhân cách mỗi con người?*  *Hàng ngang 2: Điền từ còn thiếu vào nhận nhận:* “*Số từ là những từ chỉ số lượng hoặc...của sự vật?*”  *Hàng ngang 3: Điền từ còn thiếu vào bài ca dao:*  *Mẹ già như chuối chín cây*  *Gió lay mẹ rụng con thời...*  *Hàng ngang 4: Điền từ còn thiếu vào bài ca dao:*  *… là nghĩa tương thân*  *Khó khăn, thuận lợi ân cần có nhau .*  *… là nghĩa trước sau,*  *Tuổi thơ cho đến bạc đầu không phai.*  *Hàng ngang 5: Những từ đã, sẽ, đang, vẫn, còn...được gọi chung là gì?*  *Hàng ngang 6: Điền từ còn thiếu vào câu thơ:*  *“… mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi”*  *Hàng ngang 7: Điền từ còn thiếu vào lời bài hát sau: Vì hạnh phúc tương lai*  *Ánh đèn khuya vẫn miệt mài*  *Bên mái trường mến thương*  *… cho em mùa xuân*  *Hàng ngang 8: Phương thức biểu đạt chính của các tác phẩm thuộc thể loại truyện là gì?*  *Hàng ngang 9: Những từ Những, các, mỗi, mọi là phó từ đi kèm với từ loại nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới  Gia đình, thầy cô, bạn bè, quê hương chính là cội nguồn yêu thương cũng như điểm tựa tinh thần nâng đỡ cho mỗi người chúng ta. | Từ khóa: ĐIỂM TỰA TINH THẦN |

**HOẠT ĐỘNG 2: CỦNG CỐ KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- HS nêu đực nội dung cơ bản của văn bản đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản truyện kể

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:** Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và ghi lại một chi tiết mà em cho là tiêu biểu, đáng nhớ nhất về từng nhân vật trong các văn bản Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, Người thầy đầu tiên. Giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Văn bản | Nhân vật | Chi tiết tiêu biểu | Lí do lựa chọn |
| Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ | Nhân vật “tôi” |  |  |
| Nhân vật người bố |  |  |
| Người thầy đầu tiên | Nhân vật thầy Đuy-sen |  |  |
| Nhân vật An-tư-nai |  |  |

Gợi ý:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Văn bản | Nhân vật | Chi tiết tiêu biểu | Lí do lựa chọn |
| Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ | Nhân vật “tôi” | Nhân vật tôi chia sẻ một bí mật cho mọi người | Đây là bài học đúc kết được từ nhân vật sau một thời gian được chỉ dạy từ các trò chơi, bài học của bố, nó thể hiện được tình yêu thiên nhiên và tài năng của nhân vật. |
| Nhân vật người bố | Bố đã tặng và giải thích cho con về ý nghĩa của món quà | Đây là bài học, là lời dạy ý nghĩa của người bố, nó cũng thể hiện được phẩm chất tốt đẹp và tình yêu thương con của người bố. |
| Người thầy đầu tiên | Thầy Đuy – sen | Thầy đã không quản khó khăn cõng các em nhỏ qua suối, đi chân không giày, tay làm liên tục ở khúc suối lạnh buốt | Chi tiết này đã chứng tỏ được tấm lòng yêu thương học trò và hết mình với các em của người thầy. |
| An – tư – nai | Cô bé đã giúp thầy công việc ở con suối, muốn thầy chính là anh của mình và học tập rất chăm chỉ. | Chi tiết đã nhấn mạnh được tình yêu thương, kính trọng người thầy của mình. |

**Câu 2:** Chọn một nhân vật văn học em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả sử dụng để miêu tả nhân vật (kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin như gợi ý).

Hồ sơ nhân vật:...

|  |  |
| --- | --- |
| Cách miêu tả nhân vật | Chi tiết trong tác phẩm |
| Ngoại hình |  |
| Hành động |  |
| Ngôn ngữ |  |
| Nội tâm |  |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |
| Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật |  |

Trả lời

a, Nhân vật chú bé Hồng trong văn bản Trong lòng mẹ của Nguyên Hồng

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách miêu tả nhân vật** | **Chi tiết trong tác phẩm** |
| Ngoại hình | Nhân vật không được khắc họa ngoại hình trong văn bản. |
| Hành động | - Cười dài trong tiếng khóc  - Đuổi theo mẹ, gọi bối rối  - Òa lên khóc rồi cứ thế nức nở  - Lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ |
| Ngôn ngữ | - Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mẹ cháu cũng về.  - Sao cô biết mợ con có con?  - “Mợ ơi ! Mợ ơi ! Mợ ơi”, ngôn ngữ tự nhiên, thân mật. |
| Nội tâm | - Nhân vật “tôi” tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ  - Không để những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến tình yêu thương và sự kính trọng dành cho mẹ  - Đau đớn tủi nhục trước những lời xúc xiểm về mẹ.  - Khi nghe hai tiếng “em bé” thì tâm can xoắn lại vì thương mẹ và căm tức tại sao mẹ lại sợ hãi những thành kiến tàn xác mà xa lìa anh em tôi, sinh nở một cách giấu giếm  - Căm phẫn tới mới “Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẫu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi”  + Khi thoáng thấy một người giống mẹ: lo sợ nỗi tuyệt vọng “Nếu người quay lại ấy là một người khác thì là một trò cười tức bụng…Và cái lầm đó không làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh…giữa sa mạc”.  - Vừa được ngồi lên xe cùng mẹ: xúc động mạnh mẽ cao độ khi được gặp mẹ: cuống cuồng, vội vã, những buồn vui, hờn tủi biến thành giọt nước mắt.  - Khi được ngồi trong lòng mẹ: ngắm nhìn chân dung mẹ “không còm cõi xơ xác quá, gương mặt vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má: tươi đẹp như thuở sung túc, hơi quần áo, hơi thở thơm tho lạ thường…” và có suy nghĩ “Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ…người mẹ có một êm dịu vô cùng”.  - Câu nói cay độc của người cô chợt hiện ra nhưng nhanh chóng bị chìm ngay đi nhờ tình yêu thương của mẹ xoa dịu |
| Mối quan hệ với các nhân vật khác | - Với nhân vật bà cô là mối quan hệ bằng mặt nhưng không bằng lòng, cậu bé dù không thích nhưng cư xử rất phải phép.  - Với mẹ thì cậu luôn tha thiết nhớ mong từng ngày. |

b. Đặc điểm của nhân vật: nỗi lòng đau khổ của bé Hồng trong những ngày xa mẹ, sống và niềm sung sướng tột độ trong giây phút gặp lại mẹ - người mẹ yêu quý, đáng thương nhất của mình, bấy lâu chờ mong, khao khát

Câu 3 : Hãy kể tên các phó từ đứng trước và đứng sau động từ và tính từ.

**\*** Phó từ đứng trước động từ, tính từ thường là những phó từ bổ sung về quan hệ thời gian, sự tương tự hay tiếp diễn, sự phủ định, sự cầu khiến,…

- Chỉ quan hệ thời gian có các từ : *đã, đang, từng, mới, sắp, sẽ, vừa.*

- Chỉ mức độ có các từ: *rất, lắm, bởi, cực kì,...*

- Chỉ sự tiếp diễn tương tự có các từ: *cũng vẫn, đều, cứ, còn,...*

- Chỉ sự phủ định có các từ : *không, vẫn chưa, chẳng,...*

- Tự cầu khiến có các từ: *đừng, hãy, chớ,...*

**\*** Phó từ đứng sau động từ, tính từ thường là những phó từ bổ sung ý nghĩa về mức độ, khả năng, kết quả:

- Chỉ khả năng có các từ: *mất, được, ...*

- Chỉ kết quả, hướng có từ: *vào, ra, được, lên, xuống,...*

- Chỉ mức độ, có các từ: *hay, lắm, quá, vô cùng , cực kì,…*

Câu 4 : Tìm các phó từ trong đoạn văn sau và cho biết các phó từ đó bổ sung ý nghĩa gì ?

Thế là mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn mùi hoa hồng, hoa huệ, sực nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đầy hương thơm và ánh nắng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui. Các cành cây đều lấm tấm màu xanh. Những cành xoan đứng khẳng khiu đương trổ lá lại sắp buông tỏa ra những tàn hoa sang sáng, tim tím. Ngoài kia, rặng râm bụt cũng sắp có nụ.

Mùa xuân rất đẹp đã về! Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về!

(Tô Hoài)

*Gợi ý:*

*- Thế là mùa xuân mong ước* ***đã đến.***

+ Phó từ đã bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.

*-Trong không khí* ***không còn ngửi*** *thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đây hương thơm và ánh nắng mặt trời.*

+ Phó từ *không*: bổ sung ý nghĩa chỉ sự phủ định.

+ Phó từ *còn,* bổ sung ý nghĩa chỉ sự tiếp diện tương tự.

*- Cây hồng bì* ***đã cởi bỏ*** *hết những cái áo lá già đen thui.*

+ Phó từ *đã* bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.

*-Các cành cây* ***đều lấm tấm*** *màu xanh.*

+ Phó từ *đều*, bổ sung ý nghĩa chỉ sự tiếp diễn tương tự.

*-Những cành xoan đứng khẳng khiu* ***đương trổ lá*** *lại sắp* ***buông tỏa******ra*** *những tàn hoa sang sáng, tim tím.*

+Phó từ *đường, sắp,* bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.

+Phó từ *lại*, bổ sung ý nghĩa chỉ sự tiếp diễn tương tự.

+Phó từ *ra,* bổ sung ý nghĩa chỉ kết quả và hướng.

*-Ngoài kia, rặng râm bụt* ***cũng sắp*** *có nụ.*

+Phó từ cũng, bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.

*- Mùa xuân rất đẹp* ***đã về!***

+ Phó từ *đã*, bổ sung ý nghĩa chỉ sự tiếp diễn tương tự.

*– Thế là các bạn chim đi tránh rét* ***cũng sắp về!***

+ Phó từ *cũng*, bổ sung ý nghĩa tiếp diễn tương tự.

+ Phó từ *sắp*, bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian.

Ngày soạn: 15/11/24

Ngày dạy: 19/11(7C) (7D)

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**TIẾT 43, 44, 45 GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**-** Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua tư ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: nhận biết được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ

- Năng lực ngôn ngữ: biết sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng ngữ cảnh.

**2. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

- GV cho học sinh nghe bài hát ĐẤT NƯỚC và yêu cầu học sinh chia sẻ cảm xúc của mình sau khi nghe bài hát đó.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Đất nước Việt Nam với non sông tươi đẹp, truyền thống lịch sử hào hùng, con người thân thiện, nghĩa tình,…luôn là niềm yêu mén, tự hào của mỗi chúng ta. Dù sống ở miền Nam hay miền Bắc, miền núi hay miền xuôi, giai điệu đất nước vẫn luôn ngân vang trong trái tim ta. Với chủ đề “Giai điệu đất nước”, chúng ta sẽ tiếp tục được lắng nghe, cảm nhận những cung bậc khác nhau của giai điệu đó thông qua những bài thơ trữ tình hiện đại và một văn bản thuộc thể loại khác có cùng chủ đề.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
|  |  |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** - Trình bày được các kiến thức về tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm theo bàn   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố** | **Đặc điểm chính** | | Tình cảm, cảm xúc trong thơ |  | | Hình ảnh trong thơ |  | | Nhịp thơ |  |   ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức.  **Đọc và tìm hiểu chung**  **a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Thao tác 1: đọc- chú thích**  - GV yêu cầu HS: *đọc diễn cảm bài thơ*  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu tha thiết, tình cảm  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  - GV nhận xét, đánh giá  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà thơ Thanh Hải*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV hỏi**  **-** Nêu xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ?  - Bài thơ được viết theo thể gì? Em có nhận xét gì về mạch cảm xúc của bài thơ?  - Chia bố cục cho tác phẩm?  - Nhan đề mùa xuân nho nhỏ có gì đặc biệt?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **A. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ**  - Tình cảm chính là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.  - Cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời thuộc thế giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người. Chính vì thế, người đọc đến với thơ để tìm sự đồng cảm, chia sẻ. Người đọc có thể cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình.  **2. Hình ảnh trong thơ**  - Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống (con người, thiên nhiên,...) nhưng luôn mang dấu ấn của sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ.  **3. Nhịp thơ**  - Nhịp thơ là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ. Người đọc có thể nhận biết nhịp thơ qua hệ thống những điểm ngắt, ngừng được phân cha trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ.  **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu tha thiết, tình cảm  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **b. Tác phẩm**  **- Hoàn cảnh ra đời:** Viết tháng 11/1980, khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh - không bao lâu trước khi ông qua đời  **- Thể thơ :** 5 chữ -> Gần gũi với dân ca  **- Mạch cảm xúc:**  Vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên  Mùa xuân đất nước  Suy ngẫm và ước nguyện  Câu hát ngợi ca quê hương, đất nước  **- Bố cục: 4 phần**  **- Ý nghĩa nhan đề:**  + **Lớp nghĩa thực:** gợi về mùa xuân của đất trời, của thiên nhiên, vũ trụ.  + **Là hình ảnh ẩn dụ:** thể hiện khát vọng, lí tưởng muốn cống hiến tất cả những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất cho cuộc đời, quê hương, đất nước của nhà thơ.  -> Niềm say mê trước mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đồng thời thể hiện khát vọng được công hiến hết mình để làm đẹp cho mùa xuân của đất nước của tác giả. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được các từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu thơ. Qua đó nhận xét được vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước. Từ đó hiểu được khát vọng và lí tưởng sống của nhà thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu Giới thiệu chung về làng quê***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm theo kĩ thuật KHĂN TRẢI BÀN    **- Mùa xuân thiên nhiên được miêu tả với những hình ảnh, âm thanh, màu sắc nào? Nhận xét.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Gv bình**: Chỉ với 6 câu thơ, với vài nét phác vẽ đơn sơ mà đặc sắc, bằng những hình ảnh nho nhỏ, thân quen, bình dị, nhà thơ đã vẽ lên một lên một bức tranh xuân tươi tắn, thơ mộng, mang đậm phong vị xứ Huế - quê hương của tác giả. Đặc biệt là âm thanh của tiếng chim chiền chiện – sứ giả của mùa xuân vang ngân lên từng tiếng một, thật trong, thật tròn làm xao xuyến tâm hồn để rồi nhà thơ đón nhận với tất cả sự đắm say, trân trọng bằng cả tâm hồn qua hành động “hứng”... | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Mùa xuân của thiên nhiên***  **\* Hình ảnh**  + Dòng sông xanh  + Bông hoa tím biếc  -> Bình dị, đặc trưng của mùa xuân.  - Đảo ngữ ->Thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên  **\* Âm thanh**  + Tiếng chim chiền chiện lảnh lót, vang trời  -> Trong trẻo, tươi vui, rộn rã  - Nhân hóa -> Trìu mến, thân thương  **\* Màu sắc:**  *-* Xanh (dòng sông)  - Tím (hoa)  -> Tươi sáng, hài hòa  **Nhận xét:** Bức tranh thơ mộng, giàu tính hội họa -> thiên nhiên mùa xuân khoáng đạt, nên thơ, căng tràn sức sống, ấm áp tình người : Niềm say mê, ngây ngất, trân trọng, nâng niu của tác giả |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV phát vấn  *+ Đọc đoạn 2 và cho biết mùa xuân của Đất Nước hiện lên qua hình ảnh nào? Hình ảnh đó có ý nghĩa gì?*  *+ Từ lộc trong đoạn thơ có ý nghĩa gì?*  *+ Hoàn thành PHT sau*    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Mùa xuân của Đất Nước**  **- Hình ảnh con người**  *+ người cầm súng-> người chiến sĩ bảo vệ quê hương.*  *+ người ra đồng -> người nông dân lao động sản xuất*  **-> Hai lực lượng tiêu biểu, hai nhiệm vụ quan trọng nhất trực tiếp ảnh hưởng, quyết định đến cuộc sống của con người**  - Từ **lộc**  *+ giắt đầy trên lưng: Lá ngụy trang của người chiến sĩ*  *+ trải dài nương mạ: Thành quả của lao động sản xuất*  **-> Sức sống mạnh mẽ, tươi non của mùa xuân trên mọi miền của Tổ quốc**  *Tất cả như hối hả*  *Tất cả như xôn xao*  ***-> Nghệ thuật: Điệp ngữ, so sánh, từ láy tạo nhịp điệu thơ tươi vui, rộn rã.***  **- Con người**  *Tinh thần:* ***Phấn chấn,***  ***hồ hởi***  *Khí thế:* ***Khẩn trương***  ***hăng say***  ***Đất nước bốn ngàn năm***  ***Vất vả và gian lao***  ***Đất nước như vì sao***  ***Cứ đi lên phía trước.***  **- Đất nước**:  + được **Nhân hóa *Trong quá khứ Vất vả, gian lao***  ***+ So sánh:*** *Trong hiện tại và tương lai Đẹp đẽ, mạnh mẽ, trường tồn*  ***-> Niềm tin yêu, hi vọng, tự hào*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hỏi  + Trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước mùa xuân cách mạng nhà thơ đã bộc lộ nguyện ước gì?  + Vì sao tác giả muốn làm: con chim, cành hoa, nốt trầm…Em có cảm nhận gì về ước nguyện mà nhà thơ muốn gửi gắm qua những hình ảnh này  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  GV bình : Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  NT: Điệp ngữ *Ta làm,* *Dù là*  Ẩn dụ: *mùa xuân nho nhỏ*  *Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*  *-> Ước nguyên cống hiến, hòa nhập của nhà thơ: Muốn được cống hiến phần nhỏ bé, tốt đẹp, hữu ích cho cuộc đời cho đất nước. Nguyện ước của nhà thơ thật đáng trân trọng bởi diễn ra bền bỉ, cống hiến trọn đời* | **3. Suy ngẫm và ước nguyện chân thành của tác giả**  *Ta làm con chim hót*  *Ta làm một cành hoa*  *Ta nhập vào hoà ca*  *Một nốt trầm xao xuyến.*  **- Ta: Điệp ngữ ‘‘Ta làm’’**  *+ con chim hót*  *+ một cành hoa*  *+ một nốt trầm*  **> Khao khát hòa nhập, cống hiến, tha thiết, mãnh liệt, cháy bỏng**  **- Ước nguyện cống hiến**  *Một mùa xuân nho nhỏ*  *Lặng lẽ dâng cho đời*  *Dù là tuổi hai mươi*  *Dù là khi tóc bạc.*  + Ẩn dụ: “Mùa xuân nho nhỏ”  -> Nhỏ bé, khiêm nhường  + Từ láy “Nho nhỏ, lặng lẽ”  -> Âm thầm, tự nguyện cống hiến  + Điệp ngữ “Dù là”.  + Liệt kê, hoán dụ: “tuổi 20, khi tóc bạc”  -> Cống hiến suốt cuộc đời |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV: Nhận xét về âm hưởng của đoạn thơ? Tình cảm mà tác giả gửi gắm ở đây là gì?  ? Đặt bài thơ trong hoàn cảnh ra đời, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của tác giả?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **4. Lời ca ngợi quê hương, đất nước**  \* Âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế: Làn điệu Nam ai, Nam bình ngọt ngào sâu lắng  Điệp khúc như lời hát.  -> Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.  \* Đặt trong hoàn cảnh ra đời khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau thì qua đời -> Lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ của một con người trọn đời đi theo cách mạng trọn đời cống hiến...  **-> Tình yêu đời, yêu cuộc sống trỗi dậy thật mãnh liệt, trở thành khúc hát tâm tình trong những dòng thơ cuối. Khúc hát đó thật cảm động, cao quý và đáng trân trọng biết bao.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca  - Ngôn ngữ và hình ảnh thơ đẹp, giản dị, trong sáng.  - Sử dụng sáng tạo, độc đáo các BPNT  **2. Nội dung**  - Cảm xúc về mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước  - Ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đời |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi Ôn tập bài học*

***1. Bài thơ mùa xuân nho nhỏ được sáng tác khi tác giả:***

*Đang nằm trên giường bệnh*

***2. Khổ thơ 1 của bài thơ viết về nội dung gì?***

*Mùa xuân của thiên nhiên*

***3. Câu thơ: Mọc giữa dòng sông xanh/ một bông hoa tím biếc***

***Sử dụng biện pháp tu từ gì?***

*Đảo ngữ*

***4. Em hiểu như thế nào về hình ảnh giọt long lanh rơi****?*

*Giọt mưa xuân*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV nêu câu hỏi****: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận của em về một đoạn thơ mà em thích trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”- Thanh Hải***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...................................

Ngày soạn: 20/11/24

Ngày dạy: 25/11(7C) 26/11(7D)

**TIẾT 46:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

- Nhận biết và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV đưa ra yêu cầu: *Em hãy chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu thơ: “****Áo nâu*** *liền với áo xanh/Nông thôn cùng với thị thành đứng lên” với nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu: “Tôi mua biếu bà một chiếc* ***áo nâu.****”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong từng ví dụ đó?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau. Để hiểu rõ hơn về ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được khái niệm ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  + Đọc ngữ liệu SGK/92 và chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ “*thơm*” trong “*thị thơm*” và “*người thơm*”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ “*thơm*” trong từng ví dụ đó?  + Vậy thế nào là ngữ cảnh?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**  ***Thị thơm thì giấu người thơm***  ***Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà***  (Lâm Thị Mỹ Dạ, *Chuyện cổ nước mình*)  + Thơm (thị thơm): có mùi hương dễ chịu  + Thơm (người thơm): phẩm chất tốt đẹp, thơm thảo, được mọi người yêu mến, ca ngợi  -> Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau  **2. Kết luận**  - Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ trong đó có một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là  + Bối cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đững trước và sau một đơn bị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh)  + Bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian, ... Mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức Hoạt động nhóm  Nhóm 1: bài tập 1  Nhóm 2: bài tập 2  Nhóm 3: bài tập 3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  **a.** - Lộc (trong từ điển): chồi lá non.  -> Nghĩa thực  - Lộc (trong Lộc giắt đầy quanh lưng và Lộc trải dài nương mạ) -> Nghĩa ẩn dụ: may mắn, hạnh phúc  **- Tác dụng:** Với các sử dụng từ *lộc*, nhà thơ Thanh Hải đã diễn tả được: Người cầm súng như mang theo sức xuân trên đường hành quân, người ra đồng như gieo mùa xuân trên từng nương mạ. Chính *người cầm súng* và  *người ra đồng* đã làm nên mùa xuân hạnh phúc cho đất nước.  **b.** - Đi (trong từ điển): di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác -> Nghĩa thực  - Đi (trong Đất nước như vì sao/Cứ đi lê phía trước): tiến lên, phát triển. -> Nghĩa ẩn dụ  **- Tác dụng:** Với việc sử dụng từ *đi*, nhà thơ đã thể hiện được niềm tin vào nước tiến vững vàng của đất nước trong tương lai.  **c.** - Làm (trong từ điển): dùng công sức vào những việc khác nhau, nhằm mục đích nhất định nào đó -> Nghĩa thực  - Làm (trong ta làm con chim hót/Ta làm một cành hoa): hóa thành, biến thành.  -> Nghĩa ẩn dụ  **- Tác dụng**: Với các sử dụng từ *làm*, nhà thơ Thanh Hải đã thể hiện ước nguyện hóa thân thành con chim hót, thành một cành hoa... để dâng hiến cho cuộc đời, làm đẹp cho đời.  **Bài tập 2**  **Trong ngữ cảnh này, cả hai cách hiểu đều có thể chấp nhận. Vì:**  **+ Cách hiểu 1**: Giọt sương mùa xuân long lanh là điều hợp với lí lẽ thông thương. Tác giả "đưa tay", "hứng" một sự vật hữu hình.  **+ Cách hiểu 2**: Giọt âm thanh là sự chuyển đổi cảm giác. Giọt là vật hữu hình, phải dùng thị giác để cảm nhận. Giọt âm thanh ở đây chính là tiếng chim. Tiếng chim hót vang trời, lảnh lót và trong trẻo đã được hữu hình hóa thành từng giọt long lanh vì giọt long lanh cũng thật trong trẻo  **Bài tập 3**  - Biện pháp tu từ ***ẩn dụ***: *mùa xuân nho nhỏ*, *một cành hoa*, *một nốt trầm*, ...  - Tác dụng: Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời.  - Biện pháp tu từ **so sánh**: *Đât nước* ***như*** *vì sao/ Cứ đi lên phía trước.*  - Tác dụng: *Vì sao* gợi lên nguồn sáng lấp lánh, vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ. Việc so sánh *đất nước* với *vì sao* gợi lên hình ảnh rạng ngời của lá cờ Tổ quốc và niềm tự hào của tác giả về đất nước, về tương lai tươi sáng của dân tộc.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Dù là*** *tuổi hai mươi/****Dù là*** *khi tóc bạc.*  - Tác dụng: Nhấn mạnh sự quyết tâm, khát khao được cống hiến của tác giả.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Nước non ngàn dặm*** *mình/****Nước non ngàn dặm*** *tình.*  - Tác dụng: Nhấn mạnh, làm nổi bật niềm tin yêu, tự hào của tác giả với đất nước, với quê hương. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức hoạt động:* ***AI VIẾT VĂN NHANH NHẤT?***

***Yêu cầu****:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về biện pháp tu từ có vị trí nổi bật nhất trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

**Phần thưởng:**

1. Điểm bài viết
2. Được +2 điểm vào bài kiểm tra sắp tới

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: 22/11/24

Ngày dạy: 26,29 /11(7C,7D)

**TIẾT 47,48:**

**GÒ ME**

*Hoàng Tố Nguyên*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, nỗi nhớ da diết của nhà thơ khi phải xa quê hương yêu dấu của mình, thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi hình, gợi cảm và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ,... trong bài thơ.

- Thông qua việc phân tích dòng hồi tưởng của tác giả, phân tích sự xáo trộn các bình diện thời gian - di chuyên điểm nhìn từ hiện tại về quá khứ rồi từ quá khứ trở vẽ hiện tại, HS cảm nhận được hình ảnh Gò Me hiện lên với vẻ đẹp nên thơ, sóng động.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi hình, gợi cảm và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ,... trong bài thơ.

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**3. Phẩm chất:**

biết yêu quý, trân trọng và bảo vệ vể đẹp của quê hương

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS đọc bài thơ: ***Gửi Nam bộ mến yêu*** của Xuân Diệu. Từ đó Chia sẻ những hiểu biết của em về vẻ đẹp của miền đất Nam Bộ

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Miền Nam vùng đất mang trên mình nhiều dấu ấn lịch sử hào hùng của dân tộc, nơi đây còn là vùng văn hóa đồng bằng sông Cửu Long, đa dạng về bản sắc văn hóa truyền thống. Đến với vùng đất này chúng ta còn được khám phá những không gian thiên nhiên kì vĩ, giàu đẹp. Tác giả Hoàng Tố Nguyên – một người con của vùng đất Nam Bộ. Bằng tấm lòng yêu quê hương ông đã viết bài thơ GÒ ME với đầy sự xúc động của một người con xa quê. Trong tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu bài thơ GÒ ME để thấu hiệu phần nào tình cảm mà tác giả dành cho quê hương.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *diễn cảm thơ*  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu tha thiết, bồi hồi của tác giả  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về nhà văn* Hoàng Tố Nguyên  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động: AI NHANH HƠN (điền thông tin)**    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tham gia  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  *- Đọc nối tiếp nhau*  ***- Giọng đọc****: chậm, nhẹ nhàng, tình cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**( Gv chiếu máy)  .  **Tác phẩm tiêu biểu:**  **b. Tác phẩm**  ***- Xuất xứ:*** Trích trong tập thơ “Từ nhớ đến thương”, NXB tác phẩm mới, Hà Nội 1977.  ***- Thể loại:*** thơ tự do  ***- PTBĐ:*** biểu cảm kết hợp miêu tả.  ***- Bố cục:*** 2 phần |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được hình ảnh thiên nhiên và con người trong bài thơ. Qua đó nhận xét về tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV Tổ chức **HỌC TẬP THEO TRẠM**  GV hướng dẫn học tập theo TRẠM  + Chia lớp thành 4 nhóm  + Các nhóm sẽ di chuyển lần lượt từ TRẠM 1 đến TRẠM 4  + Đến vị trí các Trạm các nhóm sẽ tìm hiểu nội được giáo viên yêu cầu.  **TRẠM 1: Tìm hiểu Cảnh sắc Gò Me**  **+ Cảnh sắc Gò Me được miêu tả với ánh sáng, âm thanh, không gian như thế nào? Em có nhận xét gì về cảnh sắc Gò Me qua những vần thơ của tác giả**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Cảnh sắc gò me***  **- ánh sáng:**  + Đốm hải đăng tắt, lóe  + Lúa nàng keo chói rực mặt trời  + Lá xanh  -> **Ánh sáng hiện lên phong phú với nhiều màu sắc, cung bậc của những quãng thời gian khác nhau trong ngày**  **- Âm thanh:**  + Leng keng nhạc ngựa  + Lao xao vườn mía  + Mái lá khoan thai thở  + Tre thổi sáo  + Chim cu gáy  **NT: liệt kê, nhân hóa, từ láy…**  **-> Âm thanh vui tai, tạo cảm giác yên bình, dễ chịu**  **- Không gian:**  + Con đê, ruộng, chợ Gò  + Lúa keo  + Ao làng  + Vườn mía  + Hàng me  + Lá xanh  **NT: liệt kê, so sánh**  -> Không gian mênh mông, thoáng đãng của miền quê với đồng ruộng, ao làng, biển cả.  -> Ánh sáng phong phú, không gian mênh mông và âm thanh rộn ràng. Vẻ đẹp nên thơ, xanh mát -> như thiết tha mời gọi níu giữ con người ở lại với cuộc sống, với con người Gò Me. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nhiệm vụ ở **TRẠM 2**  TRẠM 2: **Tìm hiểu Hình ảnh người dân Gò Me**  + Đọc đoạn thơ và cho biết các cô gái Gò Me được tác giả miêu tả với những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về vẻ đẹp của con người Nam bộ hiện lên qua đoan thơ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Hình ảnh con người GÒ ME***  **- Các cô gái Gò Me được miêu tả với những chi tiết:**  + “Những chị, những em má núng đồng tiền”  + “Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên”  + “Véo von điệu hát cổ truyền”  + “Chị tôi má đỏ thẹn thò/ Giã me bên trã…”  **- NT: từ láy, tính từ, động từ**  **-> Hình ảnh những con người lao động chân chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở...** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ **TRẠM 3**  TRẠM 3: **Tìm hiểu Điệu hò quê hương**  + Điệu hò quê hương được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả khi xa quê?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Điệu hò quê hương**  *“Hò… ơ… Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*  *Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò”*  *->****Sử dụng điệp ngữ***  ***-> Nhấn mạnh vẻ đẹp, sức hút của điệu hò quê hương***  ***-> Tình yêu, sự gắn bó với quê hương, nỗi nhớ da diết khi phải xa quê và niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương…*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nhiệm vụ **TRẠM 4**  TRẠM 4: **Tìm hiểu Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **4. Tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước**  *- Tình yêu của tác giả đối với Gò Me cứ lớn dần và sâu sắc hơn qua năm tháng, từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành.*  **- Biểu hiện**  + Sự gắn bó với quê hương  + Nỗi nhớ da diết khi xa quê  + Niềm tự hào về vẻ đẹp quê hương |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ  - Từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi hình, gợi cảm  - Biện pháp tu từ: nhân hóa, liệt kê, so sánh, điệp…  **2. Nội dung**  - Thiên nhiên Gò Me nên thơ, sống động, con người Gò Me chân chất, yêu đời, chăm chỉ..  - Tình yêu quê hương, đất nước và nỗi nhớ da diết của nhà thơ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi* ***Ôn tập bài học***

*1. Bài thơ “Gò me” được sáng tác theo thể thơ nào?*

*- Thơ tự do*

*2. Điệu hò “Gò Me” được lặp lại mấy lần trong bài thơ?*

*- 2 lần*

*3. Ánh sáng phong phú, không gian mênh mông và âm thanh rộn ràng là những đặc điểm của cảnh sắc Gò Me. Đúng hay sai?*

*- Đúng*

*4. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ “Gò Me” là phương thức nào?*

*- Biểu cảm*

*5. Việc lặp lại 2 lần điệu hò Gò Me có tác dụng gì?*

*- Nhấn mạnh vẻ đẹp, sức hút của điệu hò quê hương*

*- Tình yêu, sự gắn bó với quê hương, nỗi nhớ da diết khi phải xa quê và niềm tự hào về vẻ đẹp của quê hương…*

*6. Trong câu thơ “Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ”, tác giả đã sử dụng BPNT gì?*

*- So sánh*

*7. Người dân Gò Me hiện lên trong bài với những vẻ đẹp nào?*

*- Hình ảnh những con người lao động chân chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở,...*

*8. Tình yêu của tác giả đối với Gò Me cứ lớn dần và sâu sắc hơn qua năm tháng, từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành. Đúng hay sai?*

*- Đúng*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* ***Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ từ Ôi, thuở ấu thơ đến Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...................................**

*Ngày soạn: 27/11*

*Ngày dạy: 30/11( 7C,7D)*

**TIẾT 49:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, dấu câu, biện pháp tu từ đã học và vận dụng được trong giao tiếp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, dấu câu, biện pháp tu từ đã học và vận dụng được trong giao tiếp.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***HÁI DẤU CÂU TIẾNG VIỆT***

Cảm ơn các bạn dấu câu

Không là chữ cái nhưng đâu bé người

**Dấu phấy (,)** thường thấy ai ơi

Tách biệt từng ý đọc thời ngắt ra

**Dấu chấm (.)** trọn vẹn câu mà

Không biết dùng sẽ dây cà, dây khoai.

**Chấm phẩy (;)** phân cách làm hai

Sau bổ sung trước mới tài làm sao

**Chấm than (!)** tình cảm dạt dào

Khiến sai, đề nghị lẽ nào làm ngơ

**Chấm hỏi (?)** giỏi đến bất ngờ

Hỏi ai hay chính thẫn thờ hỏi ta

**Hai chấm (:)** lời trích gần xa

Đôi khi giải thích thế là hiểu thêm

**Chấm lửng (...)** câu hoá có duyên

Dù chưa nói hết vẫn nên bao điều

**Gạch ngang (-)** tách ý khi nhiều

Mở đầu lời nói bao nhiêu rõ ràng

**Ngoặc đơn ( )** giải thích kĩ càng

Làm cho câu cũng nhẹ nhàng dễ coi

**Ngoặc kép (“ ”)** trân trọng rạch ròi

Sau dấu hai chấm (:) nhưng đòi chuẩn luôn

Học dần, hiểu sẽ nên khôn

Muốn viết cho đúng phải ôn luyện dần

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới*

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** đặt câu hỏi gợi nhớ những đơn vị kiến thức đã học’  + Nghĩa của từ ngữ là gì? Cách nhận biết nghĩa của từ.  + Dấu ngoăc đơn và dấu ngoặc kép có tác dụng gì?  + Nhắc lại những hiểu biết của em về BPTT nhân hóa, so sánh.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Nghĩa của từ ngữ**  - Nghĩa của từ ngữ là nội dung (sự vật, tính chất, hành động, quan hệ…) mà từ biểu thị.  - Nhận biết nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh: từng nghĩa của từ sẽ được xác định khi ta đặt nó vào ngữ cảnh, xem xét với các từ bên cạnh.  **2. Dấu câu**  - Dấu ngoặc đơn có công dụng đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm)  - Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp lời của nhân vật. Lời nói đó có thể là một từ hay cụm từ.  **3. Biện pháp tu từ**  **a. So sánh**  - Khái niệm: Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Tác dụng: So sánh vừa giúp cho việc miêu tả các sự vật cụ thể, sinh động; vừa có tác dụng bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  - Cách nhận biết: có từ “như, bằng, hơn, kém, giống,…”  **b. Nhân hóa**  - Khái niệm: Là cách gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ vốn để tả con người.  - Tác dụng: làm cho đối tượng trở nên gần gũi, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người…  - Cách nhận biết: chị ong, chú chim.. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức Hoạt động nhóm  Nhóm 1+3: bài 2-4  Nhóm 2+4: bài 1-3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  - *Thở* (Mái lá khoan thai *thở* làn khói nhẹ): phả ra, tỏa ra.  - *Thở* (Em bé *thở* đều đều khi ngủ say): hoạt động của con người – hít không khí vào lồng ngực, vào cơ thể rồi đưa trở ra qua mũi, miệng.  **Bài tập 2**  **- Các từ láy trong bài thơ:** đêm đêm, leng keng, sớm sớm, chiều chiều, lao xao, véo von, khúc khích, lửng lơ, xao xuyến, thẹn thò  - Xao xuyến (Gió dìu vương xao xuyến bờ tre): trạng thái xúc động kéo dài, khó dứt  **- Tác dụng**: Giúp cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ đã gợi nên được trạng thái bâng khuâng của sự vật, giúp cho sự vật thêm gần gũi với con người, cũng có những nỗi niềm cảm xúc như con người, ...  **Bài tập 3**  *Véo von điệu hát cổ truyền*  *(Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe)*  **- Dấu ngoặc đơn:** có công dụng đánh dấu phần bổ sung thêm thông tin cho phần trước đó.  *Hò... ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*  *Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò*  **- Dấu ngoặc kép:** có tác dụng đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.  **Bài tập 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ví dụ** | **BPTT** | **Tác dụng** | | **a.** | - nhân hóa: trăng tắm, mây bơi  - so sánh: nước trong- nước mắt người yêu | - Tác dụng: Để làm nổi bật lên độ trong của nước và khung cảnh yên bình của quê hương. | | **b.** | - nhân hóa: tre thổi sáo | - Tác dụng: làm cho cây cối có hồn, khung cảnh trở nên sinh động. | | **c.** | - so sánh: lá xanh- dải lụa | - Tác dụng: làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ. | | **d.** | - nhân hóa: tre khúc khích, mây lắng nghe | - Tác dụng: làm cho sự vật có hồn, sinh động hơn, thu hút người đọc | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận về biện pháp tu từ mà em thích nhất được sử dụng trong đoạn thơ từ “*Ô*i, thuở ấu thơ” đến “Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.”

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*Ngày soạn: 27/11*

*Ngày dạy: 3/12( 7C,7D)*

**TIẾT 50:**

**BÀI THƠ *ĐƯỜNG NÚI* CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI**

*Vũ Quần Phương*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Biết và cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm

- Tìm và phân tích được những ý kiến bình luận, đánh giá của Vũ Quần Phương về bài thơ Đường núi.

- Cảm nhận và hiểu được sự đồng cảm của nhà phê bình với những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ.

- Thông qua việc phân tích kiểu văn bản Nghị luận văn học, học sinh vận dụng được cấu trúc của kiểu bài vào thực hành tạo lập văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: Thông qua việc phân tích kiểu văn bản Nghị luận văn học, học sinh vận dụng được cấu trúc của kiểu bài vào thực hành tạo lập văn bản.

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**3. Phẩm chất:**

biết yêu quý, trân trọng và bảo vệ vể đẹp của quê hương

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV trả lời câu hỏi gợi mở: *Em đã đến vùng núi nào nước ta chưa? Em hãy chia sẻ một vài cảm nhận của mình về vùng đất đó sau khi đã trực tiếp đến hoặc xem qua sách, báo, internet?*

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *đọc nối tiếp văn bản*  Đọc chậm rãi, to, rõ ràng, chú ý ngừng, nghỉ ở những chỗ tách đoạn, nhấn mạnh ý kiến của người viết.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả Vũ Quần Phương*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: tìm hiểu những nét khái quát về văn bản: xuất xứ, thể loại, PTBĐ, bố cục.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tham gia  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  Đọc chậm rãi, to, rõ ràng, chú ý ngừng, nghỉ ở những chỗ tách đoạn, nhấn mạnh ý kiến của người viết.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **- Tên khai sinh:** Vũ Ngọc Chúc  **- Quê:** Hải Hậu- Nam Định  - Là nhà thơ, nhà báo và nhà phê bình văn học  - Ông được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.  - Các tác phẩm tiêu biểu:*Cỏ mùa xuân (1966), Hoa trong cây (1977), Vầng trăng trong xe bò (tập thơ, 1988)...*  **b. Tác phẩm**  ***-* Xuất xứ**: trích trong “Thơ hay có lời bình 100 bài”, Vân Long tuyển chọn  **- Thể loại:** văn nghị luận  **- Phương thức biểu đạt:** nghị luận  **- Bố cục:** 3 phần  + Phần 1 (từ đầu đến "say đắm của người viết"): Giới thiệu giá trị nghệ thuật của bài thơ Đường núi  + Phần 2 (tiếp theo đến "xao xuyến, bay múa, ca hát"): Giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ Đường núi  + Phần 3 (còn lại): Khẳng định cái tài của Nguyễn Đình Thi |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định và phân tích được cách triển khai luận điểm, luận cứ của tác giả.

- Đánh giá được cái hay, đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của Vũ Quần Phương.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Nêu cảm nhận chung của em về bài thơ *Đường núi* trước và sau khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cảm nhận chung về bài thơ Đường núi**  - Bài thơ Đường núi mang đến cảm nhận về vẻ đẹp trong trẻo, thanh bình của bức tranh thiên nhiên; sức sống mãnh liệt, lòng yêu đời, yêu cuộc sống của con người nơi vùng núi và qua đó cảm nhận được tình yêu tha thiết của nhà thơ Nguyễn Đình Thi đối với đồng đất núi rừng làng mạc nước non mình.  - Sau khi đọc bài bình của Vũ Quần Phương, ta thấy được sự tài hoa, tinh tế của Nguyễn Đình Thi trong lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi tả, gợi cảm; sáng tạo nên âm điệu *lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ, tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh;* sự nối liền trong bức tranh siêu thực nhiều mảng không gian, khủng cảnh khác nhau... |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Bài bình thơ gây được ấn tượng như thế nào đối với em? Câu nào, ý nào trong đó khiến em phải suy nghĩ sâu hơn về bài thơ đã đọc?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | ***2. Những ấn tượng về bài thơ của Vũ Quần Phương***  - Sự đồng cảm với những cảm nhận sâu sắc của nhà phê bình về tình cảm, tư tưởng mà nhà thơ gửi gắm trong bài thơ;  - Sự thích thú trước những phát hiện tinh tế, bất ngờ của người viết về đặc sắc ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ...  **- Những câu văn mang tính chất khái quát về chủ đề của bài thơ:**  *+ Bài thơ như bức tranh chấm phá vài nét chiều rừng tiết kiệm cả nét lẫn màu ấy lại thấy nổi rõ lên lòng yêu đất đai thôn bản say đắm của người viết...*  *+ Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh...*  **- Những câu đánh giá về cách thể hiện cảm xúc của nhà thơ:**  *+ Âm điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm, vần bị bỏ rơi. Chỗ nào tâm tình lắng lại thì âm điệu câu thơ lắng lại, chơi vơi, nhanh nhẹ. Câu thơ 5 chữ hay 6 chữ không phải do vần điệu thể loại quy định mà do tâm tình tác giả,...*  **- Lời bình về đặc sắc của một câu thơ bất kì trong bài thơ:**  *+ Độ dài câu thơ có tác dụng như một sự ngưng đọng, sự lắng nghe từ trong kí ức người những ánh lửa bếp chiều, những tia khói xanh trên mái lá. Hai câu thơ kết dài tới 7 âm tiết như một sự ngân nga của tâm trí.* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** đưa ra câu hỏi  + Người bình thơ đã thể hiện sự đồng cảm của mình với bài thơ như thế nào? Theo em, sự đồng cảm này có ý nghĩa gì?  + Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Sự đồng cảm của người bình thơ với bài thơ**  - Một số biểu hiện của sự đồng cảm: người bình thơ cảm nhận, thấu hiểu được những rung động, tình cảm tinh tế, kín đáo của nhà thơ dành cho thiên nhiên, con người nơi đây; cảnh vật trong bài thơ được điểm xuyết, lướt qua khá nhanh và vội.  **-** Nhà phê bình có sự phát hiện rất tinh tế là âm điệu câu thơ chính là âm điệu của nội tâm chứ không phải âm điệu được tạo nên bởi cách hiệp vần, vần đã *bị bỏ rơi.*  **-** Sự đồng cảm giúp cho nhà phê bình có thể cảm nhận được một cách sâu sắc, tinh tế những tư tưởng, cảm xúc của nhà thơ gửi gắm trong bài thơ, từ đó có thể lan tỏa tình cảm này đến người đọc.  **-> Vũ Quần Phương đã có được những rung động mãnh liệt và những trang viết tài hoa về bài thơ *Đường núi* của Nguyễn Đình Thi.**  *- Luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh* ở trong bài thơ *Đường núi* được thể hiện: buổi chiều vùng núi, có lối mòn, nắng nhạt, nhà sàn, khói bếp, gió nổi, trăng lên, áo chàm, tiếng hát, cánh đồng,...  *-* Phong cảnh bài thơ mang đậm vị tâm hồn tác giả, đó là tâm hồn yêu say đắm *đồng đất núi rừng làng mạc nước non mình,* là cái nhìn *ngất ngây* với sương mây, *rì rào* với tiếng suối,... Đằng sau mỗi cảnh sắc thiên nhiên, ta đều cảm nhận được tiếng reo vui lặng thầm của nhà thơ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cách triển khai ý kiến, lí lẽ mạch lạc, rõ ràng.  - Ngôn từ bình dị, gần gũi.  - Lối viết hấp dẫn, thuyết phục.  - Cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi tả, gợi cảm.  ***2. Nội dung***          Bài bình thơ của Vũ Quần Phương giúp người đọc tiếp nhận bài thơ *Đường núi* ở nhiều khía cạnh hơn, cảm nhận của tác giả thực sự sâu sắc và đủ đầy về những khía cạnh dù nhỏ nhất của bài thơ. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV nêu câu hỏi: Nếu được phép bổ sung cho bài viết của Vũ Quần Phương, em sẽ bổ sung những gì?

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* ***Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) nêu cảm nhận của em về bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***Ngày soạn: 1/12***

***Ngày dạy: 2, 5, 7/12/24(7C,7D)***

**TIẾT 51,52, 53**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS viết được bài văn nêu cảm xúc, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc; đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định, đúng cấu trúc văn biểu cảm

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho học sinh xem Video* ***“Giúp đỡ người già, người tàn tật”***

- Lưu ý học sinh khi xem video ghi lại suy nghĩ và cảm xúc về việc làm của một số nhân vật trong video.

- Sau khi xem video, học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.

***- GV dẫn dắt vào bài học mới***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**

**a. Mục tiêu:** nắm được đầy đủ các yêu cầu khi viết một bài văn miêu tả về sự việc hoặc con người.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Theo em, để viết được một bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc, cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.  - HS dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV khái quát lại các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. GV có thể phân tích thêm đế HS hiểu rõ vì sao kiểu bài văn này lại cần phài đáp ứng những yêu cầu đó. | **I. Yêu cầu dối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**  - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.  - Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.  - Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  - Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được nội dung, cấu trúc, các yếu tố được sử dụng trong bài viết tham khảo “ Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện”.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động: SUY NGHĨ- CẶP ĐÔI- CHIA SẺ  **Hình thức:** Gv đưa ra những câu hỏi, trong thời gian 5 phút, các bạn trong lớp suy nghĩ độc lập. Sau 5 phút, mỗi bàn phân chia thành các cặp đôi để trao đổi với nhau về kiến thức đó trong thời gian 3 phút. Gv sẽ gọi ngẫu nhiên các thành viên trong nhóm nên trình bày.  **Yêu cầu:**  (1) Bài viết là lời của nhân vật nào?  (2) Nội dung bài viết nói về điều gì? (3) Đối tượng biểu cảm của văn bản là ai?  (4) Đặc điểm nổi bật của đối tượng.  (5) Tình cảm, cảm xúc của người viết.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  - Bài văn được kể bằng lời của người kể chuyện **ngôi thứ nhất (xưng “em”)**  **- Nội dung:** kể về một người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện (bà Nhung)  **- Đối tượng biểu cảm:** bà Nguyễn Thị Nhung  **- Đặc điểm nổi bật của đối tượng:**  + Bà Nhung 57 tuổi, hiện đang sống tại một căn nhà nhỏ trên phố Văn Miếu, làm bán hàng  + Dù điều kiện sống không dư giả nhưng bà luôn chia sẻ với những mảnh đời cơ cực: bà cưu mang những mảnh đời khó khăn suốt 30 năm, bà tham gia thiện nguyện, trao quà cho người dân miền núi, ...  **- Cảm xúc của người viết về đối tượng biểu cảm:** cảm phục, kính trọng |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài:**  - Có thể tham khảo một vài ý tưởng sau đây:  + Cảm nghĩ về người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, bạn, thầy, cô...).  + Cảm nghĩ về một sự việc khiến em cảm động  + Cảm nghĩ về một sự việc khiến em ấn tượng  Ví dụ: Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em  **b. Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | - Người đó là ai? Sự việc đó là gì? |  | | - Người hoặc sự việc đó có những đặc điểm nào nổi bật? |  | | - Em có ấn tượng, suy nghĩ gì đối với người hoặc sự việc đó? |  | | - Chi tiết nào gắn với người hoặc sự việc đó khiến em không thể quên? |  |   **Ví dụ: *Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em***  **-** Cha của em làm nghề gì? Ngoại hình cha như thế nào?  - Cha em bao nhiêu tuổi? Cha của em là người như thế nào?  - Vai trò của người cha trong gia đình em?  - Tình cảm của em dành cho cha như thế nào?  **c. Lập dàn ý**  - Mở bài:  + Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm.  + Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người hoặc sự việc đó.  - Thân bài:  + Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc.  + Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó.  - Kết bài: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em về người hoặc sự việc đó.  **2. Viết bài**  Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:  - Nêu được đặc điểm nổi bật của đối tượng.  - Ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Dựa vào phần Thể thức của văn bản tường trình để tự rà soát và chỉnh sửa.  Chỉnh sửa theo bảng Phiếu đánh giá bài viết   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **TIÊU CHÍ** | **ĐẠT** | **K ĐẠT** | | 1 | Bài viết đã giới thiệu được người và sự việc mà em muốn bộc lộ tình cảm. |  |  | | 2 | Bài viết đã nêu được những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc để lại ấn tượng trong em.. |  |  | | 3 | Thể hiện được suy nghĩ, tình cảm của em. |  |  | | 4 | Đọc lại và chỉnh sửa bài viết (lỗi chính tả, diễn đạt) |  |  | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* ***Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

*“Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”*

Bên cạnh tình mẫu tử thiêng liêng, còn có tình phụ tử sâu nặng. Công cha không kém phần so với nghĩa mẹ. Người cha giống như một điểm tựa vững chắc của mỗi đứa con, với em cũng vậy.

Cha của em là một người cha tuyệt vời. Làn da của cha rám nắng bởi hàng ngày phải làm việc nhiều dưới ánh nắng mặt trời. Mọi người thường nói em rất giống cha ở khuôn mặt nhỏ nhắn, vầng trán cao, đôi mắt đen láy và hiền từ. Giọng nói của cha trầm và nụ cười ấm áp khiến em luôn cảm thấy hạnh phúc khi được gần bên cha. Đôi bàn tay của cha thô ráp, em biết đó là những dấu vết của thời gian, của bao vất vả cha đã hi sinh để lo lắng cho chúng em một cuộc sống đủ đầy hơn.

Công việc của cha là một lái xe chở hàng. Đó là một công việc vất vả, hay phải xe nhà. Bởi vậy mà khi có ngày nghỉ, cha lại dành thời gian ở bên gia đình. Cha luôn lo lắng và rất thương hai mẹ con em. Cha luôn dặn em phải chăm chỉ học hành, không được làm mẹ buồn và lo lắng.

Mỗi lần đi xa về, cha đều tặng em những món quà nhỏ từ những miền đất nơi cha đã từng đi qua. Em rất thích thú khi được nghe cha kể về quê hương đất nước Việt Nam vô cùng tươi đẹp và rộng lớn. Câu chuyện mà cha kể giúp em có động lực để cố gắng hơn trong cuộc sống.

Thỉnh thoảng, cha được nghỉ phép dài ngày. Lúc đó, cha sẽ đưa cả gia đình đi chơi. Em cảm thấy rất hạnh phúc khi được ở bên cạnh cha mẹ. Không chỉ vậy, cha cũng dạy em rất nhiều điều hay lẽ phải trong cuộc sống. Cha của em giống như người thầy với những lời khuyên bổ ích, người cho em động lực và niềm tin để vượt qua mọi giây phút buồn vui.

Đối với em, cha không chỉ là một người cha, mà còn là một người thầy. Em luôn dành cho cha sự kính trọng, yêu mến. Cha mãi là điểm tựa của hai mẹ con em.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**IẾT 53**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**:

- Học sinh biết so sánh, đối chiếu bài làm của mình với yêu cầu của đề bài, dàn ý để nhận ra hạn chế trong bài viết của mình. Từ đó sửa chữa và khắc phục.

**-** Rèn kĩ năng sửa lỗi sai.

- Năng lực chung: - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

**2. Phẩm chất**:

- Trách nhiệm: có ý thức tự giác sửa lỗi sai.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy**: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ư­u và như­ợc điểm trong bài viết của học sinh.

**2. Trò:** Lập dàn ý chi tiết cho đề bài văn phần viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1.Hoạt động khởi động**

**\*Ổn định lớp**:

**\*Kiểm tra** : ( Trong giờ học)

**\*Vào bài mới**

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1. Tìm hiểu đề và hướng dẫn chấm**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN.**

**THỜI GIAN 90 PHÚT.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn/Thơ 4 chữ, 5 chữ | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** | |
| **2** | **Viết** | -Trình bày suy nghĩ, ý kiến về một vấn đề đời sống.  -Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ.  -Viết bài văn trình bày ý kiến được gợi ra từ TPVH. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** | |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** | |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | -Trình bày suy nghĩ, ý kiến về một vấn đề đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài cụ thể.  **Thông hiểu:** Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức  **Vận dụng:** Viết được bài văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống,bài thơ…ý kiến được gợi ra từ tpvh. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng.  **Vận dụng cao:**  -Viết được bài trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống, ý kiến từ tác phẩm văn học.  -Viết đoạn văn, bài văn ghi lại cảm xúc về bài thơ…có bố cục, nội dung , nghệ thuật rõ ràng.  Bài viết có luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng.  - Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; cảm nhận được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | **1\*** | **1\*** | **1\*** | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CỦ KHOAI NƯỚNG**

*Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.*

*Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.*

*Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.*

*Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

*- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

*Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

*- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

*Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

*- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

*Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

*Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

(Theo truyện ngắn Tạ Duy Anh)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông

B. Chớm hè

C. Cuối xuân

D. Đầu thu

**Câu 2.** Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh

B. Ông lão ăn mày

C. Một người khác không xuất hiện trong truyện

D. Cậu bé ăn mày

**Câu 3**. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu *“Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.”?*

A. Sau trận mưa rào

B. Vòm trời

C. Rửa sạch

D. Xanh và cao hơn

**Câu 4**. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm

B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết

D. Lòng yêu thương con người

**Câu 5**. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *“cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *“Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này.”?*

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Nói qúa

D. Nói giảm nói tránh

**Câu 7**. Từ “*lật đật*” trong câu *“Ông lão lật đật đứng dậy.”* miêu tả hành động như thế nào?

A. Chậm dãi, thong thả

B. Mạnh mẽ, dứt khoát

C. Nhẹ nhàng, khoan khoái

D. Vội vã, tất tưởi

**Câu 8.** Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng

B. Coi thường

C. Biết ơn

D. Khinh bỉ

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

**Câu 10**. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng ăn quà vặt của học sinh ngày nay.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | - Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng  - Đưa ra cách cư xử của mình và lí do của cách cư xử ấy | 1,0 |
| **10** | - Nêu việc tốt mà em đã làm  - Ghi ngắn gọn tâm trạng sau việc làm ấy | 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | * b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Hiện tượng ăn quà vặt của học sinh ngày nay. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| *\* Mở bài:* Giới thiệu vấn đề nghị luận.  *\* Thân bài:*  - Tình hình ăn quà vặt của học sinh hiện nay: Nhiều học sinh ăn quà mọi lúc, mọi nơi như trước giờ học, giờ ra chơi, cổng trường, sân trường, thậm chí cả trong lớp học...  - Nguyên nhân: Do đua đòi bạn bè, do phụ huynh nuông chiều...  - Tác hại của việc ăn quà vặt:  + Ảnh hưởng đến sức khỏe.  + Ảnh hưởng đến nhân cách.  - Giải pháp: Cần có sự quan tâm thường xuyên của gia đình, sự quản lý của nhà trường và xã hội, mỗi bạn học sinh cần hiểu tác hại của việc ăn quà vặt và chấm dứt hiện tượng xấu này.… *\* Kết bài:* Tổng hợp lại vấn đề nghị luận và rút ra bài học, liên hệ bản thân. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục. | 0,5 |

**Hoạt động 2: TRẢ BÀI.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| -GV trả bài cho học sinh  Công bố đáp án  Giải đáp thắc mắc.  -GV yêu cầu học sinh tự đọc bài của mình sau đó tự nhận xét.  GV tổng hợp nhận xét chung  Chỉ ra hạn chế cần khắc phục | **II. Trả bài:**  **III. Nhận xét:**  a, Ưu điểm:  + Đa số hiểu bài, phần đọc hiểu làm tốt  + Làm đúng theo yêu cầu ( nội dung và hình thức trình bày )  + Một số em chữ viết sạch sẽ, diễn đạt khá lưu loát, mạch lạc.  VD: Thúy, Hà  b. Nh­ược điểm:  + Một số em lớp viết đoạn văn còn có dấu hiệu tách đoạn.  + Câu 9, 10 ( phần đọc hiểu ) làm rất sơ sài )  + Một số bài trình bày thiếu cẩn thận, tẩy xóa nhiều  + Một số bài chữ viết xấu, trình bày chưa khoa học, diễn đạt lủng củng, sai chính tả nhiều và nội dung sơ sài.  VD: Thiên Ân, Đinh Bảo, Nguyễn Bảo, Thuận. |

1. **Hoạt động LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| PP: Luyện tập thực hành  - GV yêu cầu học sinh lên bảng chữa những lỗi sai điển hình (Lỗi nhiều người sai )  *- Viết hoa tùy tiện*  *- Sử dụng dấu câu không đúng*  *- Viết câu sai ngữ pháp ( thiếu CN, VN)*  - GV đ­ưa ra một số lỗi sai diễn đạt và gọi học sinh lên bảng chữa -> GV nhận xét chỉnh sửa  -GV cho HS đọc 2 bài văn tiêu biểu: Em Thúy, Hiền, Hà. | **IV. Chữa lỗi điển hình:**  **1. Chính tả:**   |  |  | | --- | --- | | Lỗi sai | Sửa lại | |  |  |   **2. Diễn đạt:**  **V. Đọc một số bài văn hay** |

**4.VẬN DỤNG**

- Dựa vào hướng dẫn, viết lại đoạn văn (câu 3)

*Ngày soạn: 6/12*

*Ngày dạy: 9/12( 7C) 10/12(7D)*

**TIẾT 54:**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN**

**VÌ CỘNG ĐỒNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách trình bày ý kiến, trao đổi về một vấn đề đời sống, biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Hăng hái tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng

- Tương thân, tương ái, sống giàu tình yêu thương.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu những hình ảnh mang tính biểu tượng của hoạt động thiện nguyện và phát vấn câu hỏi:* ***Những biểu tượng trên gợi cho em suy nghĩ đến điều gì?, sau đó chiếu những hình ảnh hoạt động thiện nguyện của mọi người.***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** - HS xác định được mục đích nói và người nghe

- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Chuẩn bị nội dung một bài nói em cần chuẩn bị những gì? Các bước chuẩn bị?  + Dàn ý một bài nói gồm những phần nào?  + Những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu?  + Đối tượng được giúp đỡ của các hoạt động thiện nguyện là ai?  + Bản chất, vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng?  +Những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Viết ra giấy các ý chính của bài nói thành dạng dàn ý  - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, những từ ngữ then chốt, những từ ngữ quan trọng không thể bỏ qua.  - Chuẩn bị những tranh ảnh, bài hát, đoạn phim có liên quan đến hoạt động thiện nguyện.  **2. Luyện tập**  - Tập luyện một mình  - Trình bày trước bạn bè, người thân  - Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, rút kinh nghiệm sau những lần tập luyện  - Quản lí thời gian nói để đảm bảo thời gian phù hợp  - Cần nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: “***Trình bày ý kiến của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Chào hỏi, giới thiệu và gợi dẫn vào vào vấn đề cần trao đổi: hoạt động thiện nguyện  ***- Ví dụ***  *Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một cách sống đẹp, sống cho đi và yêu thương những mảnh đời chưa đươc may mắn. "Sống trong đời sống cần có một tấm lòng. Để làm gì? Em biết không?. Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi....". Trong cuộc sống này, không phải ai cũng may mắn có được cho mình sự đủ đầy, trọn vẹn. Có bao nhiêu người ngoài xã hội kia gặp những khó khăn, trắc trở, bất hạnh trong cuộc đời, dù đã nỗ lực, cố gắng vẫn khó có thể một mình vượt qua. Bởi vậy, vòng tay giúp đỡ, nhân ái của những tấm lòng từ bi, bác ái là điều rất được trân trọng, là những "tấm lòng vàng" với những hành động đầy nhân văn của họ. Hiện nay, khi mạng xã hội đang phát triển, việc từ thiện qua mạng được lan rộng và là một vấn đề đáng được quan tâm.*  **2. Nội dung chính**  - Trình bày mạch lạc, đầy đủ những vấn đề đã chuẩn bị với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục…  + Giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về hđ thiện nguyện  + Chỉ ra được những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu  + Nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm đó  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói, cử chỉ, cảm xúc sao cho phù hợp…  - Có thể sử dụng tranh ảnh, video hỗ trợ để bài nói hấp dẫn, sinh động, thu hút người nghe.  ***3. Kết luận***  - Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn  ***Ví dụ****:*  *Hãy trân quý những tấm lòng cao cả, hãy hành động ngay từ bây giờ để giúp những hoàn cảnh éo le vượt lên nghịch cảnh, số phận để vươn tới những niềm hy vọng, xây dựng một xã hội nơi nơi ngập tràn lòng yêu thương, thấm đượm tình người. ….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.*  ***\*Những lưu ý khi trình bày bài nói:***  1. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thống nhất ngôi kể  2. Kể theo dàn ý, đảm bảo thời gian quy định  3. Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt…)  4. Không sa vào việc liệt kê quá nhiều những hành động cụ thể |

**2.3. Sau khi nói**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  - Nhận xét về bài trình bày của bạn với thái độ chân thành.  - Có thể trao đổi về một số nội dung như:  + Những điều khiến em xúc động hoặc có ấn tượng sâu sắc trong bài trình bày của bạn.  + Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) với nội dung bài trình bày.  + Một vài điểm có thể bổ sung để phần trình bày trở nên hoàn thiện hơn.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Giải thích những chỗ người nghe còn thắc mắc.  + Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó là đúng và hợp lí |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu:** “***Trình bày ý kiến của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng”***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* chia 4 nhóm, tập nói trong thời gian 10 phút và cử 1 đại diện nhóm nên thực hiện bài nói.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 5: Củng cố- mở rộng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bài tập 1:*** *Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin ngắn gọn về các văn bản theo gợi dẫn:*

*GV yêu cầu HS hoàn thiện PHT cá nhân*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Mùa xuân nho nhỏ** | **Gò me** |
| Tình cảm, cảm xúc của tác giả |  |  |
| Biện pháp tu từ nổi bật |  |  |
| Hình ảnh đặc sắc |  |  |

*Gợi ý đáp án*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Mùa xuân nho nhỏ** | **Gò me** |
| Tình cảm, cảm xúc của tác giả | - Cảm xúc tự hào, yêu mến, trân trọng và khao khát cống hiến của tác giả dành cho quê hương, đất nước. | - Tình cảm gắn bó, yêu quý, tự hào của tác giả dành cho miền quê và những con người lao động nơi quê hương xứ sở. |
| Biện pháp tu từ nổi bật | - So sánh, liệt kê, điệp ngữ. | - So sánh, liệt kê, điệp ngữ. |
| Hình ảnh đặc sắc | - Hình ảnh thiên nhiên gần gũi, bình dị (dòng sông, bông hoa, con chim, nốt trầm,…)  - Hình ảnh con người (người lao động, người cầm súng làm việc hăng say, con người khao khát được cống hiến) | - Hình ảnh thiên nhiên đặc sắc, có hồn, tươi đẹp (con đê cát đỏ, vườn mía lao xao, ao làng trong vắt,…)  - Hình ảnh con người khéo léo, cần cù, hăng say lao động (cô gái Gò Me) |

***Bài tập 2. GV tổ chức “Trò chơi thách đấu”***

**Hình thức:** chia lớp thành 2 đội, thực hiện luân phiên yêu cầu của đề bài. Trong 2 phút không thực hiện được yêu cầu của đề bài sẽ thua cuộc. Đội nào thua sẽ thực hiện 1 yêu cầu bất kì mà đội thắng đặt ra.

**Yêu cầu:** đọc bài thơ có chủ đề về đất nước và phân tích những nét đặc sắc của bài thơ đó.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

*Ngày soạn: 7/12*

*Ngày dạy: 10/12( 7C,7D)*

**TIẾT 55**

**TRẢ BÀI VIẾT**

1. **MỤC TIÊU**
   1. **Kiến thức:**

- Đánh giá khả năng tiếp thu và kiến thức của học sinh qua kiểm tra văn theo yêu cầu.  
- Củng cố lại những kiến thức đã học về: Biểu cảm về người thân

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài văn.

- Chỉnh sửa bài văn cho mình và cho bạn.

***2. Năng lực***:

- Học sinh biết so sánh, đối chiếu bài làm của mình với yêu cầu của đề bài, dàn ý để nhận ra hạn chế trong bài viết của mình. Từ đó sửa chữa và khắc phục.

***-*** Rèn kĩ năng sửa lỗi sai.

- Năng lực chung: - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

***2. Phẩm chất***:

- Trách nhiệm: có ý thức tự giác học hỏi phát hiện và sửa lỗi sai của mình, học hỏi cách viết ngắn gọn khoa học sáng tạo của bạn.

**II. CHUẨN BỊ**

***1. Thầy***: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ư­u và như­ợc điểm trong bài viết của học sinh.

***2. Trò:*** **-** Nhớ đề và nhận ra ưu khuyết điểm trong bài làm của mình.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài văn đã được sửa của HS |

|  |  |
| --- | --- |
| **\*HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  ? Hoàn thiện nội dung phần thực hành viết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

Ngày soạn: 10/12

Ngày dạy: 13/12( 7C) 14/12( 7D)

**TIẾT 56,57,58**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**THÁNG GIÊNG MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

*Vũ Bằng*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

-Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

-Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

-Viết được vă bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

-Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống: biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Nhận biết chủ đề của bài học

- Trình bày được các khái niệm về tùy bút, tản văn…

- Năm được thể thức văn bản tường trình và ngôn ngữ vùng miền của các dân tộc.

**2. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: **Tìm điểm du lịch?**

GV đưa ra các hình ảnh, HS dựa vào những hình ảnh đó để đoán về những địa danh, địa điểm du lịch được nhắc đến.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:*  *Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Màu sắc trăm miền  -> Mở ra một cách nhìn, một thái độ sống, một cách ứng xử thân thiện, nhất là những màu sắc văn hóa khác biệt ở những nơi xa lạ.  - **Thể loại chính**: tùy bút, tản văn, văn bản thông tin  + Tháng Giêng mơ về trăng non, rét ngọt  + Chuyện cơm hến  + Hội lồng tồng |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm của thể loại kí, tùy bút, tản văn, văn bản tường trình, ngôn ngữ vùng miền

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm các câu hỏi sau:  + Tìm hiểu về thể loại kí, tản văn, tùy bút, ngôn ngữ vùng miền, văn bản tường trình.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Kí**  - Không phải là loại hình văn học thuần nhất mà bao gồm nhiều thể loại.  - Kí là sự kết hợp của tự sự, trữ tình, nghị luận cùng các thao tác tư duy khoa học.  - Kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết.  Ví dụ: Cây tre Việt Nam, Hang Én…  **2. Tùy bút**  - Là một thể loại thuộc loại hình kí.  - Qua việc ghi chép về con người, sự kiện cụ thể, có thực, tác giả thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của mình.  - Tùy bút thiên về trữ tình, có thể kết hợp trữ tình, suy tưởng, triết lí, chính luận.  **- Bố cục**: khá tự do, được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định.  - Không nhất thiết phải có một cốt truyện cụ thể hay nhân vật hoàn chỉnh.  - Ngôn từ: giàu hình ảnh, giàu chất thơ  - Ví dụ: Thương nhớ mười hai, Thăm thẳm bóng người…  **3. Tản văn**  - Là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc.  - Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình.  - Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu.  - Ngôn từ: gần gũi với đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.  **4. Văn bản tường trình**  - Là một loại văn bản thông tin được tổ chức theo thể thức riêng, có nội dung trình bày về một vụ việc đang cần được xem xét, làm rõ và giải quyết.  - Người viết tường trình là người có liên quan đến vụ việc, có trách nhiệm cung cấp thông tin xác thực theo phạm vi quan sát, nhận thức của mình cho cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc đó.  **5. Ngôn ngữ vùng miền**  - Ngôn ngữ vùng miền (phương ngữ) là biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ, được thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm và từ vựng.  - Mỗi phương ngữ có những đặc điểm riêng về ngữ âm, thể hiện qua cách phát âm của người dân mỗi địa phương.  - Đặc biệt, trong mỗi phương ngữ bao giờ cũng có một số từ ngữ không có nghĩa tương đương trong ngôn ngữ toàn dân  VD:  - Từ *nhút* (Nghệ Tĩnh) 🡪 món ăn được muối từ sơ mít  - *Sầu riêng, chôm chôm, măng cụt* (Nam Bộ)  - *Cá quả, lợn* (Bắc Bộ); *cá tràu, heo* (Trung Bộ); *cá lóc, heo* (Nam Bộ) |

**VĂN BẢN:**

**THÁNG GIÊNG MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

*Vũ Bằng*

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *nối tiếp*  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu tha thiết, bồi hồi của tác giả  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả Vũ Bằng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  *GV yêu cầu HS nêu những thông tin về tác phẩm: xuất xứ, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tham gia  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  *- Đọc nối tiếp nhau*  ***- Giọng đọc****: chậm, nhẹ nhàng, tình cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Quê: Hà Nội  - Là nhà văn, nhà báo.  - Sở trường viết truyện ngắn, tùy bút, bút kí.  - Tùy bút giàu chất trữ tình và chất thơ, hướng vào biểu hiện thế giới nội tâm phong phú.  **b. Tác phẩm**  ***- Xuất xứ:*** Là bài đầu tiên của tập tùy bút *Thương nhớ Mười Hai*  ***- Thể loại:*** Tùy bút  ***- Hoàn cảnh sáng tác:*** *Đất nước bị chia cắt, Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bắc.*  ***- Phương thức biểu đạt:*** *Biểu cảm kết hợp miêu tả và tự sự.*  **- Bố cục:**  **+ Phần 1 (từ đầu đến *mê luyến mùa xuân*):** Tình cảm của con người với mùa xuân là một quy luật tất yếu, tự nhiên.  **+ Phần 2 (tiếp đến *mở hội liên hoan*):** Cảnh sắc và không khí mùa xuân của thiên nhiên đất trời và lòng người.  **+ Phần 3 (còn lại):** Cảnh sắc mùa xuân đất Bắc từ sau rằm tháng Giêng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội được hiện lên như thế nào?  HS hoàn thành PHT   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội** | | **Không gian gia đình** | | Đầu tháng Giêng | Sau rằm tháng Giêng |  | |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Những ấn tượng về không gian Hà Nội – miền Bắc trong nỗi nhớ của tác giả**  **a. Không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội**  **- Đầu tháng Giêng**  + Mưa riêu riêu  + Gió lành lạnh  + Tiếng nhạn kêu trong đêm xanh; tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, câu hát huê tình.  + Đất trời mang mang  + Đường sá không còn lầy lội nữa  + Cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.  **- Sau rằm tháng Giêng**  + Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại nức một mùi hương man mác  **+** Mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nến trời đùng đục như màu pha lê mờ.  + Bầu trời đã có những vệt xanh tươi, đã có hoa thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa.  + Nền trời trong có những làn sáng hồng...  + Đêm xanh biêng biếc, có mưa dây, nhìn rõ từng cánh sếu bay.  + Trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc  **b. Không gian gia đình**  Âm hưởng của Tết: Nhang trầm, đèn nến, bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên.  Sinh hoạt đời thường: bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh.  -> Qua việc hồi tưởng về những điều có thực trong không gian Hà Nội vào mùa xuân mà mình đã từng trải nghiệm, tác giả đã bộc lộ những cảm nhận tinh tế, tình cảm gắn bó, mến yêu tha thiết với quê hương, gia đình. Đây cũng chính là một trong những nét đặc trưng của thể loại tùy bút. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trong cái rét ngọt đầu xuân, sức sống của thiên nhiên và con người được khơi dậy như thế nào? Nêu nhận xét của em về cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mùa xuân đến.   |  |  | | --- | --- | | **Các chi tiết diễn tả sức sống của thiên nhiên và con người** | **Cách diễn tả thế giới tâm hồn của nhà văn** | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Sức sống của con người và thiên nhiên**  **a. Các chi tiết diễn tả sức sống của thiên nhiên và con người trong tiết trời mùa xuân**  **-** Các chi tiết diễn tả sức sống của con người trong tiết trời mùa xuân  *+ nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống; nhựa sống ở trong người căng lên; tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, đập mạnh hơn; “sống” lại và thèm khát yêu thương, thấy ai cũng muốn yêu thương; trong lòng như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan; cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa;...*  *+ rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn; đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động; sông xanh, núi tím; máu cũng căng lên trong lộc của loại nai; mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ;...*  **b. Cách diễn tả thế giới tâm hồn của nhà văn**  - Bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sắc gợi; nhưng so sánh dễ hình dung; cách nói mới lạ, thú vị... tác giả đã diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt.  - Ngôn ngữ tùy bút giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi.  - Diễn đạt bằng từ ngữ thể hiện tình cảm như “tôi yêu”, “muốn yêu thương”, “thèm khát yêu thương”. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tác giả đã triển khai bài tùy bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân” như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Cách triển khai bài tùy bút**  ***- Cảm hứng chủ đạo:*** *cảm hứng về mùa xuân*  ***- Nêu chủ đề:*** *“ai cũng chuộng mùa xuân”*  ***- Đưa ra các lí lẽ, dẫn chứng:***  ***Lí lẽ:*** *Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.*  ***Dẫn chứng:*** *là những “phỏng đoán” đầy tính chủ quan dưới dạng câu hỏi, đồng thời là câu trả lời cho các nhân vật tưởng tượng: em gái, chàng trai, thiếu phụ.*  ***-> Chứng minh lời khẳng định trên bằng chính những trải nghiệm của mình về mùa xuân – “mùa xuân của tôi”*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như *mùa xuân của tôi, mùa xuân thần thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu.* Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **4. Cái tôi của người viết trong tùy bút**  **- Những sắc thái nghĩa khác nhau**  **+ Mùa xuân của tôi:** Những kỉ niệm của ông với quê nhà  **+ Mùa xuân thần thánh của tôi:** Mùa xuân quê hương có ý nghĩa như thế nào với riêng người viết (đem đến những đổi thay kì diệu)  **+ Mùa xuân của Hà Nội thân yêu**  Sự gắn bó sâu nặng của tác giả - người con xa quê – với quê nhà**.**  **-> Hình bóng cái tôi tác giả được thể hiện khá rõ trong bài tùy bút.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **5. Lời văn của bài tùy bút**  **- Lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình**  *+ Ơi ơi người em ái xõa tóc bên cửa sổ!*  *+ Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy.*  *+ Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.*  **-> Những câu văn như lời nói thường, như là nhà văn đang trò chuyện với ai đó, đồng thời như lời hô gọi làm cho người đọc ấn tượng. Khoảng cách giữa người viết và người đọc sẽ bị rút ngắn.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Trình bày nội dung văn bản theo dòng cảm xúc lôi cuốn, say mê  - Lựa chọn từ ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh  - Có nhiều so sánh, liên tưởng độc đáo, giàu chất thơ  **2. Nội dung**  - Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê. Bài tùy bút đã biểu lộ chân thực và cụ thể tình quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về cảnh sắc và không khí mùa xuân.***

***\* Yêu cầu:***

*- Hình thức: đoạn văn dung lượng khoảng 5 đến 7 câu.*

*- Nội dung: Nêu cảm nhận của em về cảnh sắc và không khí mùa xuân.*

*+ Khi nhắc đến mùa xuân, điều gì hiện lên đầu tiên trong tâm trí em?*

*+ Khi hình dung lại rõ hơn về điều đó, em có cảm giác gì?*

*+ Em hãy tìm những hình ảnh cụ thể để diễn tả những cảm giác đó.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* ***Hãy vẽ một bức tranh về chủ đề mùa xuân***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

Ngày soạn: 15/12

Ngày dạy:17/12(7C,7D)

**TIẾT 59**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nắm được kiến thức về dấu câu tiếng Việt (dấu gạch ngang), biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích dấu câu tiếng Việt, biện pháp tu từ

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi AI NHANH NHẤT*

***- Yêu cầu: Gv: gọi 2 học sinh lên bảng và thực hiện yêu cầu***

*- Kể tên các biện pháp tu từ mà em đã học*

*- Kể tên các dấu câu trong tiếng Việt*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới*

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:** ghi nhớ, nắm được kiến thức về dấu câu tiếng Việt và biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ...)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Dấu câu tiếng Việt (dấu gạch ngang)**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Dấu gạch ngang là gì?  - Dấu gạch ngang có công dụng gì?  - Hoàn thiện bài tập ví dụ về dấu gạch ngang  - Phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ)**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Nêu khái niệm so sánh, nhân hóa, điệp ngữ và hoàn thiện những bài tập nhanh cho từng biện pháp  **- So sánh**  Dựa vào những thành ngữ đã biết, hãy viết tiếp vế B vào những chỗ trống để tạo thành phép so sánh:  + Khỏe như…  + Đen như…  + Trắng như…  + Cao như…  **- Nhân hóa**  GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS dựa vào những hình ảnh, hãy đặt câu có sử dụng phép tu từ nhân hóa  **- Điệp ngữ**  GV: Tìm điệp ngữ trong đoạn trích sau và cho biết tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?  *Trời xanh đây là của chúng ta*  *Núi rừng xanh đây là của chúng ta*  *Những cánh đồng thơm mát*  *Những ngả đường bát ngát*  *Những dòng sông nặng đỏ phù sa*  -> Nhấn mạnh ý thơ + Tạo âm điệu mạnh mẽ hào hứng.  -> Đặc biệt điệp ngữ “của chúng ta” biểu lộ niềm tự hào về ý chí tự lập tự cường về tinh thần làm chủ của nhân dân ta. | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Dấu gạch ngang**  **\* Công dụng:**  - Thường được đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê.  - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  - Nối các từ trong một liên danh.  **\* Ví dụ:**  a. Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu [...].  -> Đánh dấu bộ phận giải thích.  b. Danh sách học sinh giỏi gồm có:  - Nguyễn Song Ngân  - Mai Kim Lan  - Vũ Đức Tiến  -> Dùng liệt kê tên những học sinh giỏi  c. Có người khẽ nói:  - Bẩm, dễ có khi đê vỡ!  Ngài cau mặt, gắt rằng:  - Mặc kệ!  -> Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.  d. Chuyến xe [*Hà Nội*](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)*–*[*Hải Phòng*](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_Ph%C3%B2ng) sắpkhởi hành  -> Nối các bộ phận trong liên danh  **\* Phân biệt dấu gạch ngang và gạch nối**  - Về bản chất  + Dấu gạch ngang là một dấu trong câu  + Dấu gạch nối là một dấu trong từ  - Về hình thức trình bày   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Dấu** | **Hình thức** | **Cách trước** | **Cách sau** | **Ví dụ** | | **Gạch ngang** | Dài (–) | Khoảng trắng  (1 cách) | Khoảng trắng (1 cách) | Hà Nội – Thủ đô yêu dấu … | | **Gạch nối** | Ngắn  (-) | Không | Không | Mát-xcơ-va là thủ đô của nước Nga |   **2. Biện pháp tu từ**  a. So sánh  Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  b. Nhân hóa  Là gán cho đồ vật, cây cối, con vật,... những đặc điểm, thuộc tính của người, nhằm làm cho đối tượng được miêu tả gần gũi, sinh động.  c. Điệp ngữ  Là lặp lại một từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê,... |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức Hoạt động nhóm  **Nhóm 1: BÀI 1**  **Nhóm 2: BÀI 2**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  (1) Hai dấu gạch ngang (câu a) và phần sau dấu gạch ngang (câu b) đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích  (2) Nếu bỏ các cụm từ tách ra từ dấu gạch ngang thì ý nghĩa của câu sẽ không đầy đủ.  **Bài tập 2**  a. - Cặp so sánh *đôi mày ai – trăng mới in ngần*  -> Chỉ sự thanh tân, tươi trẻ, dịu dàng  b. - Cặp so sánh *trời sáng lung linh – ngọc*  -> Chỉ vẻ đẹp của ánh sáng trong, thanh khiết, có sắc màu ảo diệu  ->Tạo hiệu quả thẩm mĩ cho câu văn.  ->Bộc lộ tài năng sáng tạo qua việc tạo ra những liên tưởng bất ngờ, kết nối những sự vật tưởng như rất khác nhau |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoàn thành bài tập 3,4,5 trong SGK trang 111  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 3,4**  a,b. Những cụm từ chứa biện pháp tu từ nhân hoá trong hai câu văn: *đôi mùa giao tiễn nhau, đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động, vài con ong siêng năng.*  -> Tác dụng: thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật, thiên nhiên phóng chiếu nội tâm con người.  c. Biện pháp tu từ điệp ngữ ở những cụm từ in đậm và ở những cụm từ khác như “đừng thương”,  Tác dụng: + Tạo nhịp điệu câu văn  + Trong việc tạo cảm xúc cho người đọc: Nhấn mạnh tình yêu mùa xuân tha thiết của tác giả và khẳng định tình yêu mùa xuân luôn là tình cảm không thể thiếu trong mỗi người  **Bài tập 5**  - Đây là biện pháp so sánh tầng bậc. Vế một là một cảm giác: *nhựa sống ở trong người căng lên* (hoàn toàn trừu tượng). Vế hai là hai hiện tượng: *máu cũng căng lên trong lộc của loài nai* (cũng trừu tượng nhưng còn có hình ảnh *lộc nai* để hình dung), mầm non của cầy cối *trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti* (dễ hình dung).  - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu này: Gợi lên sự tươi trẻ và nhiệt huyết và tình yêu tha thiết trong tâm hồn tác giả và những người yêu mùa xuân.  - Sự khác nhau : cách so sánh 1 - 1 ở bài tập 2 là so sánh giữa hai sự vật, chỉ có một vế so sánh. ở bài tập này là cách so sánh tầng bậc: Bài tập này có nhiều vế so sánh, làm cho đối tượng được so sánh hiện lên đa dạng, phong phú, sâu sắc hơn. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học thực hiện yêu cầu

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Ngày soạn : 17/12*

*Ngày dạy: 20/12(7D) 21(7c)*

**TIẾT 60,61**

**CHUYỆN CƠM HẾN**

*Hoàng Phủ Ngọc Tường*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ấn tượng chung về nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường

- Hiểu được nội dung chi tiết của văn bản

- Phân tích được cách giới thiệu món cơm hến, phong cách ăn uống của người Huế qua món ăn.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực văn học: biết cách phân tích, nhận diện được thể loại văn bản thông tin.

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**3. Phẩm chất:**

Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận:

**Hãy kể tên các món đặc sản Huế làm nên tinh hoa ẩm thực cố đô.**

HS kể tên

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *nối tiếp*  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  **b. Giải nghĩa từ khó**  **- Nấm tràm:** loại nấm mọc từ cây tràm, có nhiều ở vùng Thừa Thiên – Huế, có vị đắng.  **- Hến:** động vật thân mềm, có hai mảnh vỏ, sống ở vùng nước lợ hoặc nước ngọt.  **- Nghêu:** động vật thân mềm, có hai mảnh vỏ, thường sống ở vùng nước mặn ven biển.  **- Cá lẹp:** loài cá nhỏ, thân mỏng, xương mềm, thịt nhão vì nhiều mỡ, sống ở vùng nước mặn hoặc nước lợ ven biển.  **- Rau mưng:** lá non của cây lộc vừng, có vị hơi chát, đắng, thảong chút chua, thường được người dân miền Trung hái ăn kèm với cá lẹp nướng.  **- Tả thanh long:** rồng xanh ở bên trái. Theo quan niệm phong thủy xưa, thế đất nhấp nhô phía bên trái của nhà ở hay cung điện (từ phía trong nhìn ra) là thế tả thanh long, rất được chú ý trong việc chọn đất xây dựng.  **- Thẫu:** (thẫu, do cách phát âm mà thành *thẫu*) dụng cụ đựng đồ ăn có miệng to gần bằng hoặc bằng thân, làm bằng nhựa, sành sứ, thủy tinh,...  **- Vịm** (thường gọi là *liễn*) đồ bằng sành sứ có nắp đậy, dùng để đựng thức ăn.  **- Trẹc** (Trẹt) cái mẹt, đồ đan kín bằng tre nứa, lòng nông, hình dáng và kích thước hơi giống cái mâm.  **- Gáo mù u:** gáo làm bằng vỏ quả mù u, giống gáo dừa nhưng nhỏ hơn.  **- Thất kinh:**  sợ đến mức mất tinh thần.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Sinh năm 1937, quê Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế.  - Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế.  - Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hóa sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội.  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** Trích trong “Huế - Di tích và con người”, NXB Đà Nẵng  **- Thể loại:** Tản văn  **- Phương thức biểu đạt:** Tự sự, miêu tả, biểu cảm  **- Bố cục:**  + Phần 1: Giới thiệu về món cơm Hến  + Phần 2: Phong cách ăn uống của người Huế thông qua món cơm Hến  + Phần 3: Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm Hến và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của người Huế |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc văn bản giới thiệu về món cơm hến, phong cách ăn uống của người Huế

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Đọc văn bản và cho biết cơm hến được làm từ nguyên liệu gì? Gia vị ăn kèm món cơm hến? Cách bán món cơm hến của người Huế có gì đặc biệt?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Giới thiệu về món cơm hến**  **- Nguyên liệu làm cơm hến:** ruột hến, cơm nguội, miến, măng khô, rau sống, thịt heo.  -> Những thứ đơn giản, dễ kiếm, có thể được tận dụng – trở thành những vị chủ đạo của món cơm hến.  **- Gia vị làm cơm hến:** da heo, tóp mỡ, ớt, muối, mè, đậu phộng, ruốc sống, bánh tráng nướng, vị tinh...  -> Gia vị bình dân, rẻ, dễ kiếm  **- Cách bán cơm hến:** bán rong trên đường phố, bất cứ ai cũng có thể ăn, người nghèo cũng ăn được vì nó phù hợp với túi tiền của tất cả mọi người.  **- NT:** liệt kê, miêu tả chi tiết, tỉ mỉ  **-> Cơm hến là một món ăn bình dân.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Phong cách ăn uống của người Huế thông qua món cơm Hến**  **-** Người Huế có khẩu vị ăn khác thường so với người ở những địa phương khác.  + *“Người Huế ăn giống như bài học cuối đời, phải nếm đủ vị mặn, lạt, chua cay, ngọt, bùi, không chê vị nào”.*  *+ “tỏ ra thích thú với hai vị mà thiên hạ đều sợ là cay và đắng”.*  *+ “Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ diễn tả vị cay bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sướng miệng”: cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc...”*  - Món cơm hến có 3 loại: ớt tương, ớt màu, ớt dầm mắm  -> tiêu biểu cho phong cách ăn cay của người Huế.  **- Phong cách ăn uống của người Huế thể hiện qua món cơm Hến:**  + Cơm: cơm nguội  + Hến: hến cồn  **+ Rau sống:** rau sống làm bằng thân chuối hoặc bắp xuối xắt mỏng như sợi tơ trộn lẫn với môn bạc hà, khế và rau thơm thái nhỏ, giá chần, có khi điểm thêm mấy bông vạn thọ vàng.  **+ Nước luộc Hến:** có giã thêm gừng màu trắng đùng đục  **+ Gia vị:** ớt tương, ớt màu, ớt dầm nước mắm, ruốc sống, bánh tráng nướng  - NT liệt kê -> Cơm hến là kết quả của một nghệ thuật chế biến tỉ mỉ, cầu kì rất đặc trưng của người Huế  Qua món cơm hến, ta thấy người Huế đã nâng một món ăn bình dân lên thành nghệ thuật ẩm thực (Có người cho rằng cơm hến là món bình dân, rồi được đưa vào cung đình, được chế biến bởi các đầu bếp tài hoa, rồi lại trở ra cuộc sống bình dân nên nó được nâng lên thành tinh hoa ẩm thực Huế) |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hình ảnh chị bán hàng hiện lên như thế nào? Em nhận xét gì về con người Huế qua hình ảnh chị bán hàng cơm Hến?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và ý thức giữ gìn bản sắc của người dân Huế**  **a. Hình ảnh chị bán hàng**  ***-*** Dáng gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kĩ, chiếc non cời và tiếng rao lanh lảnh.  - NT miêu tả, từ ngữ địa phương: Hình ảnh người bán hàng trên phố, nghèo nhưng không lam lũ, khổ sở mà vẫn có cái tươm tất, tề chỉnh của một người dù là dân lao động nhưng vẫn giữ cốt cách nền nã của người cố đô.  - Gánh cơm hến của chị có mười bốn vị, mà mỗi bát cơm hến có 500 đồng (thời giá những năm cuối thể kỉ XX)  - Lời nói của chị bán hàng: “Nói như cậu thì...còn chi là Huế!”  - Vị lửa: Giữ cho nước dùng hến được nóng, không có nó không thành món cơm hến đúng vị, và nó còn là “vị” của tình cảm con người với nghề, của ý thức nỗ lực giữ gìn chất Huế, là “vị” của tâm hồn, là “vị” của niềm tin vào những nét đẹp không dễ mất trong cuộc sống.  **-> Người Huế luôn cố gắng để giữ gìn và phát triển món ăn đậm đà bản sắc dân tộc, để khi nhắc đến cơm hến là mọi người đều nhớ đến Huế.**  **b. Ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của người dân Huế**  *- Người dân Huế ý thức được việc giữ gìn nét văn hóa truyền thống cổ truyền và họ coi việc bảo tồn truyền thống như một điều không cần bàn cãi. Văn hóa được lưu truyền từ chính cuộc sống bình dị, tự nhiên của cộng đồng cư dân. Nó như những mạch ngầm chảy trong cách sống, cách nghĩ của con người ở những vùng miền khác nhau. Mỗi cư dân trong cộng đồng là một hạt mầm vừa tiếp nối, vừa nuôi dưỡng những nét đẹp văn hóa địa phương.* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Em cảm nhận như thế nào về cái tôi tác giả được thể hiện trong *Chuyện cơm hến?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | ***4. Mối quan hệ người viết và văn bản***  **\* Câu văn thể hiện ý kiến của tác giả về món ăn đặc sản:**  **-***“Tôi rất ghét những lối cải tiến tạp nham như vậy. Bún đã có bún bò, ai có giang sơn ấy, việc gì phải cướp bản quyền sáng chế của người khác.”*  *- “Tôi nghĩ rằng trong vấn đề khẩu vị, tính bảo thủ là một yếu tố văn hóa hết sức quan trọng, để bảo toàn di sản.”*  - “*Với tôi, một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa, cứ phải giống như ngày xưa, và mọi ý đồ cải tiến đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả!”*  -> Cái tôi của tác giả được thể hiện trong “Chuyện cơm hến” là cái tôi công dân có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân trọng truyền thống văn hóa, lịch sử, yêu thiết tha quê hương, gắn bó với quê hương từ những điều nhỏ nhất. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ địa phương.  - Giọng điệu hài hước kết hợp với trữ tình.  ***2. Nội dung***  - Giới thiệu về món ăn đậm đà bản sắc xứ Huế - cơm hến.  - Thể hiện những suy nghĩ của tác giả về việc “cải tiến” món ăn dân tộc và tình yêu quê hương da diết của tác giả. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hoá nơi em đang sống.***

***\* Yêu cầu:***

- Hình thức: đoạn văn dung lượng khoảng 5 đến 7 câu.

- Nội dung: Về một nét sinh hoạt thể hiện được vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa địa phương. (món ăn địa phương, tục lệ địa phương...)

**Đoạn văn tham khảo:**

*Ở giữa lòng thủ đô Hà Nội tấp nập nhộn nhịp, thì đâu đó vẫn còn những quán hàng bày bán cốm non. Hương cốm non của đồng quê phả nhẹ vào trong từng cơn gió bay ngào ngạt giữa không gian cảnh vật. Những người bán hàng tay nhanh nhẹn và khé léo gói những gói cốm nhỏ để bán cho người mua. Đi dọc từng góc phố Hà Nội chúng ta có thể ăn và cảm nhận được vị dẻo thơm của hạt gạo theo một nét rất riêng. Dường như Cốm đã trở thành một nét đặc trưng không thể thiếu của mảnh đất nghìn năm văn hiến. Nó không chỉ là một thứ quà để ăn vui miệng, má nó còn níu giữ tâm hồn của những người con Hà Nội.*

*Ngày soạn 20/12*

*Ngày dạy: 23/12( 7C) 28/12(7D)*

**TIẾT 62**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được từ ngữ địa phương và biết cách sử dụng từ ngữ địa phương trong hoàn cảnh phù hợp.

- Phân biệt được từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và sử dụng tử ngữ địa phương trong hoàn cảnh phù hợp.

**3. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi: NHÀ NGÔN NGỮ HỌC*

***Quan sát đoạn video sau và liệt kê các từ ngữ địa phương.***

*https://www.youtube.com/watch?v=WJSyxX8bZVU*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nhận biết từ ngữ địa phương, biết sử dụng từ ngữ địa phương

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Nhận biết từ ngữ địa phương**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Từ ngữ địa phương là gì? Từ ngữ địa phương thể hiện điều gì? Cho ví dụ về từ ngữ địa phương?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Sử dụng từ ngữ địa phương**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Từ ngữ địa phương thường được sử dụng khi nào?  - Theo em, trong văn bản khoa học, hành chính có nên sử dụng từ ngữ địa phương hay không, vì sao?  - Hãy lấy 1 ví dụ về từ ngữ địa phương được sử dụng trong tác phẩm văn học.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết từ ngữ địa phương**  - Mỗi vùng miền có một số từ ngữ riêng biệt, thường gọi là từ ngữ địa phương. Những từ ngữ đó phát sinh từ những nét riêng về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí và phong tục tập quán của cư dân địa phương. Từ ngữ địa phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ của một cộng đồng.  - Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định.  **- Ví dụ** về từ ngữ địa phương:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Địa phương** | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân** | | Miền Bắc | U | Mẹ | | Miền Trung | Mô | Đâu | | Miền Nam | Tía | Bố |   **2. Sử dụng từ ngữ địa phương**  - **Trong tác phẩm văn học**, từ ngữ địa phương có thể được dùng nhằm tạo sắc thái địa phương cho câu chuyện, nhân vật...  - **Trong các văn bản khoa học, hành chính,...** Không được dùng từ ngữ địa phương (trừ khi có lí do dặc biệt).  - **Trong giao tiếp thông thường**, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi trò chuyện thân vật với những người nói cùng phương ngữ với mình.  **- Ví dụ:**  Đồng chí ***mô*** nhớ nữa  Kể chuyện Bình Trị Thiên  Cho ***bầy tui*** nghe ***ví***  Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí  - Thưa trong ***nớ hiện chừ*** vô cùng gian khổ,  Đồng bào ta phải kháng chiến ***ra ri***  (Theo Hồng Nguyên, *Nhớ*)  **-> Tô đậm màu sắc địa phương** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức Hoạt động nhóm  Nhóm 1+3: bài 2-4  Nhóm 2+4: bài 1-3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  - Những từ ngữ địa phương là: thẫu, vịm, trẹc  **->** Những từ này được xem là từ ngữ địa phương vì nó là những từ ngữ thuộc phương ngữ riêng của miền Trung và những từ ngữ này có từ ngữ toàn dân tương ứng.  **Bài tập 2**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân** | | Lạt | Nhạt | | Duống | Xuống | | Xắt | Thái | | Vịn | Liễn | | Đậu phụng | Lạc | | Trụng | Nhúng | | Thẫu | Thầu | | Nhiêu khê | Thôi lôi | | Trẹc | Cái mẹt | | Vi tinh | Bột ngọt | | O | Cô |   **Bài tập 3**  Trong *Chuyện cơm hến,* nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc họa không khí, sắc thái riêng của Huế, miêu tả lối nói riêng của Huế. Tính chất địa phương của bài văn góp phần tạo ấn tượng một cách sâu đậm về Huế và văn hóa Huế. Nói về không gian văn hóa Huế bằng một số từ ngữ Huế thì sẽ nêu bật được màu sắc Huế.  **Bài tập 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Địa phương** | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân** | | Miền Bắc | U, thầy | Mẹ, bố | | Miền Trung | Mô, o, răng | Đâu, cô, sao | | Miền Nam | Tía, má, quả thơm | Bố, mẹ, quả dứa | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* **Bài tập nhanh: Tìm từ ngữ địa phương trong đoạn trích sau đây (trích từ truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng) và giải thích nghĩa của các từ địa phương đó.**

*Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:*

*– Thì má cứ kêu đi.*

*Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng:*

*– Vô ăn cơm!*

*Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:*

*– Cơm chín rồi!*

*Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo:*

*– Con kêu rồi mà người ta không nghe.*

***Gợi ý đáp án:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ địa phương** | **Ý nghĩa** |
| Ba | Cha |
| Má | Mẹ |
| Kêu | Gọi |
| Đâm | Trở thành |
| Đũa bếp | Đũa cả |
| Nói trổng | Nói trống không |
| Vô | Vào |

Ngày soạn 27/12

Ngày dạy: 30/12( 7C) 31/12

**TIẾT 67**

**HỘI LỒNG TỒNG**

*Trần Quốc Vượng- Lê Văn Hảo- Dương Tất Từ*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ấn tượng chung về lễ hội lồng tồng trong văn hóa của Việt Nam

- Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu trong văn bản “Hội lồng tồng”

- Nhận biết và phân tích được các thông tin mà văn bản “ Hội lồng tồng” cung cấp cho người đọc.

**2. Năng lực**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác.

- Năng lực văn học: nhận biết được thể loại văn bản thông tin, phân tích được các ý chính tiêu biểu trong văn bản “Hội lồng tồng”

- Năng lực ngôn ngữ: Hiểu ý kiến các bạn, nắm bắt được thông tin từ phần giới thiệu bài

**3. Phẩm chất:**

- HS thêm yêu mến, trần trọng những nét văn hoá truyền thống của người Việt Nam.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS chia sẻ cảm nhận:

**Em hãy kể tên các lễ hội dân gian mà em đã được trực tiếp tham gia hoặc được biết thông qua các kênh thông tin.**

***- GV dẫn dắt vào bài mới***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *đọc nối tiếp*  + Đọc giọng to, rõ ràng  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu chung về tác phẩm** | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  *- Đọc nối tiếp nhau*  ***- Giọng đọc****: to, rõ ràng*  **2. Tìm hiểu chung**  **- Nội dung chính:** Những nét đặc sắc trong hội lồng tồng vùng Việt Bắc.  **- Xuất xứ:** Trích từ “Mùa xuân và phong tục Việt Nam”, NXB Văn hóa  **- Thể loại:** Văn bản thông tin  **- Phương thức biểu đạt:** thuyết minh  **- Bố cục: 2 phần** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giới thiệu được khái quát về lễ hội lồng tồng

- Nắm được các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức kĩ thuật dạy học K-W-L   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K (Điều đã biết)** | **W (Điều muốn biết)** | **L (Điều học được)** | | …………...  ………….. | ……………  …………… | …………..  ………….. |   **-** GV phát Phiếu cho học sinh, yêu cầu điền thông tin vào cột (K-W), nêu những hiểu biết của em về lễ hội lồng tồng.  - Thời gian : 5 phút  - GV gợi dẫn, đặt câu hỏi  + Tóm tắt các ý chính của văn bản *Hội lồng tồng* bằng sơ đồ    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Giới thiệu khái quát về lễ hội lồng tồng**  **- Thời gian tổ chức:** Sau tết Nguyên đán đến tết Thanh minh  **- Địa điểm tổ chức**: vùng Việt Bắc  **- Vùng miền có lễ hội:** Tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang  **- Phần cúng- tế lễ:**  + Người dân mang cỗ đến cúng thần nông  + Sau khi cúng lễ, người ta ăn cỗ: thịt gà, thịt lợn, bánh chưng, …  **- Phần vui- chơi hội:** Trò chơi dân gian: đánh vật, kéo co, thi bắn, múa sư tử, lượn lồng tồng, …  **- NT:** thuyết minh cụ thể chi tiết: Lễ hội Lồng Tồng là hoạt động sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian, gắn liền với nền nông nghiệp trồng trọt của bà con đồng bào các dân tộc thiểu số |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức kĩ thuật dạy học K-W-L   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K (Điều đã biết)** | **W (Điều muốn biết)** | **L (Điều học được)** | | …………...  ………….. | ……………  …………… | …………..  ………….. |   **-** GV, yêu cầu điền tiếp thông tin vào cột (K-W), nêu những hiểu biết của em các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng  **-** Thời gian : 5 phút  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận theo bàn   |  |  | | --- | --- | | Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng |  | | Hoạt động của cư dân trong phần hội |  | | Mong ước của người dân khi tổ chức hội lồng tồng |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  - GV chiếu một số hình ảnh của lễ hội lồng tồng | **2. Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng**  **a. Những sản vật cúng tế trong hội lồng tồng**  - Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan mật thiết với mục đích mở hội và tục thờ thần nông của đồng bào Tày, Nùng.  - Lễ hội xuống đồng có ý nghĩa cầu mùa, cầu một năm mưa thuận gió hòa, việc nhà nông thuận lợi.  - Hội lồng tồng ở Việt Bắc gắn với tục thờ thần nông. Thần nông được tôn làm thành hoàng làng cũng có nghĩa là thần nông được cho là vó vai trò giúp dân khai mở đất đai, xây dựng và bảo vệ bản mường.  - Những lễ vật như gà thiến béo, lợn quay, các thứ bánh trái như bánh chưng hay bánh lá ngải, xôi nhuộm lá cẩm, rượu nếp, rượu mác mật,... đều là những sản vật nông nghiệp của cư dân, được dâng lên tế thần nông.  -> Thể hiện sự biết ơn của cư dân với vị thần cai quản đời sống bản mường, cũng là cách thức để kính báo về công việc làm ăn sinh sống hàng năm và biểu thị niềm mong ước về cuộc sống no đủ.  **b. Các hoạt động diễn ra trong phần hội**  + Trò chơi ném còn  + Múa sư tử  + Lượn lồng tồng  -> Biểu thị những phẩm chất và khả năng của con người: Vui vẻ, tinh tế, duyên dáng, nhạy bén, sáng tạo và khéo léo  **c. Mong ước của người dân khi tổ chức lễ hội lồng tồng**  - Sự may mắn, tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động.  → Người viết thấu hiểu sâu sắc và yêu mến, trân trọng trò chơi dân gian lượn của hội lồng tồng. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng phương thức thuyết minh, bày tỏ thái độ đánh giá của người viết về vấn đề được nói tới thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, nhất là tính từ.  - Miêu tả chi tiết hội lồng tồng  - Kiến thức xã hội sâu sắc thể hiện qua ngôn ngữ thuyết minh của tác giả.  **2. Nội dung**  - Văn bản thuyết minh về hội lồng tồng ở vùng Việt Bắc, hội được mở từ sau tết Nguyên Đán đến tết Thanh minh.  - Ngợi ca, đề cao vẻ đẹp văn hóa, sinh hoạt văn hoá dân gian phổ biến của đồng bào Tày, Nùng trong mùa xuân. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV yêu cầu HS:*** *Nêu cảm nhận của em về thái độ, đánh giá của người viết qua câu văn: Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc*

***\* Gợi ý***

- Thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, nhất là tính từ. Câu văn được trích dẫn thể hiện sự đồng cảm, thái độ ngợi ca, đề cao vẻ đẹp của hát lượn, một sinh hoạt văn hóa dân gian phổ biến của đồng bào Tày, Nùng trong mùa xuân.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: điền thông tin vào cột (L) trong bảng kĩ thuật dạy học K-W-L áp dụng ở đầu bài học để đánh giá mức độ nắm bắt, hiểu biết bài học của học sinh.*

*- GV yêu cầu HS: giới thiệu một lễ hội truyền thống của quê hương em.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn 27/12

Ngày dạy: 30/12( 7C) 31/12

**Tiết 68,69:**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**THỰC HÀNH THEO CÁC BƯỚC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS hiểu được khái niệm văn bản bản tường trình; nắm được các quy cách, thể thức của một văn bản tường trình.

- HS rèn luyện và biết cách viết văn bản tường trình

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đưa ra câu hỏi:*

***(1)*** *Em hiểu tường trình là gì? Văn bản tường trình là văn bản như thế nào?*

***(2)*** *Theo em, khi nào cần sử dụng văn bản tường trình?*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Tìm hiểu thể thức của văn bản tường trình**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các thể thức của văn bản tường trình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập***  *GV cho HS tìm hiểu, trao đổi về phần giới thiệu thể thức cùa VB tường trình trong SHS. Có thể nêu câu hỏi để lưu ý HS vẽ những điểm chính:*  *+ Vì sao phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ trong bàn tường trình?*  *+ Vì sao phải thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin vè thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm?*  *- Vì sao cần có lời cam đoan cuối bàn tường trình?*  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập***  *- HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.*  *- HS dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.*  ***Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận***  *- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.*  ***Dự kiến sản phẩm:***  *+ Cần ghi quốc hiệu, tiêu ngữ trong VB tường trình để xác định đây là VB giao tiếp hành chính.*  *+ Phải thuật lại sự việc với đầy đủ thông tin để người hoặc cơ quan đảm nhiệm chức năng giải quyết vụ việc có đủ cơ sở để xem xét, giải quyết vấn đề.*  *+ Cần có lời cam đoan cuối bản tường trình để nêu cao trách nhiệm của người làm bản tường trình.*  ***Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập***  *- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức*  ***Lưu ý****: Nếu bản tường trình được viết tay, chú ý chừa lề hợp lí; không viết sát mép giấy bên trái, bên phải; không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá rộng. Nếu bản tường trình được đánh máy, cần dùng khổ giấy A4; phông chữ tiếng Việt Times New Roman; cỡ chữ thường là 13 - 14; lề trang cách mép trên và mép dưới 20 - 25 mm, cách mép trái 30 - 35 mm, cách mép phải 15-20 mm..* | ***I. Thể thức của văn bản tường trình***  - Phía trên cùng văn bản ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).  - Ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).  - Tên văn bản tường trình ghi chính giữa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: *Về việc...*  - Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ *Kính gửi.*  - Nếu thông tin về người viết tường trình (họ và tên; chức danh: chức vụ; đơn vị học tập, công tác), có thể bắt đầu bằng cụm từ *Tôi tên là* hoặc *Tôi là..*  - Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm.  - Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lởi hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lí vụ việc.  - Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đây đủ họ, tên. |

**2.2 Phân tích bản tường trình tham khảo**

**a. Mục tiêu:**Từ bài viết tham khảo, nắm được quy cách, thể thức của một văn bản tường trình hợp lệ

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bản tường trình “Về việc vi phạm nội quy nơi tham quan” trong sách và hoàn thành phiếu học tập   |  |  | | --- | --- | | Quốc hiệu và tiêu ngữ |  | | Địa điểm và thời gian viết bản tường trình |  | | Tên văn bản tường trình |  | | Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình |  | | Tên người viết tường trình |  | | Nội dung bản tường trình |  | | Cam đoan và cam kết |  | | Kí tên hoàn tất bản tường trình |  |   - Theo em, bước nào là quan trọng nhất, vì sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bản tường trình tham khảo**   |  |  | | --- | --- | | Quốc hiệu và tiêu ngữ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc | | Địa điểm và thời gian viết bản tường trình | + Địa điểm: Hà Nội  + Thời gian: ngày 22 tháng 9 năm 2020 | | Tên văn bản tường trình | Bản tường trình về việc vi phạm nội quy nơi tham quan | | Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình | Cô Lâm Thanh H | | Tên người viết tường trình | Trương Khánh Ng. | | Nội dung bản tường trình | + Thời gian xảy ra vụ việc: Sáng ngày 22 tháng 9 năm 2020  + Địa điểm xảy ra vụ việc: Bảo tàng Dân tộc học  + Nguyên nhân xảy ra vụ việc: Do người viết tường trình muốn có một bức ảnh chụp bên bộ quần áo dân tộc Dao nên đã bước qua dây chắn, vào khu vực cấm và sờ tay vào hiện vật  + Hậu quả: Người viết tường trình đã làm hỏng một chi tiết trên trang phục  + Người chịu trách nhiệm: Trương Khánh Ng. | | Cam đoan và cam kết | Trương Khánh Ng. cam đoan điều mình tường trình là đúng sự thật và cam kết không bao giờ tái phạm nữa. | | Kí tên hoàn tất bản tường trình | Trương Khánh Ng. | |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bản tường trình

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + *Theo em, khi viết văn bản tường trình về sự việc có thật trong đời sống mà bản thân em có liên quan, em cần phải chú ý điều gì?*  *+ Nếu vụ việc chỉ mang tính chất giả định, em phải chú ý điều gì?*  *+ Nêu một số ví dụ có thể phải sử dụng văn bản tường trình.*  *+ Những điều cần lưu ý khi viết văn bản tường trình?*  *+ Để chỉnh sửa văn bản tường trình, cần chú ý vào những điểm nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  - Nếu định tường trình về một vụ việc có thật trong đời sống mà bản thân em có liên quan, cần hình dung lại mọi chuyện đã xảy ra theo những gì em biết và nhớ rõ.  - Nhớ chú ý cách tường trình của bản thân, thông qua việc tự đặt câu hỏi  **- Ví dụ:**  + Mất xe đạp nơi gửi xe của trường  + Làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc  + Chứng kiến vụ bắt nạt trong trường học...  **2. Viết bản tường trình**  - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức. Chú ý chứa khoảng cách rộng hơn giữa dòng ghi nơi, ngày tháng làm bản tường trình với những thông tin ngay phía trên và tiếp dưới đó.  - Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc. Khi viết dòng này, cũng chú ý chứa khoảng cách trên, dưới hợp lí như khi viết dòng ghi địa điểm, thời gian làm bản tường trình ở trên.  - Đề tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  - Xưng danh với đầy đủ họ tên.  - Trình bày vụ việc ngắn gọn nhưng rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại. Đặc biệt, cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc.  - Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình. Mẫu cầu thường dùng: Tôi xin cam đoan nội dung trình bày trên là trung thực, Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về điều mình đã viết;...  - Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị.  - Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Dựa vào phần Thể thức của văn bản tường trình để tự rà soát và chỉnh sửa.  Chỉnh sửa theo bảng Phiếu đánh giá bài viết   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **TIÊU CHÍ** | **ĐẠT** | **KHÔNG ĐẠT** | | 1 | Tên văn bản đã phản ánh đúng nội dung chính được tường trình chưa? |  |  | | 2 | Sự việc tường trình đã đầy đủ, cụ thể chưa? |  |  | | 3 | Tư cách, vai trò của bản thân trong vụ việc đã rõ ràng chưa? |  |  | | 4 | Có chỗ nào diễn đạt như văn nói không? |  |  | | 5 | Hình thức VB tường trình đã trình bày đúng quy cách chưa? |  |  | | 6 | Đọc lại và chỉnh sửa bài viết (lỗi chính tả, diễn đạt) |  |  | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* ***Em hãy viết một văn bản tường trình về việc vi phạm nội quy nhà trường.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Bình Phước, ngày 7, tháng 12, năm 2022*

BẢN TƯỜNG TRÌNH

(Về việc vi phạm nội quy nhà trường)

Kính gửi: BGH Trường THCS Liên Trung

Họ tên em là: Nguyễn Văn T.

Sinh ngày: 29/3/2008

Nơi ở hiện tại: Tổ 1, khu phố a, phường b, tx X,tỉnh Y

Là học sinh lớp: 12D1 Trường THPT Thị xã Bình Long

Hôm nay, ngày 7 tháng 12 năm 2022 em viết đơn này nhằm tường trình về hành vi vi phạm nội quy nhà trường của em, cụ thể: Em đã không mặc đồng phục đúng quy định. Căn cứ theo nội quy của trường, em nhận thấy hành vi của mình đã vi phạm đến nội quy của trường và xứng đáng phải chịu kỷ luật theo Điều 7 của nội quy.

Em cam đoan những thông tin trong bản tường trình này là đúng sự thật. Em sẽ chịu phạt đúng như nội quy quy định và xin hứa sẽ không tái phạm!

Người viết tường trình.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn 1/1

Ngày dạy: 3/1(7C,7D)

**TIẾT 70:**

**ĐỌC MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bài tập 1:*** *Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin về hai văn bản Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt và Chuyện cơm hến:*

*GV yêu cầu HS hoàn thiện PHT cá nhân*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tháng Giêng, mơ về trắng non rét ngọt** | **Chuyện cơm hến** |
| Thể loại |  |  |
| Những hình ảnh nổi bật |  |  |
| Đặc điểm lời văn |  |  |
| Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả |  |  |

*Gợi ý đáp án*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tháng Giêng, mơ về trắng non rét ngọt** | **Chuyện cơm hến** |
| Thể loại | Tùy bút | Tản văn |
| Những hình ảnh nổi bật | - Hình ảnh về xuân Hà Nội đầu tháng Giêng: Có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng,…  - Sau rằm tháng Giêng: Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không còn mát xanh nhưng để lại một mùi hương man mác, mưa xuân thay thế cho mưa phùn khi trời đã hết nồm,….  - Không gian gia đình: Nhang trầm, đèn nến, nhất là không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường trước | Giới thiệu về thói quen ăn cay của người dân xứ Huế  - Món ăn: cơm hến – đặc trưng của xứ Huế:  + Về cơm: cơm nguội  + Hến: xào kèm theo bún tàu (miến), măng khô và thịt heo thái chỉ.  + Rau sống: làm bằng chân chuối hoặc bắp chuối xát mỏng như sợi tơ, trộn lẫn với bạc hà, khế và rau thơm thái nhỏ, giá trần, có khi được thêm những cánh bông vạn thọ vàng.  - Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa |
| Đặc điểm lời văn | Tâm tình, như đang trò chuyện với bạn đọc, uyển chuyển, linh hoạt, đầy sáng tạo. | Lời văn ngắn gọn, như lời tâm tình, đang trò chuyện với bạn đọc. |
| Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả | Tác giả đã bộc lộ tình cảm tha thiết của bản thân với thiên nhiên đất trời lúc xuân sang. | Tác giả đã bộc lộ sự trân trọng, tự hào về món ăn quê hương, muốn gìn giữ nét đẹp đó. |

***Bài tập 2. Tìm đọc một số tùy bút và tản văn viết về các đề tài cảnh sắc, ẩm thực. Chọn trong số đó một số tác phẩm mà em thích nhất và trả lời các câu hỏi sau:***

*a. Tác phẩm viết về vùng miền hay món ăn cụ thể nào?*

*b. Tác giả biểu lộ tình cảm, cảm xúc gì?*

*c. Những từ ngữ nào diễn tả tình cảm, cảm xúc của tác giả làm em xúc động?*

*d. Em thấy chi tiết nào thú vị nhất?*

*Gợi ý trả lời:*

***Tác phẩm Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân***

a, Viết về vẻ đẹp hung bạo và trữ tình của con sông Đà của vùng Tây Bắc.

b, Tác giả biểu lộ sự tự hào, trân trọng trước sự hùng vĩ của dòng sông cũng như là sự cảm thán trước vẻ đẹp trữ tình nên thơ mà ít người khám phá ra được của nó.

c, Những từ ngữ diễn tả tình cảm, cảm xúc: “không ai nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn nghèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc”; “nhìn dòng sông Đà như một cố nhân”; “Hùng vĩ của Sông Đà”; “Tôi sợ hãi mà nghĩ đến”;……

d, Chi tiết thú vị: Tác giả tưởng tượng có một anh quay phim có thể vào trong quãng sông ấy để quay lại những thước phim để đời cho người xem thưởng thức.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

*Ngày soạn 1/1*

*Ngày dạy: 4/1(7d) 6/1(7c)*

**TIẾT 71: TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực**:

**\*** Năng lực riêng:

- Năng lực củng cố mở rộng kiến thức về đọc hiểu, và từ vựng.

- Năng lực củng cố thêm về tiếng Việt

- Năng lực đáng giá bài kiểm tra giữa kì cụ thể, công bằng, rõ ràng.

- Năng lực nhận xét về kiến thức, kỹ năng bài kiểm tra.

**\*** Năng lực chung:

Năng lực tư duy, nhận biết, hợp tác...

**2. Phẩm chất**: Tự giác trong tiết trả bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Kế hoạch dạy học, bài làm của học sinh

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\*Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

* GV yêu cầu HS nhớ lại câu hỏi của đề kiểm tra cuối kì I

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **a) Mục tiêu:** Qua giờ trả bài giúp ôn lại các kiến thức đã học trong HKI. Học sinh nhận ra đư­ợc những ư­u điểm, nh­ược điểm về nội dung và hình thức trình bày trong bài viết của mình có hướng khắc phục.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đọc lại đề, chữa đề.  *? Đề yêu cầu những nội dung gì?*  *?Em hãy đưa ra đáp án từng yêu cầu của đề?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đưa đáp án và thang điểm | **I. ĐỀ BÀI VÀ ĐÁP ÁN**  **(theo tiết 112, 113)** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Gv đặt câu hỏi:  *?Bài làm của em đạt ở mức độ nào?*  *?Có những câu nào em xác định sai?*  *?Em rút ra kinh nghiệm gì qua phần bài làm này?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thực hiện nhiệm vụ, trả lời :  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **GV nhận xét bài làm của học sinh:**  \*Ưu điểm:  - Một số bài làm nắm chắc kiến thức, trình bày đủ ý, diễn đạt lưu loát.  - Kiến thức tiếng Việt khá chắc.  - Nhiều bài chữ viết đẹp, trình bày rõ ràng, mạch lạc.  \*Nhược điểm:  - Một số bài làm sơ sài, trả lời còn chung chung, chưa đúng vào yêu cầu câu hỏi.  - Một số học sinh không xác định được yêu cầu câu hỏi, kiến thức tiếng Việt còn chưa chắc.  - Nhiều bài phần làm văn còn sơ sài, thiếu ý, diễn đạt lủng củng.  - Một số bài chữ viết xấu, chưa hoàn thành bài viết: Tuấn Linh, Đan, Hải.... | **II. NHẬN XÉT**  ***1. Ưu điểm***  ***2. Nhược điểm*** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn học sinh chữa lỗi trong bài viết**  GV trả bài  HS chữa lỗi trong bài viết của mình  HS trao đổi bài viết, tự kiểm tra theo cặp  GV kiểm tra một số bài viết đó chữa lỗi của học sinh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS xem lại bài làm, trao đổi bài với bạn để rút kinh nghiệm trong bài làm của mình  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV: đọc một số bài làm khá, giỏi | **III. Trả bài- chữa lỗi** |

*Ngày soạn: 3/1*

*Ngày dạy: 7/1/25( 7C,7D)*

**TIẾT 72: NÓI VÀ NGHE**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách trình bày ý kiến, trao đổi về một vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe.

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: Hãy kể tên những nét văn hóa truyền thống nơi em đang sinh sống.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  - Các nhóm luyện nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung**  \* Văn hóa truyền thống là vấn đề được nhiều người quan tâm.  - Một số vấn đề có thể chuẩn bị để trình bày ý kiến của mình:  + Thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại  + Việc sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống tròn đời sống sinh hoạt hằng ngày  + Giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống.  - Lập dàn ý cho bài nói:   |  | | --- | | Vấn đề em trình bày | | Lí do em trình bày về vấn đề này | | Những thông tin đáng quan tâm về vấn đề (nội dung thông tin và nguồn thông tin) | | Những hình ảnh mà em chia sẻ (trình chiếu) | | Ý kiến của em về vấn đề vấn đề được bàn | | Mong muốn của em và những giải pháp em đề xuất | | Trao đổi của em về các ý kiến thể hiện cách tiếp cận khác về vấn đề |   **2. Luyện tập**   |  |  | | --- | --- | | Tập luyện một mình | Tập luyện theo nhóm | | - B1: nhìn vào dàn ý để nói  - B2: không cần nhìn dàn ý để nói  - Chú ý: kiểm soát thời gian trình bày bài nói theo quy định hoặc dự kiến | Cần luân phiên vai trò người nói và người nghe, góp ý cho nhau về nội dung bài nói và cách biểu đạt bằng nét mặc và các ngôn ngữ hình thể  - Cần tập nêu câu hỏi và trả lời câu hỏi | |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: “***Sự quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vấn đề văn hóa truyền thống trong XH hiện đại”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Chào hỏi, giới thiệu và gợi dẫn vào vào vấn đề, nói khái quát vì sao em lựa chọn vấn đề đó.  - Có thể bắt đầu bằng một câu hỏi hoặc một hình ảnh, câu chuyện, tình huống… đểtạo không khí sinh động, hào hứng  **2. Triển khai**  - Lần lượt trình bày các ý được chuẩn bị sẵn trong đề cương bài nói  - Tránh quá tập trung vào một ý nào đó làm bố cục của bài nói bị mất cân đối, gây khó khăn cho việc đảm bảo thời gian nói theo quy định  - Sử dụng ngôn ngữ tự nhiên  - Quan sát những phản ứng của người nghe  - Sử dụng cử chỉ, điệu bộ và biểu lộ cảm xúc phù hợp với nội dung trình bày  - Các thao tác sử dụng bản trình chiếu (nếu có) phải được thực hiện gọn gàng, dứt khoát  ***3. Kết luận***  - Tóm lược nội dung đã trình bày  - Hướng người nghe vào các hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống  - Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  **Người nói**  . |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu:** “*Sự quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vấn đề văn hóa truyền thống trong XH hiện đại”*

**Bài nói tham khảo**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về sự quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vấn đề văn hóa truyền thống trong XH hiện đại. Bản sắc văn hóa dân tộc là giá trị cốt lõi nhất của nền văn hóa, thể hiện tâm hồn, cốt cách, tình cảm, lý trí, sức mạnh của dân tộc, tạo nên chất keo kết nối các cộng đồng người gắn bó, đoàn kết với nhau để cùng tồn tại và phát triển. Những giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc là một trong những động lực to lớn đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia dân tộc.

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam được hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước, giữ nước và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bản sắc văn hóa dân tộc là tổng hòa những giá trị văn hóa bền vững, phản ánh diện mạo, sắc thái, cốt cách, tâm hồn, tâm lý… của một dân tộc, được thường xuyên hun đúc, bổ sung và lan tỏa trong lịch sử dân tộc, trở thành tài sản tinh thần đặc sắc, tạo nên sức mạnh gắn kết cộng đồng và để phân biệt sự khác nhau giữa dân tộc này với dân tộc khác trong cộng đồng nhân loại.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực còn có mặt tiêu cực của nó đó là nguy cơ xói mòn, phai nhạt và biến dạng hệ thống giá trị trong bản sắc văn hóa dân tộc, sự ru nhập của lối sống tư sản, suy giảm thuần phong mĩ tục, sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Thanh niên là lực lượng xung kích, sáng tạo có vai trò quan trọng to lớn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, họ là lực lượng trực tiếp tham gia bảo vệ, giữ gìn, bổ sung, phát triển và quảng bá những giá trị bản sắc văn hóa dân tộc thông qua việc thực hiện nội dung, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, để phát huy vai trò của thanh niên với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay chúng ta phải thực hiện có hiệu quả một số nội dung, biện pháp cơ bản sau:……

Những giá trị tinh hoa văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được xây dựng và ghi nhận bởi những chiến công hi sinh thầm lặng của biết bao thế hệ người dân Việt Nam. Nó là kết tinh những gì là tinh túy nhất của dân tộc để rồi chính những giá trị đó lại lung linh tỏa sáng, soi sáng con đường chúng ta đi. Không chỉ bây giờ mà mãi mãi về sau những giá trị tinh hoa văn hóa của dân tộc sẽ là hành trang, động lực để cho thanh niên Việt Nam chúng ta tiến vào kỷ nguyên mới tô thắm nên truyền thống ngàn năm văn hiến của dân tộc.. ….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* chia 4 nhóm, tập nói trong thời gian 10 phút và cử 1 đại diện nhóm nên thực hiện bài nói.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: 19/12

Ngày dạy: 23,24/12( 7C,7D)

**TIẾT 63,64: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực riêng**

- HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong học kì I để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong tiết ôn tập.

- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: mở rộng thành phẩn chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; biện pháp tu từ nói giảm nói tránh; đặc điểm và chức năng của số từ, phó từ; ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh; phương ngữ.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: biết sử dụng hệ thống ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng cá nhân một cách tự tin trong từng bối cảnh và đối tượng; thể hiện được thái độ biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề: thu thập và phân tích ngữ liệu, chọn phương án tối ưu và biện giải về sự chọn lựa.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, học, làm bài tập.

- Trách nhiệm: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học được giao

- Trung thực: Tự giác và báo cáo trung thực việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, đảm bảo mỗi sản phẩm học tập đều do bản thân hs thực hiện, không sao chép hay cop py bài bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài học.

- Thiết bị: Máy tính, ti vi

- Soạn bài.

- Thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung của bài ôn tập.

**b) Nội dung:** GV gợi mở kiến thức mới cho HS.

**c) Sản phẩm:** HS làm việc nghiêm túc, tích cực.

**d)Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nhắc lại những chủ đề đã học trong học kì I và yêu cầu các em vẽ sơ đồ tư duy hệ thống lại những văn bản, kiến thức thực hành tiếng việt, kiến thứ về các kiểu bài viết, bài nói đã học ra khổ giấy lớn theo từng nhóm nhỏ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện một số nhóm lên trình bày sơ đồ của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét và đánh giá thái độ làm việc của các nhóm và dẫn vào bài học Ôn tập: *Vậy là chúng ta đã được học những kiến thức của chương trình kì I Ngữ Văn 7 rồi. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi ôn tập lại những kiến thức đã học trong học để củng cố, nắm chắc tri thức ngữ văn qua việc giải quyết các bài tập trong sách nhé!*

**HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP**

**A. Ôn tập kiến thức**

***a) Mục tiêu:***Rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức và hướng dẫn của GV để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

***b) Nội dung:***

***-*** HS trình bày được thể loại, nội dung, nghệ thuật nổi bật của các văn bản tiêu biểu trong các bài đã học.

[- Thực hành viết các kiểu bài tóm tắt văn bản; tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ; phân tích đặc điểm nhân vật; viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc; viết văn bản tường trình.](https://vietjack.me/em-da-thuc-hanh-viet-cac-kieu-bai-tom-tat-van-ban-tap-lam-tho-bon-chu-79933.html)

- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: mở rộng thành phẩn chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; biện pháp tu từ nói giảm nói tránh; đặc điểm và chức năng của số từ, phó từ; ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh; phương ngữ.

***c) Sản phẩm:***  Các sản phảm của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

**Nhiệm vụ 1:** [**Câu 1 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/trong-hoc-ki-i-em-da-hoc-cac-baibau-troi-tuoi-tho-khuc-nhac-tam-hon-co-79930.html)

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- [Trong học kì I, em đã học các bài *Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước, Màu sắc trăm miền.* Hãy chọn mỗi bài một văn bản mà em xác định là tiêu biểu cho chủ đề và thể loại của bài học và lập bảng vào vở theo phiếu học tập sau:](https://vietjack.me/trong-hoc-ki-i-em-da-hoc-cac-baibau-troi-tuoi-tho-khuc-nhac-tam-hon-co-79930.html)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài | Văn bản | Tác giả | Thể loại | Đặc điểm nổi bật | |
|  |  |  |  | Nội dung | Nghệ thuật |
|  |  |

*-* GV chia lớp thành 5 nhóm và yêu cầu HS hoạt động nhóm

+ Nhóm 1: Bài Bầu trời tuổi thơ

+ Nhóm 2 : Bài Khúc nhạc tâm hồn

+ Nhóm 3 : Bài Cội nguồn yêu thương,

+ Nhóm 4: Bài Giai điệu đất nước

+ Nhóm 5: Bài Màu sắc trăm miền

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HĐ nhóm

- Hoàn thiện sản phẩm: Trên phiếu học tập

**Bước 3 Báo cáo thảo luận**

- Đại diện nhóm thuyết trình sản phẩm .

- Nhóm khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4. Đánh giá, kết luận.**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- Chuẩn kiến thức

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| *Bầu trời tuổi thơ* | Ngàn sao làm việc | Võ Quảng | Thơ 5 chữ | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| Bài thơ đã khắc họa khung cảnh bầu trời đêm lung linh huyền diệu với những ngôi sao đang cần mẫn làm việc miệt mài. | Bài thơ được viết theo thể 5 chữ, giàu tưởng tượng, gần gũi với tuổi thơ. |
| *Khúc nhạc tâm hồn* | Đồng dao mùa xuân | Nguyễn Khoa Điềm | Thơ 4 chữ | Khắc họa hình ảnh người lính bỏ cả gia đình, tuổi thanh xuân của mình để tham gia chiến đấu vì quê hương, đất nước. | Bài thơ được viết theo thể thơ 4 chữ, BPTT liệt kê, điệp ngữ, với nhiều hình ảnh ẩn dụ giàu sức tưởng tượng phong phú |
| *Cội nguồn yêu thương* | Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ | Nguyễn Ngọc Thuần | Truyện dài | Tác phẩm đưa ra một cách cảm nhận thiên nhiên xung quanh ta: cảm nhận bằng mọi giác quan. Đồng thời gửi đến thông điệp về món quà và cách gửi quà, nhận quà. Qua đó cho thấy tình yêu thiên nhiên, tình cha con và tình cảm với những "món quà" của các nhân vật. | Sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ độc đáo. |
| *Giai điệu đất nước* | Mùa xuân nho nhỏ | Thanh Hải | Thơ 5 chữ | Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. | - Bài thơ được viết theo thể thơ 5 chữ  - Hình ảnh thơ đẹp, giản dị mà gần gũi.  - BPTT so sánh, ẩn dụ độc đáo. |
| *Màu sắc trăm miền* | Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt | Vũ Bằng | Tùy bút | Cảnh sắc thiên nhiên, không khí mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được cảm nhận, tái hiện trong nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê. Bài tùy bút đã biểu lộ chân thực và cụ thể tình quê hương, đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa của tác giả. | - Sử dụng nhiều hình ảnh độc đáo, giàu tính biểu cảm  - BPTT so sánh, liên tưởng độc đáo. |

**Nhiệm vụ 2:** [**Câu 2 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1):** Em đã thực hành viết các kiểu bài tóm tắt văn bản; tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ; phân tích đặc điểm nhân vật; viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc; viết văn bản tường trình.](https://vietjack.me/em-da-thuc-hanh-viet-cac-kieu-bai-tom-tat-van-ban-tap-lam-tho-bon-chu-79933.html)

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** [Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây](https://vietjack.me/em-da-thuc-hanh-viet-cac-kieu-bai-tom-tat-van-ban-tap-lam-tho-bon-chu-79933.html)

[a. Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.](https://vietjack.me/em-da-thuc-hanh-viet-cac-kieu-bai-tom-tat-van-ban-tap-lam-tho-bon-chu-79933.html)

[b. Tóm tắt một văn bản mà em đã đọc, đã học. Chọn một trong hai hình thức thể hiện sau:](https://vietjack.me/em-da-thuc-hanh-viet-cac-kieu-bai-tom-tat-van-ban-tap-lam-tho-bon-chu-79933.html)

[- Tóm tắt văn bản theo hình thức đoạn văn.](https://vietjack.me/em-da-thuc-hanh-viet-cac-kieu-bai-tom-tat-van-ban-tap-lam-tho-bon-chu-79933.html)

[- Tóm tắt văn bản bằng hình thức bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.](https://vietjack.me/em-da-thuc-hanh-viet-cac-kieu-bai-tom-tat-van-ban-tap-lam-tho-bon-chu-79933.html)

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HĐ nhóm

- Thuyết trình sản phẩm

**Bước 3 Báo cáo thảo luận**

- Đại diện nhóm thuyết trình sản phẩm .

- Nhóm khác theo dõi và nhận xét

**Bước 4. Đánh giá, kết luận.**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- Chuẩn kiến thức

**a. Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài:**

***\* Viết các kiểu bài tóm tắt văn bản:***

- Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc

- Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc

- Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc

- Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt

***\* Tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ:***

- Xác định đề tài và cảm xúc.

- Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc.

- Tập gieo vần.

***\* Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ:***

- Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.

- Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.

- Khái quát được cảm xúc về bài thơ.

***\* Phân tích đặc điểm nhân vật:***

- Mở bài: giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

- Thân bài: phân tích đặc điểm của nhân vật

+ Nhân vật đó xuất hiện như thế nào?

+ Các chi tiết miêu tả hành động của nhân vật đó.

+ Ngôn ngữ của nhân vật

+ Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật như thế nào?

+ Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác

- Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh gái về nhân vật

***\* Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc:***

- Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.

- Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng

sâu đậm trong em.

- Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.

- Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.

***\* Viết văn bản tường trình:***

*B1. Trước khi viết*

- Hình dung lại mọi chuyện đã xảy ra theo những gì em biết và còn nhớ rõ

- Nếu vụ việc được tường trình chỉ mang tính chất giả định, hãy chú ý đến tư cách tường trình của bản thân, thông qua việc tự đặt các câu hỏi

- Để xác định được những thông tin cụ thể cho bản tường trình, em có thể nghĩ đến những vụ việc thường xẩy ra như: mất xe đạp nơi gửi xe của trường; làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc được giao; khởi xướng một cuộc dã ngoại với các bạn trong lớp khi chưa xin phép gia đình…

*B2. Viết bản tường trình*

- Viết phần mở đầu theo đúng thể thức

- Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc

- Đề tên người hoặc cơ aun nhận bản tường trình

- Trình bày vụ việc ngắn gọn như rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gain, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại… Cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc

- Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình

- Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị

- Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy

*B3. Chỉnh sửa bản tường trình*

Dựa vào phần Thể thức của văn bản tường trình để tự rà soát và chỉnh sửa:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung rà soát** | **Hướng dẫn chỉnh sửa** |
| Tên văn bản đã phản ánh đúng nội dung chính được tường trình chưa? | Nếu chưa phải sửa lại cho phù hợp. |
| Sự việc tường trình đã đầy đủ, cụ thể chưa? | Nếu thấy chi tiết nào thừa thì lưowc bỏ, chi tiết nào thiếu thì bổ sung. Cần sắp xếp các chi tiết theo một trình tự hợp lí. |
| Tư cách, vai trò của bản thân trong vụ việc đã xác định rõ ràng chưa? | Nếu chưa, cần sửa lại để làm rõ, bản thân là người gây hậu quả hay chịu hậu quả, là người phải chịu trách nhiệm hay người làm chứng. |
| Có chỗ nào diễn đạt như văn nói không? | Loại bỏ từ ngữ địa phương, lời nói mang tính chất khẩu ngữ, những tiếng lóng (nếu có). |
| Hình thức bản tường trình đã được trình bày đúng quy cách chưa? | Chỉnh sửa theo thể thức của vb tường trình đã giới thiệu và bản tường trình tham khảo ở trên. |

**b. Tóm tắt văn bản Thánh Gióng trong Ngữ văn 6, tập hai.**

      Đời Hùng Vương thứ sáu, làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ, phúc đức nhưng không có con. Một hôm bà vợ ra đồng ướm vào vết chân to, về nhà thụ thai. Mười hai tháng sau sinh cậu con trai khôi ngô. Lên ba tuổi mà chẳng biết đi, không biết nói cười. Giặc xâm lược, nhà vua chiêu mộ người tài, cậu bé cất tiếng nói yêu cầu vua rèn roi sắt, áo giáp sắt, ngựa sắt để đánh giặc. Cậu ăn khỏe, lớn nhanh như thổi. Cả làng phải góp gạo nuôi. Giặc đến, chú bé vùng dậy, vươn vai biến thành tráng sĩ, giáp sắt, ngựa sắt, roi sắt xông ra đánh tan giặc, roi sắt gãy tráng sĩ nhổ những cụm tre quật giặc. Tráng sĩ một mình một ngựa, lên đỉnh núi cởi bỏ giáp sắt cùng ngựa bay lên trời. Nhân dân nhớ ơn lập đền thờ, giờ vẫn còn hội làng Gióng và các dấu tích ao hồ.

cởi bỏ giáp sắt cùng ngựa bay lên trời. Nhân dân nhớ ơn lập đền thờ, giờ vẫn còn hội làng Gióng và các dấu tích ao hồ.

**Nhiệm vụ 3:** [**Câu 3 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/neu-nhung-gi-ma-em-da-thuc-hanh-noi-va-nghe-o-moi-bai-hoc-trong-hoc-ki-79937.html)

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Nêu những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài học trong học kì vừa qua. Những nội dung này có liên quan như thế nào với những gì em đã đọc hoặc viết?

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HĐ cá nhân

- Thuyết trình sản phẩm

**Bước 3 Báo cáo thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm .

- HS khác theo dõi và nhận xét bài thuyết trình

**Bước 4. Đánh giá, kết luận.**

- Giáo viên nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Chuẩn kiến thức

***- Những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe:***

+ Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.

+ Trình bày suy nghĩ về một vấn đề trong đời sống.

+ Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

+ Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện nay

***- Những nội dung này sẽ giúp em rất nhiều với những gì em đã được đọc, viết:***

+ Rút ra bài học kinh nghiệm sau mỗi bài học.

+ Biết cách tóm tắt văn bản

+ Biết cách viết đoạn văn bày tỏ cảm xúc sau khi học xong tác phẩm….

**Nhiệm vụ 4:** [**Câu 4 (trang 130 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/tom-tat-kien-thuc-tieng-viet-ma-em-da-hoc-trong-hoc-ki-i-theo-mau-sau-79941.html)

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Tóm tắt kiến thức tiếng Việt mà em đã học trong học kì I theo mẫu (SGK)

*-* GV chia lớp thành 5 nhóm và yêu cầu HS hoạt động nhóm

+ Nhóm 1: Bài Bầu trời tuổi thơ

+ Nhóm 2 : Bài Khúc nhạc tâm hồn

+ Nhóm 3 : Bài Cội nguồn yêu thương,

+ Nhóm 4: Bài Giai điệu đất nước

+ Nhóm 5: Bài Màu sắc trăm miền

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HĐ nhóm

- Hoàn thiện sản phẩm: Trên giấy

**Bước 3 Báo cáo thảo luận**

- Đại diện nhóm thuyết trình sản phẩm .

- Nhóm khác theo dõi và nhận xét bài thuyết trình

**Bước 4. Đánh giá, kết luận.**

- Giáo viên nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Trình chiếu bảng chuẩn kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài** | **Kiến thức tiếng Việt** |
| *Bầu trời tuổi thơ* | Mở rộng trạng ngữ trong câu bằng cụm từ.  Trạng ngữ trong câu có thể là từ hoặc cụm từ, nhờ mở rộng bằng cụm từ, trạng ngữ cung cấp thông tin cụ thể hơn về không gian, thời gian...  **Ví dụ:**  *- Buổi sáng, cả khu vườn thơm ngát hương hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh và hoa bạc hà, thật mát lành.*  *- Buổi sáng mùa xuân, cả khu vườn thơm ngát hương hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh và hoa bạc hà, thật mát lành.*       Từ*mùa xuân*mở rộng cho từ*buổi sáng,*làm rõ hơn thời gian của sự việc được nêu trong câu.  **Từ láy**  Từ láy là loại từ được tạo thành từ hai tiếng trở lên. Các tiếng có cấu tạo giống nhau hoặc tương tự nhau về vần, tiếng đứng trước hoặc tiếng đúng sau.  **Ví dụ:**  *- Trời mưa****xối xả****.*=> Từ láy bộ phần.  *- Sấm chớp****ầm ầm****.*=> Từ láy hoàn toàn.  **Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:**  Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm C – V, làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng.  **Ví dụ:**  **Lá rơi** cũng có thể khiến người ta giật mình. => **Một tiếng lá rơi lúc này** cũng có thể khiến người ta giật mình.  => Câu trên được mở rộng thành phần chủ ngữ giúp cho câu văn sinh động và đầy đủ hơn. |
| *Khúc nhạc tâm hồn* | **Nói giảm nói tránh**  Nói giảm, nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.  **Ví dụ**  *Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!*  *Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời*  (**Bác ơi!** – Tố Hữu)  - Để tránh cảm giác đau buồn, nặng nề, tác giả dùng từ “đi” cho ý thơ thêm tế nhị để nói về việc Bác Hồ kính yêu đã không còn nữa.  **Nghĩa của từ ngữ**  Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị.  **Ví dụ:**  - **Trường học** là một cơ quan được lập ra nhằm giáo dục cho học sinh dưới sự giám sát của giáo viên.  **Nhân hóa**  Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật trở nên gần gũi với con người, biểu thị những suy nghĩ, tình cảm của con người.  **Ví dụ**  - **Ông** Mặt Trời vừa thức giấc, chim muông đã hót líu lo trên những cánh đồng vàng.  - **Chị** Gió ơi **chị** Gió ơi! Cho em đi làm mưa với!  **Điệp từ**  Điệp từ, điệp ngữ là một biện pháp tu từ trong văn học chỉ việc lặp đi, lặp lại một từ hoặc một cụm từ, nhằm nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê, ... để làm nổi bật vấn đề khi muốn nói đến.  **Ví dụ**  Điệp ngữ cách quãng:  *“…****Nhớ sao****lớp học i tờ*  *Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan*  ***Nhớ sao****ngày tháng cơ quan*  *Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo*  ***Nhớ sao****tiếng mõ rừng chiều*  *Chày đêm nện cối đều đều suối xa…”*  **Liệt kê**  Liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng, tình cảm.  **Ví dụ**  *Bầu khí quyển ngày càng nghiêm trọng:****các hợp chất của các-bon làm ô nhiễm, tầng ô-zôn bao bọc trái đất bị chọc thủng, các tia tử ngoại xâm nhập vào các dòng khí quyển xuống mặt đất****…* |
| *Cội nguồn yêu thương* | **Số từ**  Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật. Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ. Khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ.  **Ví dụ**  - Con lợn ấy nặng cả trăm cân chứ không ít.  - Học giỏi nhất lớp tôi là bạn lớp phó học tập.  **Phó từ**  Phó từ là những từ chuyên đi kèm các động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.  **Ví dụ**  - Chiếc xe bố vừa mua cho tôi **rất** đẹp và phong cách.  - Tôi **vô cùng** ngưỡng mộ bạn lớp trưởng lớp tôi. |
| *Giai điệu đất nước* | **Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**  Tùy vào từng ngữ cảnh được nhắc tới mà các từ ngữ có thể mang nhiều nghĩa khác nhau.  **Ví dụ**  - Từ “thơm” trong từ “thơm ngon” mang nghĩa là mùi hương hấp dẫn.  - Từ “thơm” trong từ “người thơm” mang nghĩa là con người có phẩm chất đẹp đẽ.  **So sánh**  So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **Ví dụ**  + *Những ngôi sao thức ngoài kia*  ***Chẳng bằng****mẹ đã thức vì chúng con*   + *Cô giáo em hiền****như****cô tiên.* |
| *Màu sắc trăm miền* | **Dấu gạch ngang**  Dấu gạch ngang (–) là một dấu câu có hình dạng tương tự dấu gạch nối và dấu trừ nhưng khác với các ký hiệu này về chiều dài và trong một số phông chữ, chiều cao trên đường cơ sở.  **Ví dụ**  **- VD 1:** Đánh dấu bộ phận chú thích  Lan – lớp trưởng lớp tôi đã đạt giải nhất trong kì thi này.  **- VD 2:** Đánh dấu lời nói trực tiếp  Bố thường bảo với tôi rằng:  - Con muốn trở thành một người có ích thì trước tiên con phải là một cậu bé ngoan, biết yêu thương mọi người.  **Từ ngữ địa phương**  Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.  **Ví dụ**  - U (mẹ), mô (đâu), tía (cha), quả thơm (quả dứa)… |

**B. Luyện tập tổng hợp**

***a) Mục tiêu:***Rèn luyện kĩ năng vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

***b) Nội dung:***Gv đưa ra đề yêu cầu học sinh làm vào vở

***c) Sản phẩm:***Bài làm của học sinh

***d) Tổ chức thực hiện:***

**\* NV1: Phiếu học tập số 1 (SGK)**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Đọc văn bản *Rừng cháy*

- Thực hiện các yêu cầu (SGK)

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HĐ cá nhân

- Thuyết trình sản phẩm

**Bước 3 Báo cáo thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm .

- HS khác theo dõi và nhận xét bài thuyết trình

**Bước 4. Đánh giá, kết luận.**

- Giáo viên nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Chuẩn kiến thức

**1. Đọc**

**a. Đọc văn bản: Rừng cháy**

**b. Chọn phương án đúng**

**Câu 1 (trang 133 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**

[Đề tài chính được tác giả khai thác trong văn bản là gì?](https://vietjack.me/de-tai-chinh-duoc-tac-gia-khai-thac-trong-van-ban-la-gi-79948.html)

[A. Thiên nhiên vùng rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp](https://vietjack.me/de-tai-chinh-duoc-tac-gia-khai-thac-trong-van-ban-la-gi-79948.html)

[B. Thiên nhiên và cuộc sống con người vùng rừng tràm Nam Bộ](https://vietjack.me/de-tai-chinh-duoc-tac-gia-khai-thac-trong-van-ban-la-gi-79948.html)

[C. Nạn cháy rừng và những nguy cơ về môi trường vùng rừng tràm Nam Bộ](https://vietjack.me/de-tai-chinh-duoc-tac-gia-khai-thac-trong-van-ban-la-gi-79948.html)

[D. Cuộc sống nơi rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp](https://vietjack.me/de-tai-chinh-duoc-tac-gia-khai-thac-trong-van-ban-la-gi-79948.html)

**Trả lời:** Đáp án đúng: D

Cuộc sống nơi rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

**Câu 2 (trang 133 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**

[Giữa người kể chuyện và các sự việc trong câu chuyện có mối quan hệ như thế nào?](https://vietjack.me/giua-nguoi-ke-chuyen-va-cac-su-viec-trong-cau-chuyen-co-moi-quan-he-nh-79953.html)

[A. Người kể chuyện là người chứng kiến các sự việc đã xảy ra.](https://vietjack.me/giua-nguoi-ke-chuyen-va-cac-su-viec-trong-cau-chuyen-co-moi-quan-he-nh-79953.html)

[B. Người kể chuyện là một nhân vật trong tác phẩm.](https://vietjack.me/giua-nguoi-ke-chuyen-va-cac-su-viec-trong-cau-chuyen-co-moi-quan-he-nh-79953.html)

[C. Người kể chuyện vừa chứng kiến vừa trực tiếp tham gia vào sự việc.](https://vietjack.me/giua-nguoi-ke-chuyen-va-cac-su-viec-trong-cau-chuyen-co-moi-quan-he-nh-79953.html)

[D. Người kể chuyện được nghe kể lại từ lời một nhân vật khác.](https://vietjack.me/giua-nguoi-ke-chuyen-va-cac-su-viec-trong-cau-chuyen-co-moi-quan-he-nh-79953.html)

**Trả lời:** Đáp án đúng: C.

Người kể chuyện vừa chứng kiến vừa trực tiếp tham gia vào sự việc.

**c. Thực hiện bài tập**

**Câu 1 (trang 133 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1):**[Nêu những chi tiết tiêu biểu giúp em nhận biết thời gian, không gian của các sự việc xảy ra trong câu chuyện.](https://vietjack.me/neu-nhung-chi-tiet-tieu-bieu-giup-em-nhan-biet-thoi-gian-khong-gian-cu-79955.html)

**Trả lời:** Những chi tiết tiêu biểu giúp em nhận biết thời gian, không gian của các sự việc xảy ra trong câu chuyện là: *quanh co trong rừng, một giờ sau, chỗ cây tràm, những ngày nắng ráo, rừng khô…*

**Câu 2 (trang 133 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**

[Tóm tắt nội dung câu chuyện (khoảng 7 – 10 câu).](https://vietjack.me/tom-tat-noi-dung-cau-chuyen-khoang-7-10-cau-79960.html)

**Trả lời:**  Tác phẩm đã khắc họa cuộc sống nơi rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp của cha con cậu bé An. Truyện vẽ nên khung cảnh rừng khô hoang sơ, kì vĩ đã chở che, tạo nên những cảm xúc êm dịu trong lòng con người nơi đây. Nhưng khung cảnh đẹp đẽ không tồn tại được bao lâu khi giặc Pháp kéo đến tàn phá khu rừng. Từng đợt bom cứ vô tình phòng xuống, phá hoại tất cả. Hai cha con bé An hốt hoảng bỏ chạy khỏi sự tàn phá. Thú trong rừng cũng thi nhau chạy để tìm sự sống cho mình để lại trong lòng An là những buồn lo, mải miết và sự tiếc nuối về khu rừng nhiều kỉ niệm.

**Câu 3 (trang 133 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**

[Các sự việc trong câu chuyện được kế theo trình tự nào?](https://vietjack.me/cac-su-viec-trong-cau-chuyen-duoc-ke-theo-trinh-tu-nao-79966.html)

**Trả lời:** Các sự việc trong câu chuyện được kể theo trình tự thời gian.

**Câu 4 (trang 133 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**

[Tìm những chi tiết tiêu biểu thể hiện tính cách của nhân vật người cha – tía nuôi của cậu bé An.](https://vietjack.me/tim-nhung-chi-tiet-tieu-bieu-the-hien-tinh-cach-cua-nhan-vat-nguoi-cha-79971.html)

**Trả lời:** Những chi tiết tiêu biểu thể hiện tính cách của nhân vật cha- tía nuôi của cậu bé An là:

- An ơi, nằm xuống mau. Nó thả cái gì đen đen xuống kia. Nó thả…- Tía tôi nói chưa dứt câu, vội đẩy tôi nằm dí xuống cỏ…

- An ơi! Chưa bao giờ tôi nghe ông kêu to như vậy, một thứ tiêng kêu rụng rời, đầy khủng khiếp, kinh hoàng.

+ Tía nuôi tôi tay vớ chiếc nỏ, tay lôi tôi nhỏm dậy.

→ Tía nuôi của cậu bé An là một người ấm áp, giàu tình yêu thương, dù An là con nuôi nhưng Tía đã dành hết tình yêu thương của mình cho An.

**2. Viết**

[**Đề bài:** Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) phân tích đặc điểm nhân vật người cha – tía nuôi của cậu bé An.](https://vietjack.me/viet-doan-van-phan-tich-dac-diem-nhan-vat-nguoi-cha-tia-nuoi-cua-cau-b-53991.html)

**Đoạn văn tham khảo**

Nhân vật người tía trong đoạn trích “Rừng cháy” là một nông dân Nam Bộ đã góp phần tạo nên linh hồn của câu chuyện. Giữa cái nền thiên nhiên hùng vĩ, hoang sơ, con người xuất hiện với sự chân thật, đôn hậu như tạo nên cái hồn cho văn bản. Người tía trong văn bản xuất hiện qua những lần tất tả, vội vã lôi đứa con trai nuôi tháo chạy khỏi bom mìn, lửa đạn. Ở đây, ta thấy thấm đẫm tấm lòng nhân hậu, chất phác, bình dị của con người Nam Bộ. An không phải là con ruột của người tía nuôi, nhưng có lẽ ở bên cạnh tía, An phần nào cảm thấy vơi bớt đi những tủi hờn, khốn khổ của đứa trẻ mồ côi giữa những ngày chiến trinh lửa đạn. Những tiếng gọi rụng rời, đầy khủng khiếp, kinh hoàng của người cha trong những lần có bom giật khiến người đọc không khỏi xốn xang vì sự tàn ác của chiến tranh và cũng cảm phục tấm lòng yêu thương nơi người cha nghèo khổ. Nỗi đau, nỗi nhớ thương và mất mát... do quân giặc đem đến cho người cha, cho An, cho nhân dân trên khắp mọi miền đất nước ta có bao giờ nguôi! Và chính trong những nỗi đau ấy, có những thứ tình cảm đã sưởi ấm con tim của đồng loại, đã làm cho người ta vơi đi được phần nào đớn đau, mất mát, đó chính là sự cưu mang. Người cha trong văn bản đã khiến người đọc ấm lòng vì tính cách khẳng khái, trái tim yêu thương, đôn hậu. Có thể nói, con người và thiên nhiên trong đoạn trích “Rừng cháy” đã cùng nhau song hành để tạo nên bản anh hùng ca về một dân tộc mạnh mẽ, kiên cường.

**3. Nói và nghe**

**Câu hỏi (trang 133 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1):**

[Trình bày tóm tắt một văn bản truyện em tự tìm đọc có nội dung gần gũi với những văn bản đã học.](https://vietjack.me/trinh-bay-tom-tat-mot-van-ban-truyen-em-tu-tim-doc-co-noi-dung-gan-gui-79976.html)

**Trả lời:**

- Văn bản “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng

- Tóm tắt:

Ông Sáu rời nhà đi kháng chiến từ khi con gái còn nhỏ, chỉ được thấy con qua tấm ảnh nhỏ. Suốt những năm tháng sống ở chiến trường, không lúc nào ông Sáu nguôi ngoai nỗi nhớ về con gái. Ba ngày được về nghỉ phép, ông Sáu nôn nao được trông thấy con, vội vàng, cuống quít. Nhưng đến khi về tới nhà, bé Thu, con gái ông, lại không nhận ra ba mình bởi vết thẹo trên mặt ông Sáu do chiến tranh để lại. Suốt ba ngày, ông Sáu cố gắng gần gũi, vỗ về con nhưng càng lại gần thì con gái càng đẩy ông ra. Đến lúc con bé không nghe lời, ông Sáu vung tay đánh vào mông nó, bé Thu bỏ về nhà ngoại. Đến khi bé Thu nhận ba thì cũng là lúc ông Sáu phải vào chiến trường. Trước khi chia tay ba, bé Thu muốn ba mua cho mình một chiếc lược khi ba trở về. Trở lại chiến trường, nỗi nhớ con càng đau đáu, ông Sáu nhớ lời hứa với con gái, lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ làm cho con một chiếc lược. Nhưng chưa kịp trở về đưa chiếc lược tận tay con gái thì ông Sáu đã hi sinh ở chiến trường. Chiếc lược ông gửi lại cho người đồng đội là ông Ba, nhờ đưa cho con gái mình, rồi mới nhắm mắt đi xuôi.

**\* NV2: Phiếu học tập số 2 (SGK)**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Đọc đoạn thơ

- Thực hiện các yêu cầu (SGK)

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HĐ cá nhân

- Thuyết trình sản phẩm

**Bước 3 Báo cáo thảo luận**

- HS thuyết trình sản phẩm .

- HS khác theo dõi và nhận xét bài thuyết trình

**Bước 4. Đánh giá, kết luận.**

- Giáo viên nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Chuẩn kiến thức

**1. Đọc**

**a. Đọc đoạn thơ**

tôi yêu đất nước này áo rách

căn nhà dột phên không ngăn nổi gió

vẫn yêu nhau trong từng hơi thở

lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài

thắp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai

tôi yêu đất nước này như thế.

như yêu cây cỏ ở trong vườn

như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương

nuôi tôi thành người hôm nay

yêu một giọng hát hay

có bài mái đẩy thơm hoa dại

có sau câu vọng cổ chứ chan

có ba ông táo thờ trong bếp

**b. Chọn phương án đúng**

[**Câu 1 (trang 134 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/cach-trinh-bay-cac-dong-tho-trong-doan-trich-co-gi-dac-biet-80234.html)

[Cách trình bày các dòng thơ trong đoạn trích có gì đặc biệt?](https://vietjack.me/cach-trinh-bay-cac-dong-tho-trong-doan-trich-co-gi-dac-biet-80234.html)

[A. Không sử dụng dấu chấm, dấu phẩy trong các dòng thơ](https://vietjack.me/cach-trinh-bay-cac-dong-tho-trong-doan-trich-co-gi-dac-biet-80234.html)

[B. Không viết hoa tên riêng trong các dòng thơ](https://vietjack.me/cach-trinh-bay-cac-dong-tho-trong-doan-trich-co-gi-dac-biet-80234.html)

[C. Không viết hoa tiếng mở đầu, không sử dụng dấu câu](https://vietjack.me/cach-trinh-bay-cac-dong-tho-trong-doan-trich-co-gi-dac-biet-80234.html)

[D. Không sử dụng dấu chấm, dấu phẩy cuối dòng thơ](https://vietjack.me/cach-trinh-bay-cac-dong-tho-trong-doan-trich-co-gi-dac-biet-80234.html)

**Trả lời:** Đáp án đúng: C.

Không viết hoa tiếng mở đầu, không sử dụng dấu câu.

[**Câu 2 (trang 134 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1):**Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong từ ngữ in đậm sau đây: “Tôi yêu đất nước này **áo rách**”?](https://vietjack.me/bien-phap-tu-tu-nao-duoc-su-dung-trong-tu-ngu-in-dam-sau-day-toi-yeu-d-80238.html)

[A. Nhân hoá](https://vietjack.me/bien-phap-tu-tu-nao-duoc-su-dung-trong-tu-ngu-in-dam-sau-day-toi-yeu-d-80238.html)

[B. Hoán dụ](https://vietjack.me/bien-phap-tu-tu-nao-duoc-su-dung-trong-tu-ngu-in-dam-sau-day-toi-yeu-d-80238.html)

[C. Nói giảm nói tránh](https://vietjack.me/bien-phap-tu-tu-nao-duoc-su-dung-trong-tu-ngu-in-dam-sau-day-toi-yeu-d-80238.html)

[D. So sánh](https://vietjack.me/bien-phap-tu-tu-nao-duoc-su-dung-trong-tu-ngu-in-dam-sau-day-toi-yeu-d-80238.html)

**Trả lời:** Đáp án đúng là: C.

**c. Thực hiện bài tập**

[**Câu 1 (trang 134 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/tinh-cam-cua-nha-tho-voi-dat-nuoc-duoc-the-hien-dam-net-o-nhung-tu-ngu-80243.html)

[Tình cảm của nhà thơ với đất nước được thể hiện đậm nét ở những từ ngữ, hình ảnh, dòng thơ nào?](https://vietjack.me/tinh-cam-cua-nha-tho-voi-dat-nuoc-duoc-the-hien-dam-net-o-nhung-tu-ngu-80243.html)

**Trả lời:** Tình cảm của nhà thơ với đất nước được thể hiện đậm nét ở những từ ngữ, hình ảnh, dòng thơ: *tôi yêu đất nước này áo rách, yêu nhau trong từng hơi thở, thương cây nhớ cội hoài, tôi yêu đất nước này như thế.*

[**Câu 2 (trang 134 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/hinh-anh-dat-nuoc-hien-len-nhu-the-nao-trong-cam-nhan-cua-nha-tho-80246.html)

[Hình ảnh đất nước hiện lên như thế nào trong cảm nhận của nhà thơ?](https://vietjack.me/hinh-anh-dat-nuoc-hien-len-nhu-the-nao-trong-cam-nhan-cua-nha-tho-80246.html)

**Trả lời:**

- Trong cảm nhận của nhà thơ, hình ảnh đất nước được hiện lên vô cùng giản dị, gần gũi tuy “*nhà dột phên không ngăn nổi gió*” nhưng “*vẫn yêu nhau trong từng hơi thở”.*

- Đất nước còn gắn liền với những hình ảnh thân thương gần gũi của thiên nhiên, con người: *như yêu cây cỏ ở trong vườn/ như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương/ nuôi tôi thành người hôm nay*

- Đất nước gắn liền với những nét văn hóa đẹp đẽ: âm nhạc dân gian (mái đẩy, vọng cổ), tục lệ thờ cúng ông Táo của người dân.

[**Câu 3 (trang 134 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/xac-dinh-va-neu-tac-dung-cua-bien-phap-tu-tu-duoc-su-dung-trong-dong-t-80248.html)

[Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ “lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài”.](https://vietjack.me/xac-dinh-va-neu-tac-dung-cua-bien-phap-tu-tu-duoc-su-dung-trong-dong-t-80248.html)

**Trả lời:** BPTT được sử dụng là ẩn dụ, “cây” và “cội” là hình ảnh biểu tượng cho quê hương, đất nước, những điều giản dị mà thân thuộc tác giả sẽ không bao giờ quên

[**Câu 4 (trang 134 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1)**](https://vietjack.me/cac-dong-tho-can-nha-dot-phen-khong-ngan-noi-gio-van-yeu-nhau-trong-tu-80249.html)

[Các dòng thơ “căn nhà dột phên không ngăn nổi gió/ vẫn yêu nhau trong từng hơi thở" gợi cho em những liên tưởng gì về đất nước, con người Việt Nam?](https://vietjack.me/cac-dong-tho-can-nha-dot-phen-khong-ngan-noi-gio-van-yeu-nhau-trong-tu-80249.html)

**Trả lời:** Chỉ với hai câu thơ nhưng lại gợi lên trong em rất nhiều liên tưởng, đất nước Việt Nam thuở đó nghèo khó, đến nhà còn dột, phên không ngăn nổi gió nhưng giữa ngàn khó khăn trắc trở đó thì con người vẫn dạt dào, tràn ngập yêu thương.

**2. Viết**

[**Đề bài**: Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) nêu cảm nhận của em về tình cảm của nhà thơ với đất nước, con người được bộc lộ trong đoạn trích trên.](https://vietjack.me/viet-doan-van-neu-cam-nhan-cua-em-ve-tinh-cam-cua-nha-tho-voi-dat-nuoc-53994.html)

**Tham khảo đoạn văn**

“Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta”. Tình yêu quê hương, đất nước đã trở thành mạch nguồn dồi dào cho những sáng tác thi ca nhạc họa. “Bài thơ của một người yêu nước mình” của tác giả Trần Vàng Sao cũng nằm trong mạch nguồn ấy. Ngay từ nhan đề bài thơ đã thông báo, truyền tải đến độc giả về một tình yêu thiêng liêng, sâu đậm: tình yêu nước. Tiếp đó là những câu thơ bình dị, không viết hoa đầu dòng, không có dấu chấm, dấu phẩy. Hình thức thơ độc đáo này như một sự khẳng định về mạch nguồn chảy mãi, không ngắt quãng, không chịu dừng lại. Tình yêu đất nước trong thơ Trần Vàng Sao gắn liền với tình thân gia đình, những rung động với từng cảnh vật, con người trên quê hương, trở đi trở lại qua điệp từ “tôi yêu”:

*tôi yêu đất nước này áo rách*

*…*

*tôi yêu đất nước này như thế*

Ý thơ hoà quyện giữa khung cảnh thanh bình và hiện thực tàn khốc. Làng quê đất nước hiện lên thơ mộng nhưng cũng mang đậm giá trị hiện thực “đất nước áo rách”, “căn nhà dột phên”. Và, cuộc sống của những con người ở đó, nơi chiến trinh lửa đạn đi qua đầy những cơ cực nhưng cũng để lại muôn vàn thương yêu. Từng chi tiết bình dị, thân thuộc đi vào trong thơ ông một cách tự nhiên nhất: “cây cỏ trong vườn”, “bài mái đẩy”, “câu vọng cổ” … Tất cả đã đi vào trong thơ của Trần Vàng Sao một cách tự nhiên và chan chứa yêu thương.

**3. Nói và nghe**

[**Câu hỏi (trang 134 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 1):**Trình bày cảm xúc của em sau khi đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ yêu thích.](https://vietjack.me/trinh-bay-cam-xuc-cua-em-sau-khi-doc-mot-bai-tho-hoac-doan-tho-yeu-thi-80250.html)

**Gợi ý:**

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến.

     Nếu ở đầu bài thơ tác giả miêu tả những hình ảnh làm đẹp thêm, tô điểm thêm cho mùa xuân là âm thanh náo nức vang trời của tiếng chim chiền chiện và sắc màu tím biếc dịu dàng của cánh lục bình nhỏ trên sông thì ở đây tứ thơ được lặp lại, tạo ra sự đối ứng chặt chẽ. Tác giả mong muốn được làm bông hoa toả ngát hương, con chim mang tiếng hót và nốt trầm xao xuyến để hiến dâng nhưng không làm mất đi nét riêng của mỗi người. Đó thực sự là lời tâm niệm chân thành, tha thiết, khiêm nhường và khát khao được cống hiến phần tinh tuý nhất của mình làm đẹp thêm mùa xuân của quê hương, xứ sở mà không bị giới hạn bởi thời gian, tuổi tác.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Ôn tập kĩ các nội dung trên chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối kỳ I.

**4. Hướng dẫn về nhà**

- Ôn tập các nội dung trên

- Chuẩn bị kiểm tra cuối kỳ

**TIẾT 67,68:**

**KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Năng lực:**

- Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng nhận biết, kỹ năng vận dụng, kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức kiểm tra đã được học trong học kỳ I.

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật hoặc Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2. Phẩm chất :**

- Trung thực, tự giác, nghiêm túc có trách nhiệm trong kiểm tra.

- Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra

**II. Chuẩn bị:**

1. GV: Đề kiểm tra.

2. HS: Học bài cũ, chuẩn bị giấy, bút... kiểm tra.

**III. Hình thức kiểm tra:** Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan

**MA TRẬN, BẢN MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (Thơ 4 chữ, 5 chữ) |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Hiểu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| Tùy bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  -Hiểu được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Hiểu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Cảm nhận được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:** Kiểu bài, bố cục, xác định được yêu cầu của đề.  **Thông hiểu:** Xác định đặc điểm nhân vật: lời kể, ngôn ngữ, hành động nhân vật,....  **Vận dụng:** Vận dụng các yếu tố để viết bài.  **Vận dụng cao:** Sáng tạo, sinh động, hấp dẫn.  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc | **Nhận biết:** Kiểu bài, bố cục, xác định được yêu cầu của đề.  **Thông hiểu:** Xác định đối tượng biểu cảm, trình tự sắp xếp các ý,....  **Vận dụng:** Vận dụng các yếu tố để viết bài.  **Vận dụng cao:** Sáng tạo, sinh động, hấp dẫn.  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân |
| **Tổng** | |  | | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ SỐ 1 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Từ ngày con thơ bé

Đến bây giờ lớn khôn

Tiếng ru hời khe khẽ

Vẫn thấm đượm tâm hồn

Qua những ngày nắng nóng

Chân mẹ đã khô cằn

Mùa lũ về nước chảy

Mẹ dãi dầu vai sương

Này dáng mẹ thon thon

Này bàn tay nhỏ nhắn

Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?

Sao nhiều quá nếp nhăn?

Một đời mẹ trở trăn

Lo những ngày con ốm

Mẹ trăm bề thấp thỏm

Cho con giấc ngủ lành

Mẹ cắt bớt tuổi xanh

Con bây giờ đã lớn

Mười mấy năm xa nhà

Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!

Con cứ hẹn xuân về

Sẽ thăm lại vườn quê

Mà bao mùa mai nở

Vẫn riêng mình thỏa thuê!

( *Mẹ*- Huỳnh Minh Nhật)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

**B. Năm chữ**

C. Bảy chữ

D. Tám chữ

**Câu 2:** Trong hai câu đầu khổ thơ thứ ba tác giả sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

A. So sánh

**B. Điệp từ**

C. Liệt kê

D. Nhân hóa

**Câu 3:** Bài thơ trên viết về hình ảnh nào?

A. Mùa xuân

B. Con

**C. Mẹ**

D. Quê hương

**Câu 4:** Em hiểu từ “thấp thỏm ” trong câu thơ “Mẹ trăm bề thấp thỏm” thuộc từ loại nào?

A. Từ Ghép.

B. Đại Từ.

**C. Từ Láy.**

D. Danh Từ.

**Câu 5: Hình ảnh “Mẹ dãi dầu vai sương” thể hiện điều gì?**

A. Sự siêng năng, chăm chỉ của mẹ.

**B. Sự vất vả, gian truân đè nặng lên đôi vai gầy của mẹ**

C. Mẹ gánh vác mọi công việc gia đình.

D. Mẹ yêu thương con hết mực không quản gian lao.

**Câu 6: Bài thơ “Mẹ” đã gợi lên tình cảm của ai? Đó là tình cảm như thế nào?**

A. Tình cảm nhớ nhung da diết của người cháu về người bà.

B. Tình cảm yêu thương của người lính dành cho người mẹ của mình.

**C. Tình cảm nhớ nhung, biết ơn sâu nặng của người con với mẹ của mình khi đã trưởng thành rời xa gia dình.**

D. Tình bạn bè tha thiết, sâu nặng.

**Câu 7:** Người con đã thể hiện tâm trạng như thế nào qua khổ thơ sau:

*Này dáng mẹ thon thon*

*Này bàn tay nhỏ nhắn*

*Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?*

*Sao nhiều quá nếp nhăn?*

A. Tâm trạng vui sướng, hãnh diện.

B. Tâm trạng buồn bã, tiếc thương.

C. Tâm trạng chán nản, bế tắc.

**D. Tâm trạng xót xa, đau dớn.**

**Câu 8: Nội dung chính của bài thơ “Mẹ” thể hiện là gì?**

A. Bài thơ đã gợi về kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với quê hương.

B. Bài thơ gợi về kỉ niệm khi con bị ốm được mẹ chăm sóc.

C. Bài thơ nói về nỗi nhớ của con với người mẹ của mình.

**D. Bài thơ là dòng hoài niệm đầy nhớ nhung về người mẹ tần tảo, hi sinh suốt đời để dành yêu thương trọn vẹn, chắp cánh ước mơ cho con trưởng thành bay cao, bay xa.**

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Từ “cắt” trong đoạn thơ có nghĩa là gì? Nêu tác dụng của nó trong đoạn thơ?

*Mẹ cắt bớt tuổi xanh*

*Con bây giờ đã lớn*

*Mười mấy năm xa nhà*

*Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!*

**Câu 10: Qua bài thơ “Mẹ” tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta bài học nào?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn phát biểu cảm nghĩ về một người thân trong gia đình.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - Xác định được nghĩa của từu ngữ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** Cắt: bỏ bớt  *+* Tác dụng: từ “cắt” được tác giả Huỳnh Minh Nhật sử dụng rất hay. Mẹ đã bỏ bớt tuổi thanh xuân với dáng người thon thon, với đôi tay nhỏ nhắn nay đã chằng chịt những vết nhăn, chấp nhận những gian lao vất vả, hi sinh để nuôi con khôn lớn nên người. Đó là tình yêu vô bờ bến mà mẹ đã dành cho con. | 1,0 |
| 10 | - HS trình bày được bài học mà tác giả gửi gắm:  Trên chặng đường trưởng thành và bay cao bay xa của mình, mẹ đã nuôi con bằng dòng sữa ngọt ngào, bằng tiếng ru sâu lắng, bằng cuộc đời tần tảo hi sinh. Là những đứa con hãy ghi nhớ, trân trọng, biết ơn, báo đáp công lao sinh thành dưỡng dục của mẹ suốt đời không quên. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 2 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Từ ngày con thơ bé

Đến bây giờ lớn khôn

Tiếng ru hời khe khẽ

Vẫn thấm đượm tâm hồn

Qua những ngày nắng nóng

Chân mẹ đã khô cằn

Mùa lũ về nước chảy

Mẹ dãi dầu vai sương

Này dáng mẹ thon thon

Này bàn tay nhỏ nhắn

Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?

Sao nhiều quá nếp nhăn?

Một đời mẹ trở trăn

Lo những ngày con ốm

Mẹ trăm bề thấp thỏm

Cho con giấc ngủ lành

Mẹ cắt bớt tuổi xanh

Con bây giờ đã lớn

Mười mấy năm xa nhà

Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!

Con cứ hẹn xuân về

Sẽ thăm lại vườn quê

Mà bao mùa mai nở

Vẫn riêng mình thỏa thuê!

( *Mẹ*- Huỳnh Minh Nhật)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1: Hình ảnh “Mẹ dãi dầu vai sương” thể hiện điều gì?**

A. Sự siêng năng, chăm chỉ của mẹ.

**B. Sự vất vả, gian truân đè nặng lên đôi vai gầy của mẹ**

C. Mẹ gánh vác mọi công việc gia đình.

D. Mẹ yêu thương con hết mực không quản gian lao.

**Câu 2:** Em hiểu từ “thấp thỏm ” trong câu thơ “Mẹ trăm bề thấp thỏm” thuộc từ loại nào?

A. Từ Ghép.

B. Đại Từ.

**C. Từ Láy.**

D. Danh Từ.

**Câu 3:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

**B. Năm chữ**

C. Bảy chữ

D. Tám chữ

**Câu 4:** Trong hai câu đầu khổ thơ thứ ba tác giả sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Liệt kê

**D. Điệp từ**

**Câu 5:** Bài thơ trên viết về hình ảnh nào?

A. Mùa xuân

B. Con

**C. Mẹ**

D. Quê hương

**Câu 6: Nội dung chính của bài thơ “Mẹ” thể hiện là gì?**

A. Bài thơ đã gợi về kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với quê hương.

B. Bài thơ gợi về kỉ niệm khi con bị ốm được mẹ chăm sóc.

C. Bài thơ nói về nỗi nhớ của con với người mẹ của mình.

**D. Bài thơ là dòng hoài niệm đầy nhớ nhung về người mẹ tần tảo, hi sinh suốt đời để dành yêu thương trọn vẹn, chắp cánh ước mơ cho con trưởng thành bay cao, bay xa.**

**Câu 7:** Người con đã thể hiện tâm trạng như thế nào qua khổ thơ sau:

*Này dáng mẹ thon thon*

*Này bàn tay nhỏ nhắn*

*Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?*

*Sao nhiều quá nếp nhăn?*

A. **Tâm trạng xót xa, đau dớn.**

B. Tâm trạng buồn bã, tiếc thương.

C. Tâm trạng chán nản, bế tắc.

D. Tâm trạng vui sướng, hãnh diện.

**Câu8: Bài thơ “Mẹ” đã gợi lên tình cảm của ai? Đó là tình cảm như thế nào?**

A. Tình cảm nhớ nhung da diết của người cháu về người bà.

B. Tình cảm yêu thương của người lính dành cho người mẹ của mình.

**C. Tình cảm nhớ nhung, biết ơn sâu nặng của người con với mẹ của mình khi đã trưởng thành rời xa gia dình.**

D. Tình bạn bè tha thiết, sâu nặng.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Từ “cắt” trong đoạn thơ có nghĩa là gì? Nêu tác dụng của nó trong đoạn thơ?

*Mẹ cắt bớt tuổi xanh*

*Con bây giờ đã lớn*

*Mười mấy năm xa nhà*

*Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!*

**Câu 10: Qua bài thơ “Mẹ” tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta bài học nào?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn phát biểu cảm nghĩ về một người thân trong gia đình.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | C | 0,5 |
| 3 | B | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | C | 0,5 |
| 9 | - Xác định được nghĩa của từu ngữ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** Cắt: bỏ bớt  *+* Tác dụng: từ “cắt” được tác giả Huỳnh Minh Nhật sử dụng rất hay. Mẹ đã bỏ bớt tuổi thanh xuân với dáng người thon thon, với đôi tay nhỏ nhắn nay đã chằng chịt những vết nhăn, chấp nhận những gian lao vất vả, hi sinh để nuôi con khôn lớn nên người. Đó là tình yêu vô bờ bến mà mẹ đã dành cho con. | 1,0 |
| 10 | - HS trình bày được bài học mà tác giả gửi gắm:  Trên chặng đường trưởng thành và bay cao bay xa của mình, mẹ đã nuôi con bằng dòng sữa ngọt ngào, bằng tiếng ru sâu lắng, bằng cuộc đời tần tảo hi sinh. Là những đứa con hãy ghi nhớ, trân trọng, biết ơn, báo đáp công lao sinh thành dưỡng dục của mẹ suốt đời không quên. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 3 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Từ ngày con thơ bé

Đến bây giờ lớn khôn

Tiếng ru hời khe khẽ

Vẫn thấm đượm tâm hồn

Qua những ngày nắng nóng

Chân mẹ đã khô cằn

Mùa lũ về nước chảy

Mẹ dãi dầu vai sương

Này dáng mẹ thon thon

Này bàn tay nhỏ nhắn

Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?

Sao nhiều quá nếp nhăn?

Một đời mẹ trở trăn

Lo những ngày con ốm

Mẹ trăm bề thấp thỏm

Cho con giấc ngủ lành

Mẹ cắt bớt tuổi xanh

Con bây giờ đã lớn

Mười mấy năm xa nhà

Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!

Con cứ hẹn xuân về

Sẽ thăm lại vườn quê

Mà bao mùa mai nở

Vẫn riêng mình thỏa thuê!

( *Mẹ*- Huỳnh Minh Nhật)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Bảy chữ

**C. Năm chữ**

D. Tám chữ

**Câu 2:** Em hiểu từ “thấp thỏm ” trong câu thơ “Mẹ trăm bề thấp thỏm” thuộc từ loại nào?

A. Từ Ghép.

B. Đại Từ.

C. Danh từ.

**D. Từ láy.**

**Câu 3:** Bài thơ trên viết về hình ảnh nào?

A. Mùa xuân

B. Con

**C. Mẹ**

D. Quê hương

**Câu 4:** Trong hai câu đầu khổ thơ thứ ba tác giả sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

**A. Điệp từ**

B. Nhân hóa

C. Liệt kê

D. So sánh

**Câu 5: Hình ảnh “Mẹ dãi dầu vai sương” thể hiện điều gì?**

A. Sự siêng năng, chăm chỉ của mẹ.

**B. Sự vất vả, gian truân đè nặng lên đôi vai gầy của mẹ**

C. Mẹ gánh vác mọi công việc gia đình.

D. Mẹ yêu thương con hết mực không quản gian lao.

**Câu 6: Bài thơ “Mẹ” đã gợi lên tình cảm của ai? Đó là tình cảm như thế nào?**

A. Tình cảm nhớ nhung da diết của người cháu về người bà.

B. Tình cảm yêu thương của người lính dành cho người mẹ của mình.

**C. Tình cảm nhớ nhung, biết ơn sâu nặng của người con với mẹ của mình khi đã trưởng thành rời xa gia dình.**

D. Tình bạn bè tha thiết, sâu nặng.

**Câu 7: Nội dung chính của bài thơ “Mẹ” thể hiện là gì?**

A. Bài thơ đã gợi về kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với quê hương.

B. Bài thơ gợi về kỉ niệm khi con bị ốm được mẹ chăm sóc.

C. Bài thơ nói về nỗi nhớ của con với người mẹ của mình.

**D. Bài thơ là dòng hoài niệm đầy nhớ nhung về người mẹ tần tảo, hi sinh suốt đời để dành yêu thương trọn vẹn, chắp cánh ước mơ cho con trưởng thành bay cao, bay xa.**

**Câu 8:** Người con đã thể hiện tâm trạng như thế nào qua khổ thơ sau:

*Này dáng mẹ thon thon*

*Này bàn tay nhỏ nhắn*

*Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?*

*Sao nhiều quá nếp nhăn?*

A. **Tâm trạng xót xa, đau dớn.**

B. Tâm trạng buồn bã, tiếc thương.

C. Tâm trạng chán nản, bế tắc.

D. Tâm trạng vui sướng, hãnh diện.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Từ “cắt” trong đoạn thơ có nghĩa là gì? Nêu tác dụng của nó trong đoạn thơ?

*Mẹ cắt bớt tuổi xanh*

*Con bây giờ đã lớn*

*Mười mấy năm xa nhà*

*Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!*

**Câu 10: Qua bài thơ “Mẹ” tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta bài học nào?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn phát biểu cảm nghĩ về một người thân trong gia đình.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | A | 0,5 |
| 9 | - Xác định được nghĩa của từu ngữ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** Cắt: bỏ bớt  *+* Tác dụng: từ “cắt” được tác giả Huỳnh Minh Nhật sử dụng rất hay. Mẹ đã bỏ bớt tuổi thanh xuân với dáng người thon thon, với đôi tay nhỏ nhắn nay đã chằng chịt những vết nhăn, chấp nhận những gian lao vất vả, hi sinh để nuôi con khôn lớn nên người. Đó là tình yêu vô bờ bến mà mẹ đã dành cho con. | 1,0 |
| 10 | - HS trình bày được bài học mà tác giả gửi gắm:  Trên chặng đường trưởng thành và bay cao bay xa của mình, mẹ đã nuôi con bằng dòng sữa ngọt ngào, bằng tiếng ru sâu lắng, bằng cuộc đời tần tảo hi sinh. Là những đứa con hãy ghi nhớ, trân trọng, biết ơn, báo đáp công lao sinh thành dưỡng dục của mẹ suốt đời không quên. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

**ĐỀ SỐ 4 ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Từ ngày con thơ bé

Đến bây giờ lớn khôn

Tiếng ru hời khe khẽ

Vẫn thấm đượm tâm hồn

Qua những ngày nắng nóng

Chân mẹ đã khô cằn

Mùa lũ về nước chảy

Mẹ dãi dầu vai sương

Này dáng mẹ thon thon

Này bàn tay nhỏ nhắn

Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?

Sao nhiều quá nếp nhăn?

Một đời mẹ trở trăn

Lo những ngày con ốm

Mẹ trăm bề thấp thỏm

Cho con giấc ngủ lành

Mẹ cắt bớt tuổi xanh

Con bây giờ đã lớn

Mười mấy năm xa nhà

Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!

Con cứ hẹn xuân về

Sẽ thăm lại vườn quê

Mà bao mùa mai nở

Vẫn riêng mình thỏa thuê!

( *Mẹ*- Huỳnh Minh Nhật)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết về hình ảnh nào?

A. Mùa xuân

B. Con

**C. Mẹ**

D. Quê hương

**Câu 2:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Bảy chữ

C. Tám chữ

**D. Năm chữ**

**Câu 3:** Em hiểu từ “thấp thỏm ” trong câu thơ “Mẹ trăm bề thấp thỏm” thuộc từ loại nào?

**A. Từ láy.**

B. Đại Từ.

C. Danh từ.

D. Từ Ghép.

**Câu 4: Hình ảnh “Mẹ dãi dầu vai sương” thể hiện điều gì?**

A. Sự siêng năng, chăm chỉ của mẹ.

**B. Sự vất vả, gian truân đè nặng lên đôi vai gầy của mẹ**

C. Mẹ gánh vác mọi công việc gia đình.

D. Mẹ yêu thương con hết mực không quản gian lao.

**Câu 5: Trong hai câu đầu khổ thơ thứ ba tác giả sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?**

**A. Điệp từ**

B. Nhân hóa

C. Liệt kê

D. So sánh

**Câu 6:** Người con đã thể hiện tâm trạng như thế nào qua khổ thơ sau:

*Này dáng mẹ thon thon*

*Này bàn tay nhỏ nhắn*

*Ủa đâu rồi mẹ nhỉ?*

*Sao nhiều quá nếp nhăn?*

A. Tâm trạng buồn bã, tiếc thương.

B. **Tâm trạng xót xa, đau dớn.**

C. Tâm trạng chán nản, bế tắc.

D. Tâm trạng vui sướng, hãnh diện.

**Câu 7: Nội dung chính của bài thơ “Mẹ” thể hiện là gì?**

A. Bài thơ đã gợi về kỉ niệm tuổi thơ gắn liền với quê hương.

B. Bài thơ gợi về kỉ niệm khi con bị ốm được mẹ chăm sóc.

C. Bài thơ nói về nỗi nhớ của con với người mẹ của mình.

**D. Bài thơ là dòng hoài niệm đầy nhớ nhung về người mẹ tần tảo, hi sinh suốt đời để dành yêu thương trọn vẹn, chắp cánh ước mơ cho con trưởng thành bay cao, bay xa.**

**Câu 8: Bài thơ “Mẹ” đã gợi lên tình cảm của ai? Đó là tình cảm như thế nào?**

A. Tình cảm nhớ nhung da diết của người cháu về người bà.

B. Tình cảm yêu thương của người lính dành cho người mẹ của mình.

**C. Tình cảm nhớ nhung, biết ơn sâu nặng của người con với mẹ của mình khi đã trưởng thành rời xa gia dình.**

D. Tình bạn bè tha thiết, sâu nặng.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Từ “cắt” trong đoạn thơ có nghĩa là gì? Nêu tác dụng của nó trong đoạn thơ?

*Mẹ cắt bớt tuổi xanh*

*Con bây giờ đã lớn*

*Mười mấy năm xa nhà*

*Nhớ mẹ! Lòng đau đớn!*

**Câu 10: Qua bài thơ “Mẹ” tác giả muốn gửi gắm đến chúng ta bài học nào?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn phát biểu cảm nghĩ về một người thân trong gia đình.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | B | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | C | 0,5 |
| 9 | - Xác định được nghĩa của từu ngữ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** Cắt: bỏ bớt  *+* Tác dụng: từ “cắt” được tác giả Huỳnh Minh Nhật sử dụng rất hay. Mẹ đã bỏ bớt tuổi thanh xuân với dáng người thon thon, với đôi tay nhỏ nhắn nay đã chằng chịt những vết nhăn, chấp nhận những gian lao vất vả, hi sinh để nuôi con khôn lớn nên người. Đó là tình yêu vô bờ bến mà mẹ đã dành cho con. | 1,0 |
| 10 | - HS trình bày được bài học mà tác giả gửi gắm:  Trên chặng đường trưởng thành và bay cao bay xa của mình, mẹ đã nuôi con bằng dòng sữa ngọt ngào, bằng tiếng ru sâu lắng, bằng cuộc đời tần tảo hi sinh. Là những đứa con hãy ghi nhớ, trân trọng, biết ơn, báo đáp công lao sinh thành dưỡng dục của mẹ suốt đời không quên. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

***Thứ 3 ngày 13 tháng 12 năm 2022***